

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**ỨNG DỤNG CÔNG CỤ FLIPGRID ĐỂ TĂNG CƯỜNG  
KHẢ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN  
NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm: ThS. ĐINH THỊ THÙY LINH**

**Đơn vị: KHOA NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**NINH BÌNH, 2021**

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**ỨNG DỤNG CÔNG CỤ FLIPGRID ĐỂ TĂNG CƯỜNG  
KHẢ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN  
NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm : ThS. ĐINH THỊ THÙY LINH**

**Các thành viên: ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG TUYẾN**

**ThS. DƯƠNG THỊ NGỌC ANH**

**ThS. HOÀNG THỊ TUYẾT**

**ThS. NGUYỄN THỊ MIỀN**

**Đơn vị: KHOA NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**NINH BÌNH, 2021**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	4
<b>PHẦN NỘI DUNG .....</b>	<b>5</b>
<b>CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI.....</b>	<b>5</b>
1.1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	5
1.2. TỔNG QUAN VỀ FLIPGRID .....	6
1.2.1. Giới thiệu về Flipgrid .....	6
1.2.2. Ưu điểm và nhược điểm của Flipgrid .....	7
1.2.3. Hướng dẫn cách sử dụng Flipgrid trong việc dạy, học kỹ năng nói .....	11
1.3. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH.....	24
1.3.1. Kỹ năng nói và vai trò của kỹ năng nói trong giao tiếp.....	24
1.3.2. Việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh.....	25
1.3.3. Những vấn đề người học gặp phải khi học kỹ năng nói tiếng Anh .....	27
1.4. TỔNG QUAN VỀ HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 .....	29
1.5. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG CỤ FLIPGRID TRONG DẠY, HỌC KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH .....	34
<b>CHƯƠNG 2: THỰC NGHIỆM .....</b>	<b>36</b>
2.1. TỔNG QUAN BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU....	36
2.1.1. Bối cảnh nghiên cứu.....	36
2.1.2. Khách thể nghiên cứu.....	37
2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	37
2.2.1. Biện thể nghiên cứu.....	37
2.2.2. Nghiệm thể nghiên cứu .....	38
2.2.3. Công cụ thu thập số liệu.....	38
2.3. QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM.....	42
2.3.1. Trước khi làm thực nghiệm.....	42
2.3.2. Giai đoạn thực nghiệm .....	43
2.3.3. Sau khi làm thực nghiệm.....	44
2.3.4. Tài liệu dùng trong nghiên cứu. ....	44
2.4. XỬ LÝ SỐ LIỆU .....	45
2.4.1. Công cụ xử lý số liệu.....	45

2.4.2. Cách thức xử lý số liệu.....	45
<b>CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM.....</b>	<b>46</b>
3.1. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỪ PHÍA SINH VIÊN .....	46
3.1.1. Kết quả nghiên cứu từ các bài kiểm tra.....	45
3.1.2. Kết quả nghiên cứu từ các phiếu khảo sát.....	51
3.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỪ PHÍA GIẢNG VIÊN THÔNG QUA PHIẾU KHẢO SÁT .....	65
3.3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỪ QUAN SÁT, DỰ GIỜ .....	66
3.3.1. Kết quả từ quan sát giờ dạy, dự giờ .....	66
3.3.2. Quan sát trên Flipgrid .....	68
3.4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG CỤ FLIPGRID .....	69
<b>PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>71</b>
1. Kết luận .....	71
2. Kiến nghị .....	71
<b>CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI.....</b>	<b>72</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>72</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG, HÌNH

Bảng 1.1. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ...	31
Bảng 1.2. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ..	31
Bảng 1.3. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ...	31
Bảng 3.1. Kết quả bài kiểm tra số 1 của 2 nhóm .....	47
Bảng 3.2. Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm đối chứng.....	48
Bảng 3.3. Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm thực nghiệm.....	49
Bảng 3.4. Kết quả bài kiểm tra số 2 của 2 nhóm .....	50
Bảng 3.5. Kết quả điểm tổng hợp đánh giá học phần giữa 2 nhóm.....	51
Bảng 3.6. Điểm trung bình các yếu tố.....	57
Bảng 3.7. Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh.....	58
Bảng 3.8. Ảnh hưởng của Flipgrid đối với kỹ năng nói tiếng Anh .....	59
Bảng 3.9. Tham gia học tập .....	60
Bảng 3.10. Yếu tố tương tác xã hội.....	61
Bảng 3.11. Sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai .....	61
Biểu đồ 3.1. Giá trị trung bình cộng (Mean) của bài kiểm tra số 1 ở 2 nhóm....	47
Biểu đồ 3.2. Giá trị trung bình cộng (Mean) của kiểm tra số 1 và số 2 ở nhóm đối chứng.....	48
Biểu đồ 3.3. Giá trị trung bình cộng (mean) của kiểm tra số 1 và số 2 ở nhóm thực nghiệm.....	49
Biểu đồ 3.4. Giá trị trung bình cộng (mean) của bài kiểm tra số 2 ở cả 2 nhóm	50
Biểu đồ 3.5. Đánh giá mức độ khó của 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết.....	52
Biểu đồ 3.6. Khả năng nói tiếng Anh của SV năm nhất trường ĐH Hoa Lu .....	53
Biểu đồ 3.7. Các hoạt động trong giờ học nói trên lớp.....	54
Biểu đồ 3.8. Mức độ tham gia các hoạt động nói trên lớp.....	55
Biểu đồ 3.9. Thời gian phân bố trên lớp .....	56
Biểu đồ 3.10. Thực trạng việc dạy học kỹ năng nói trên lớp.....	63
Biểu đồ 3.11. Biểu hiện của SV trong giờ học nói trên lớp.....	63
Biểu đồ 3.12. Các yếu tố .....	65
Biểu đồ 3.13. Lợi ích của Flipgrid .....	65
Hình 3.1. Số liệu trên Grid .....	68

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KÍ HIỆU

ĐC: Đối chứng

TN: Thực nghiệm

Trị số p: Mức ý nghĩa

Mean (M): Giá trị trung bình cộng

SD: Độ lệch chuẩn

N: Số lượng

Min: Giá trị nhỏ nhất

Max: Giá trị lớn nhất

CNTT: Công nghệ thông tin

Do mặc định của máy nên dấu ngăn cách của số thập phân là dấu (.)

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

#### 1.1. Cơ sở lý luận

Trong xu thế hội nhập hiện nay, hơn lúc nào hết, tiếng Anh được xem như một ngôn ngữ phổ thông nhất, là phương tiện đặc biệt hữu ích phục vụ cho việc giao tiếp, trao đổi kinh tế, văn hoá...vv trên toàn thế giới. Chính phủ, Bộ GD-ĐT đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong toàn hệ thống các trường học và bậc học tại Việt Nam. Đặc biệt là nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ tại các trường cao đẳng, đại học. Việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ đã và đang được đầu tư rất lớn với mục tiêu SV *“tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

Theo Quyết định 2080/QĐ-TTg do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 22/12/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 đã định hướng: *“Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dạy và học ngoại ngữ với hệ thống học liệu điện tử phù hợp mọi đối tượng để người học có thể học ngoại ngữ, tiếp cận tiếng bản ngữ mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi phương tiện, đặc biệt trong phát triển kỹ năng nghe và kỹ năng nói”*. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đào tạo đã tạo nên nhiều thành tựu lớn: nó đã làm thay đổi phương thức đào tạo truyền thống, tạo môi trường giáo dục mang tính tương tác từ đó thúc đẩy việc học tập nhanh chóng, hiệu quả, tạo hứng thú cho người học, giúp người học có thể học tập ở mọi nơi mọi lúc. Công nghệ thông tin là phương tiện để chúng ta tiến tới một xã hội học tập tiên tiến.

Trên thực tế đã có số lượng lớn các công cụ, phần mềm được đưa vào ứng dụng để giảng dạy đặc biệt là trong việc giảng dạy môn Tiếng Anh. Flipgrid là một ứng dụng được cung cấp bởi Microsoft giúp mọi người kết nối với nhau thông qua web, được sử dụng rộng rãi và hoàn toàn miễn phí cho các nhà giáo dục chỉ cần có máy tính, điện thoại và kết nối Internet. Flipgrid được các giảng viên ưa chuộng sử dụng trong việc giảng dạy ngoại ngữ vì sự hữu ích rất lớn của nó. Theo *TheVerge*, Flipgrid là một trong 100 công cụ hỗ trợ học tập tốt nhất

trong năm 2018. Flipgrid là một nền tảng mạng xã hội giáo dục cho phép giảng viên đặt ra các chủ đề; sinh viên thảo luận và trả lời các chủ đề tại nhà hoặc lớp học thông qua các video clip; trong khi phần còn lại của lớp học có thể theo dõi và gửi các phản hồi. Nền tảng này hiện được hơn 20 triệu giảng viên và sinh viên, học sinh tại hơn 180 quốc gia sử dụng. Đó là một công cụ video miễn phí, hoạt động tương tự như một diễn đàn thảo luận với một câu hỏi nhanh từ người hướng dẫn. Sau đó, sinh viên đăng câu trả lời và các bạn cùng lớp có thể trả lời, bình luận bài đăng của nhau. Flipgrid cho phép người học nghe được giọng nói của họ, chia sẻ giọng nói và tôn trọng giọng nói đa dạng của người khác. Theo tiến sỹ Charlie Miller [5], nhà đồng sáng lập và cũng là giám đốc thiết kế của Flipgrid cho rằng Flipgrid khiến cho người học mạnh dạn và chủ động hơn. Trong khi Michael J Shehane [13], một chuyên gia truyền thông của Flipgrid thì lại cho rằng Flipgrid có thể khiến học sinh hào hứng với các cuộc thảo luận trong lớp trước khi họ bước vào lớp học. Chính vì thế Flipgrid đã và đang được rất nhiều nhà giáo dục quan tâm và ứng dụng trong giảng dạy.

## **1.2 Cơ sở thực tiễn**

Ninh Bình là nơi có nhiều địa danh lịch sử, nhiều khu du lịch là điểm đến thu hút rất nhiều lượng khách trong và ngoài nước nên tiếng Anh có một vai trò quan trọng trong sự phát triển ngành du lịch, nhà hàng và khách sạn tại tỉnh. Ngoài ra, Ninh Bình cũng là thành phố đang phát triển với nhiều khu công nghiệp có sự đầu tư vốn nước ngoài. Hàng năm, có rất nhiều công ty trong địa bàn tỉnh (công ty trách nhiệm hữu hạn giấy Athena Việt Nam, công ty Viettel...), chủ các nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, homestays có nhu cầu tuyển dụng sinh viên có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh về làm việc tại cơ sở của họ. Nắm được nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương, trường đại học Hoa Lư đã chú trọng đến việc đào tạo tiếng Anh cơ bản cũng như tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên. Hơn thế nữa, nhà trường đã rất chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất, cung cấp đầy đủ trang thiết bị, tổ chức nhiều hoạt động (hoạt động ngoại khóa, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ tiếng Anh hàng tháng v.v. Mặc dù vậy, hiệu quả cải thiện kỹ năng nói vẫn chưa cao. Số lượng sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh chưa nhiều. Đó vẫn là một vấn đề làm đau đầu đối với các nhà quản lý giáo dục và các nhà giáo dục.



Trong bối cảnh dịch Covid lan rộng trên toàn cầu, tình hình dịch bệnh biến đổi phức tạp không ngừng, xuất hiện nhiều biến chủng mới, việc giảng dạy đòi hỏi phải có những phương thức phù hợp với tình hình mới, tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành kỹ năng nói nhiều hơn. Hơn thế nữa, đối với sinh viên năm thứ nhất, mới chuyển cấp học từ trung học phổ thông lên, các em chưa được chú trọng nhiều đến việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh nên còn gặp nhiều khó khăn, bỡ ngỡ.

Tại Trường Đại học Hoa Lư, phong trào ứng dụng CNTT trong giảng dạy đang phát triển mạnh mẽ. Vài năm trở lại đây đã có nhiều giảng viên mà điển hình là các giảng viên bộ môn Tiếng Anh đã đi đầu trong nghiên cứu ứng dụng các phần mềm CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ. Một số nghiên cứu điển hình như Thạc sỹ Nguyễn Thị Liên [2] “*Sử dụng phần mềm Wise.vn để thiết kế khoá học cho học phần Tiếng Anh thương mại căn bản 1*”. Thạc sỹ Nguyễn Thị Huệ [1] “*Nghiên cứu việc ứng dụng phần mềm Hot Potatoes trong dạy và học kỹ năng nghe thuộc học phần tiếng Anh 3 cho sinh viên khóa D10 tại Trường Đại học Hoa Lư.*” Báo cáo của cả hai nghiên cứu trên đều cho thấy ứng dụng CNTT mang lại có hiệu quả rất lớn trong giảng dạy Tiếng Anh. Gần đây nhất, Thạc sỹ Nguyễn Thị Miên, thành viên trong nhóm đề tài đã có 1 bài viết trên kỷ yếu hội thảo của trường Đại học Hoa Lư về những lợi ích tích cực cũng như hiệu quả của việc sử dụng Flipgrid đối với kỹ năng nói nhưng cũng như trong kết luận của mình, nhóm tác giả mới chỉ dừng lại ở phạm vi nhỏ: quan sát, phỏng vấn sinh viên trong 1 lớp đang học học phần tiếng Anh 3, sử dụng giáo trình New English File. Tuy nhiên, hiện chưa có tác giả nào khác thực hiện nghiên cứu về việc sử dụng công cụ Flipgrid vào giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh tại Trường đại học Hoa Lư. Vì vậy, nhóm đề tài mạnh dạn nghiên cứu vấn đề này với quy mô lớn hơn: sử dụng phương pháp thực nghiệm, có đối chứng nhằm tăng độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu của mình để chứng minh việc áp dụng Flipgrid trong quá trình dạy nói có hiệu quả hơn so với phương pháp giảng dạy thông thường đồng thời tạo ra bộ bài tập luyện nói trên Flipgrid đối với học phần tiếng Anh 1, áp dụng cho giáo trình Smart Choice 1. Hơn thế nữa, bộ giáo trình Smart Choice phiên bản mới hiện nay có nguồn học liệu online rất phong phú, có thể khai thác được nhiều khi sử dụng công cụ Flipgrid trong việc giảng dạy.

Do đó, để đáp ứng nhu cầu học tiếng Anh của sinh viên, nhu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh ở Trường Đại học Hoa Lư, nhóm nghiên cứu lựa chọn đề tài “***Ứng dụng công cụ Flipgrid để tăng cường khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Hoa Lư***”.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài tập trung vào nghiên cứu việc ứng dụng Flipgrid trong dạy và học kỹ năng nói đối với sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Hoa Lư; từ đó đánh giá hiệu quả và đề xuất một số biện pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng công cụ này.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Nghiên cứu công cụ Flipgrid
- Kỹ năng nói thuộc học phần tiếng Anh 1

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Nghiên cứu hiệu quả ứng dụng công cụ Flipgrid trong việc dạy và học kỹ năng nói thuộc học phần tiếng Anh 1 cho sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Hoa Lư

### **3.3. Khách thể nghiên cứu**

- Sinh viên năm thứ nhất (khóa D13 & C27), Trường Đại học Hoa Lư.
- Các giảng viên bộ môn tiếng Anh, Trường Đại học Hoa Lư.

## **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Cách tiếp cận**

Lý thuyết – Thực nghiệm – Đề xuất

### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thực nghiệm
- Phương pháp thu thập, nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp khảo sát, điều tra
- Phương pháp phân tích, thống kê
- Phương pháp so sánh, đối chiếu
- Phương pháp quan sát, dự giờ

# NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

## CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

### 1.1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Sự phát triển nhanh như vũ bão của công nghệ thông tin đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, y tế, và đặc biệt là giáo dục. Nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin, giảng viên hiện nay đã có thể áp dụng nhiều công cụ, phần mềm vào giảng dạy đặc biệt là dạy các kỹ năng tiếng Anh để công việc của mình có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học. CNTT đã và đang giúp giảng viên có thể tạo ra không gian học tập mới để sinh viên có thể tiếp thu, trao đổi, thảo luận, kiểm tra, đánh giá kiến thức trên môi trường Internet mà không mất nhiều thời gian, công sức với chi phí không đáng kể. Một trong những phần mềm, công cụ được nhiều người ưa chuộng, sử dụng để hỗ trợ trong việc dạy và học kỹ năng nói chính là Flipgrid. Nó được biết đến như là một công cụ để chia sẻ giọng nói trên một diễn đàn thảo luận. Nó khiến người học tích cực, chủ động và hứng thú hơn trong việc học ngoại ngữ của mình. Hiệu quả sử dụng của công cụ này cũng đã được kiểm chứng qua hàng loạt nghiên cứu cụ thể của các học giả trên thế giới. Một nghiên cứu điển hình gần đây nhất là Difilippantonio-Pen, A. [7] đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống để tìm hiểu về sự ảnh hưởng, tác động của Flipgrid đối với kỹ năng nói tiếng Anh trên 11 học sinh lớp 7. Tác giả đã sử dụng những công cụ nghiên cứu như quan sát, phỏng vấn, bài kiểm tra nói, có sử dụng WIDA rubric để chấm bài nói. Sau 4 tuần nghiên cứu, tác giả đã nhận thấy rằng Flipgrid đã giúp người học tăng khả năng nói tiếng Anh cũng như tạo ra hứng thú học ngôn ngữ này. Còn Johnson, M [11] thì đã thực hiện nghiên cứu trên 25 học sinh lớp 6 tại trường Trung học cơ sở Midwestern (14 nữ, 11 nam) và 25 học sinh từ lớp 10 -12 Trung học phổ thông Midwestern (15 nữ, 8 nam). Tác giả đã sử dụng một số công cụ như quan sát video, dự giờ lớp học, bài kiểm tra nói (pre-test, post-test, có sử dụng rubric để đánh giá), phỏng vấn học sinh. Nghiên cứu chỉ ra rằng công cụ Flipgrid đã tạo ra một cộng đồng học trực tuyến, tăng tính tương tác và giao tiếp, tạo nên môi trường học tập kết nối tích cực.

Tại Việt Nam, thực tế cũng đã có rất nhiều nghiên cứu tìm hiểu về hiệu quả của việc ứng dụng các công cụ trên nền tảng CNTT trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ trong đó có các nghiên cứu đánh giá hiệu quả của Flipgrid. Nhóm tác giả Trần Thị Bạch Tuyết và Nguyễn Duy Khang [16] đến từ đại học Cần Thơ đã

tiên hành nghiên cứu ứng dụng Flipgrid trong lớp học tiếng Anh, về ảnh hưởng của Flipgrid đối với thái độ của người học nói tiếng Anh. Nghiên cứu được thực hiện trên 60 học sinh lớp 10 ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Ba công cụ chính được dùng là thang đo về sự lo lắng (FLCAS), điều tra khảo sát và phỏng vấn. Kết quả chỉ ra rằng sau khi áp dụng công cụ Flipgrid, học sinh đã giảm sự lo lắng và có thái độ tích cực đối với việc học nói Tiếng Anh.

Ngoài ra, thạc sỹ Nguyễn Thị Thanh Diệu [6] giảng viên tiếng Anh tại khoa Ngoại Ngữ - Trường Cao đẳng Sư Phạm Bà Rịa – Vũng Tàu, đã cam kết đổi mới phương pháp giảng dạy của mình, cô đã coi Flipgrid là nền tảng video tuyệt vời hỗ trợ việc giảng dạy tiếng Anh và đã áp dụng Flipgrid đối với 20 sinh viên năm thứ nhất trong việc luyện phát âm tiếng Anh. Sau khóa học có áp dụng Flipgrid, sinh viên đã có thêm động lực thực hành luyện phát âm, phát triển tính tự học và tự tin hơn.

Tất cả các nghiên cứu đều cho kết luận về tính hiệu quả của sử dụng Flipgrid trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cũng như tạo hứng thú, động lực học cho sinh viên khi học nói.

## **1.2. TỔNG QUAN VỀ FLIPGRID**

### **1.2.1. Giới thiệu về Flipgrid**

Flipgrid là một ứng dụng Internet có thể được sử dụng như một ứng dụng độc lập trên điện thoại thông minh và các thiết bị khác hoặc như một ứng dụng tích hợp. Khái niệm Flipgrid tương tự như một diễn đàn internet hoặc bảng tin: một trang web thảo luận trực tuyến, thân thiện với người dùng, nơi mọi người tổ chức các cuộc trò chuyện dưới dạng các tin nhắn được đăng. Trong trường hợp Flipgrid, giảng viên đăng các chủ đề để kích hoạt các cuộc trò chuyện để học sinh phản hồi và các tin nhắn đã nhập được thay thế bằng các video ngắn. Chỉ cần sinh viên có quyền truy cập vào các thiết bị có camera và có kết nối mạng là họ có thể bắt đầu. Flipgrid cung cấp cho mọi sinh viên có cơ hội phát biểu mà không phải lo lắng khi đứng trước lớp.

Vào tháng 6 năm 2018 Microsoft mua lại nền tảng Flipgrid, cung cấp miễn phí cho các nhà giáo dục trên toàn thế giới như một phần của Office 365 dành cho Giáo dục. Trong những năm gần đây Flipgrid dần trở thành một công cụ đánh giá phổ biến dành cho giảng viên trong và ngoài lớp học. Ban đầu, Flipgrid được tạo ra dành cho 12 người học nhưng đến nay Flipgrid đã trở thành một công cụ hữu ích kết nối các nhà giáo dục với người học trên hơn 180 quốc gia như trải nghiệm kỳ diệu với giọng nói từ chính người học.

Flipgrid là nền tảng thảo luận video hàng đầu được sử dụng cho các nhà giáo dục, sinh viên và gia đình trên toàn thế giới. Giảng viên đăng chủ đề để khơi nguồn cho các cuộc trò chuyện và học sinh trả lời bằng các video ngắn. Giảng viên tạo các nhóm chủ đề thảo luận và học sinh trả lời bằng video thuyết trình, chia sẻ trên webcam, máy tính bảng hoặc ứng dụng điện thoại. Học sinh được yêu cầu ghi lại các video ngắn, xác thực và có thể trả lời các video khác trong khi các nhà giáo dục kiểm soát 100% với kiểm duyệt video, kiểm soát truy cập và nhiều chức năng khác nữa. Với các công cụ ghi âm mạnh mẽ, dễ sử dụng, sinh viên có thể làm cho sự sáng tạo của họ được phát huy. Họ có thể quay video màn hình rộng, tạm dừng trong khi ghi, thêm nhiều hơn sau khi xem lại và cắt tỉa để hoàn thiện. Từ 15 giây đến 10 phút, sinh viên có thể có được một sản phẩm hoàn thiện hoặc một bài trình bày ngắn.

Áp dụng Flipgrid nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành nói tiếng Anh thường xuyên; tạo Cộng đồng để sinh viên giao tiếp, chia sẻ, học hỏi lẫn nhau; Cung cấp cho giảng viên một danh mục điện tử để quan sát quy trình luyện nói tiếng Anh của người học, dựa vào đó giảng viên có thể đưa ra phản hồi, nhận xét, thậm chí là lời khuyên để sinh viên hoàn thiện bản thân dần dần; đồng thời cung cấp cho giảng viên những căn cứ để đánh giá sự tiến bộ của sinh viên về kỹ năng nói.

Như vậy công cụ này giúp giảng viên tạo ra không gian học tập mới để sinh viên được thể hiện bản thân bên cạnh đó còn có thể tiếp thu, trao đổi, thảo luận, kiểm tra, đánh giá khả năng trên môi trường Internet mà không mất nhiều thời gian, công sức.

### **1.2.2. Ưu điểm và nhược điểm của Flipgrid**

#### **a. Ưu điểm**

Hiệp hội quốc tế TESOL [10] đã đưa ra những lợi ích của việc ứng dụng Flipgrid trong lớp học và đặc biệt khuyên chúng ta nên sử dụng Flipgrid vì đây là một ứng dụng miễn phí tuyệt vời.

Có thể nói cũng như các công cụ web khác, Flipgrid mang lại những lợi ích trong giảng dạy như:

- Tăng chất lượng dạy và học thông qua việc tạo môi trường học tập mới lạ và thúc đẩy sức sáng tạo từ phía người sử dụng.
- Dễ dàng tiếp cận và sử dụng chỉ cần thông qua 1-2 lần hướng dẫn.

- Cho phép truy cập nhanh chóng và kịp thời trong thời gian rất ngắn với chỉ vài giây là có thể mở xem các sản phẩm của bản thân và bạn cùng khóa, hay 1 vài phút có thể tải lên và xem sản phẩm của mình trên diễn đàn.

- Giảm một số chi phí giáo dục lớn khi mà hiện nay việc tiếp cận với công nghệ dễ dàng hơn rất nhiều với chỉ một chiếc điện thoại thông minh thông thường, một máy tính bảng hay một chiếc máy tính, người học có thể sử dụng hiệu quả Flipgrid.

- Tạo ra hứng thú học tập cho người học với việc bắt kịp xu hướng thích selfie của đa số bạn trẻ và thích được khích lệ sau mỗi sản phẩm tạo ra.

- Tăng cơ hội học tập mọi lúc mọi nơi cho người học, đặc biệt trong luyện nói hay thuyết trình Tiếng Anh.

- Các nhà giáo dục có thể quản lý việc luyện tập của người học, đánh giá quá trình và kết quả luyện tập của người học, thu thập thông tin và phản hồi người học kịp thời.

Trong việc dạy và học ngoại ngữ, tài liệu giảng dạy càng phong phú và đa dạng hơn dẫn tới xu hướng tài liệu học hay các bài tập không chỉ là các bản in chữ viết giao đến tay từng người học nữa mà còn là các tập ảnh, tệp âm thanh, hình ảnh, video... giảng viên có thể chuyển tất cả tới sinh viên chỉ trong 1 vài giây bằng một vài thao tác thông qua hệ thống.

Theo John Stoszowski [12] đến từ Central Lancashire đề cập trong bài báo nói về việc “sử dụng Flipgrid để phát triển xã hội học tập”, ông đã đưa ra những lợi ích của Flipgrid như sau:

**Truy cập:** Học sinh không cần tạo tài khoản hoặc ‘đăng ký’; họ chỉ cần liên kết web cho lưới của họ và có thể truy cập miễn phí. Điều này làm giảm bất kỳ sự quá tải tiềm ẩn nào đó xuất hiện in nền tảng học trực tuyến của họ.

**Sự tiện lợi:** Vì cuộc thảo luận không đồng bộ và không bị phụ thuộc vào thời gian hoặc địa điểm, nên nó có lợi hơn cho những sinh viên đi làm hoặc sống ngoài khuôn viên trường những người sẽ gặp nhiều khó khăn và bị ảnh hưởng khi họ phải dành thời gian ham gia các hoạt động ngoài lớp học, họ đánh giá rất cao tính linh hoạt mà Flipgrid cung cấp.

**Sự tham gia:** Thảo luận được phân bổ đồng đều trên cả nhóm. Trong lớp học trực tiếp có nhiều bạn hang hái tham gia các hoạt động của lớp, trái lại có những bạn lại khá rụt rè. Flipgrid tạo cơ hội đồng đều cho tất cả các sinh viên.

Bắt mắt. Sinh viên có vẻ thích xem nhau nói trên video hơn là đọc tài liệu viết, điều mà họ cho là tốn thời gian và ‘nhàm chán’. Nhưng sinh viên có kỹ năng viết và đọc kém phát triển cũng có vẻ thích tương tác dựa trên video hơn.

**Phản hồi:** Giảng viên thường xuyên dễ dàng có nhưng phản hồi bằng văn bản hoặc video cho sinh viên. Họ cũng có thể tùy chọn hình thức đánh giá phù hợp với đặc tính của môn học, đặc thù của sinh viên từ đó giúp sinh viên tự kiểm soát việc học của mình. Phản hồi có thể được gửi trực tiếp đến từng sinh viên thông qua email và chỉ có họ mới có thể xem được.

**Theo dõi:** Số lượt xem trên mỗi video cũng như tổng thời gian tương tác trên nhóm, được theo dõi một cách tự động. Điều này giúp dễ dàng giúp giảng viên có thể theo dõi mức độ tham gia của cá nhân và nhóm. Dữ liệu cũng có thể được xuất sang Excel, rất hữu ích nếu tham gia được đánh giá hoặc thêm vào các hệ thống chấm điểm khác.

**Khả năng tương thích:** Flipgrid có thể được tích hợp tùy chỉnh. Có nghĩa là Flipgrid có thể được nhúng vào một loạt các nền tảng trực tuyến học tập của sinh viên (ví dụ Backboard, Google classroom, Ms Teams...). Ngoài ra các video trên YouTube / Vimeo, cũng như các tệp và tài liệu được lưu trữ trên các nền tảng (ví dụ: Dropbox, GoogleDocs, OneNote), cũng có thể được nhúng vào cuộc thảo luận của Flipgrid.

Như vậy, Flipgrid là một công cụ rất hữu ích để tạo để thúc đẩy quá trình xã hội học tập, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tạo nội dung video trong kỷ nguyên kỹ thuật số. Nó đơn giản, trực quan dễ sử dụng, và sinh viên đánh giá cao sự tiện lợi và giao diện quen thuộc, dễ dùng.

## **b. Nhược điểm**

Trong bài báo của mình, John Stoszowski [12] cũng đề cập đến các điểm yếu và các rào cản tiềm ẩn cần khắc phục của flipgrid như sau:

**Năng lực cạnh tranh:** Như thường thấy trên nhiều nền tảng mạng xã hội, video có thể được thích hoặc được tim để thể hiện sự đồng tình hoặc tán thành. Điều này có thể dẫn đến tính cạnh tranh hoặc dẫn đến việc sự tự tin của một số sinh viên có thể bị giảm sút nếu một video nhận được ít lượt xem hoặc lượt thích hơn những video khác. (Tính năng này có thể bị vô hiệu hóa nếu giảng viên muốn.)

**Trang thiết bị:** Để truy cập và sử dụng nền tảng này, sinh viên phải có thiết bị kỹ thuật số phù hợp (tức là có máy ảnh và micrô) và kết nối internet tốt. Sinh viên có điện thoại hoặc máy tính bảng cũ hơn hoặc thông số kỹ thuật thấp hơn

có chất lượng âm thanh và hình ảnh kém hơn so với những thiết bị hiện đại gần đây thì có thể gặp một số vấn đề về kỹ thuật khi thực hiện làm bài.

**Sự ấn tượng:** Ban đầu, nhiều sinh viên lo ngại về việc nhận được sự đồng tình của bạn bè và ‘nói điều đúng’ thay vì đăng tải những quan điểm và ý kiến của bản thân. Một số sinh viên đã chuẩn bị bài để đọc, điều này làm giảm tính xác thực của một số video và dẫn đến việc một số bài quay thiếu tính chân thực. Dần dần, xu hướng này giảm bớt, khi giảng viên và các bạn chia sẻ về những cách làm hiệu quả nhất để nói lên được tiếng nói cá nhân mình.

**Sự tự tin:** Một số sinh viên tỏ ra không thoải mái khi bị chiếu trên màn hình, với một số bày tỏ lo ngại rằng ngoại hình của họ sẽ bị bạn bè đánh giá. Do đó, cần xem xét tính phù hợp của nền tảng dành cho người hướng nội, nhút nhát.

### **1.2.3. Hướng dẫn cách sử dụng Flipgrid trong việc dạy, học kỹ năng nói Tiếng Anh**

#### *a) Thuật ngữ thường xuất hiện trên nền tảng Flipgrid*

- Grid: Lưới (lớp học): Tạo cộng đồng người học, đặt tên cho lớp học và tạo mã lật tùy chỉnh hoặc sử dụng mã đề xuất tự động có sẵn). Có 4 cách thức sử dụng bao gồm sử dụng theo tên miền địa chỉ email của trường - Học sinh nhập Mã lật và xác minh email của trường bằng Microsoft hoặc Google; sử dụng theo Danh sách ID sinh viên do giảng viên tạo - Sinh viên nhập Mã lật và ID duy nhất của họ hoặc quét mã QR cho xác minh; sử dụng thông qua Google classroom; hay PLC và Công cộng - Cho phép mọi người xem video chỉ với Mã lật. Để quay video, người tham gia xác minh địa chỉ email của họ qua Microsoft hoặc Google.

- Topic: Chủ đề (các bài tập thực hành) Chủ đề cho phép giảng viên đưa ra các yêu cầu, nhắc nhở thảo luận có thể kèm theo các hướng dẫn cụ thể nếu cần thiết, học sinh vào để trả lời Chủ đề.

- Feedback: Phản hồi Đây là những video của sinh viên mà họ quay hoặc tải lên và thêm vào Chủ đề. Đây là cách họ chia sẻ giọng nói của họ!

- Responses: Trả lời (Sinh viên trả bài) Khi được kích hoạt, các câu trả lời đưa cuộc thảo luận tiến thêm một bước bằng cách cho phép người dùng thêm câu trả lời hoặc "trả lời" cho câu trả lời đã được thêm vào Chủ đề.

-Spark: Tia lửa Các nhà giáo dục có thể kích hoạt bất kỳ phản hồi nào vào một Chủ đề. Điều này tạo một Chủ đề mới trong lưới dựa trên đó phản hồi duy nhất dưới dạng Tài nguyên chủ đề.



- Title: Tiêu đề, khi gửi phản hồi cho một Chủ đề, nó có thể được đặt một tiêu đề.

- Hashtag: (#) Nếu thẻ bắt đầu bằng # được sử dụng, điều này cho phép phản hồi được tìm kiếm và sắp xếp theo tiêu đề.

- Sticker: Dính, đây là những ghi chú dán kỹ thuật số có thể được xếp lớp trên màn hình của bạn khi ghi lại một câu trả lời.

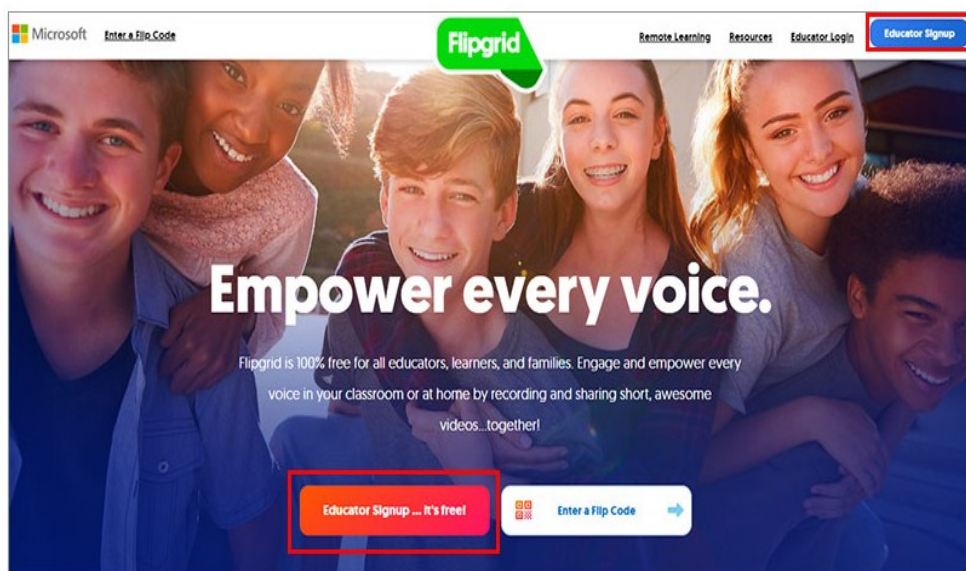
Vibes: Biểu cảm, thông báo hoặc phản hồi tùy chỉnh do người biên tập cung cấp, hiển thị cho tất cả mọi người xem ở đầu phản hồi video trong một Chủ đề.

### b) Hướng dẫn sử dụng

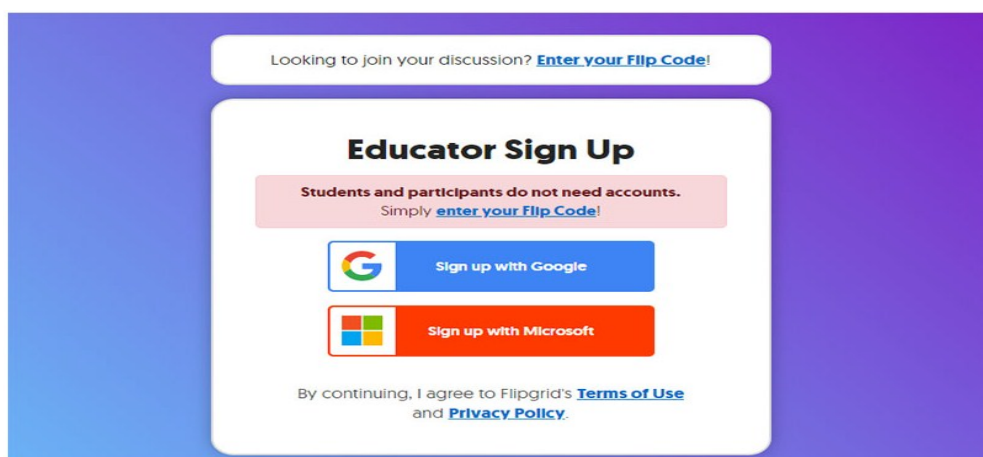
#### Đối với giảng viên

#### Tạo tài khoản

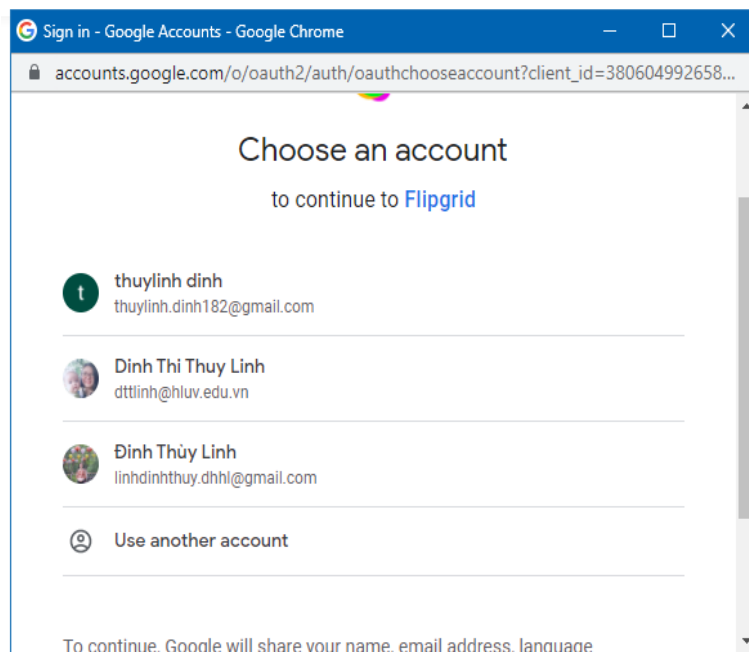
Bước 1. Tại màn hình trang chủ bấm chọn nút **Educator Sign up .. it's free** hoặc nút **Educator Sign up** ở góc trên bên phải màn hình đều được



Bước 2. Bấm sử dụng Gmail hoặc tài khoản Microsoft để tạo tài khoản.



Chúng ta chọn Sign up with Google → Sau đó chọn 1 tài khoản Gmail phù hợp.

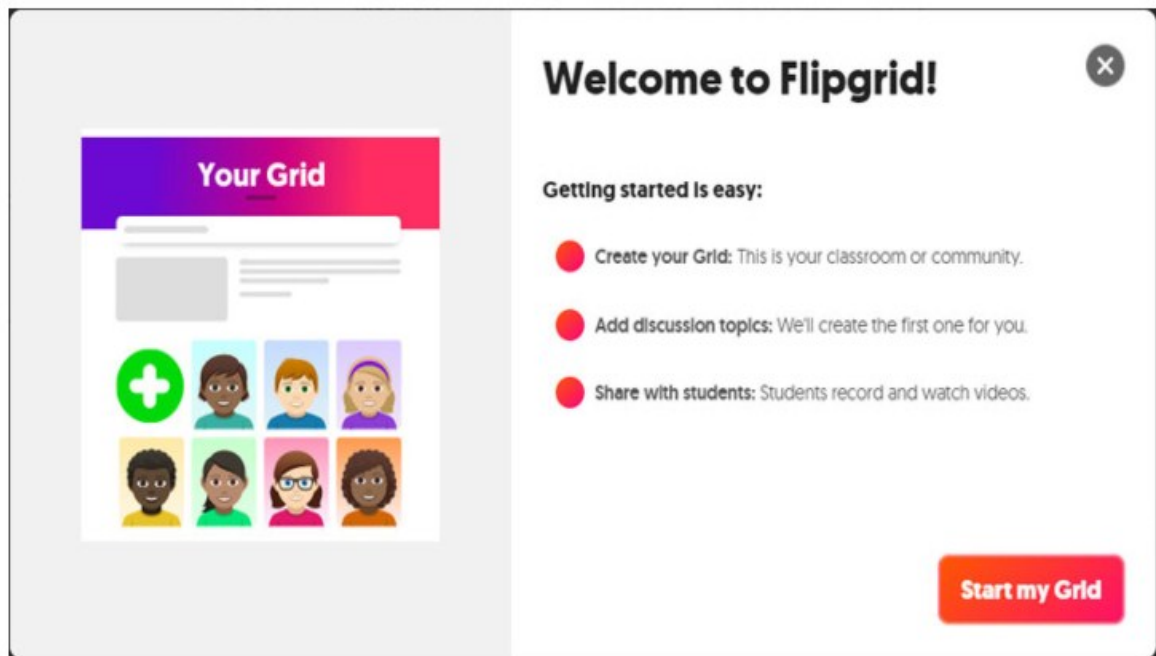


Bước 3: Nhập các thông tin bổ sung để tạo tài khoản và bấm Let's Go!

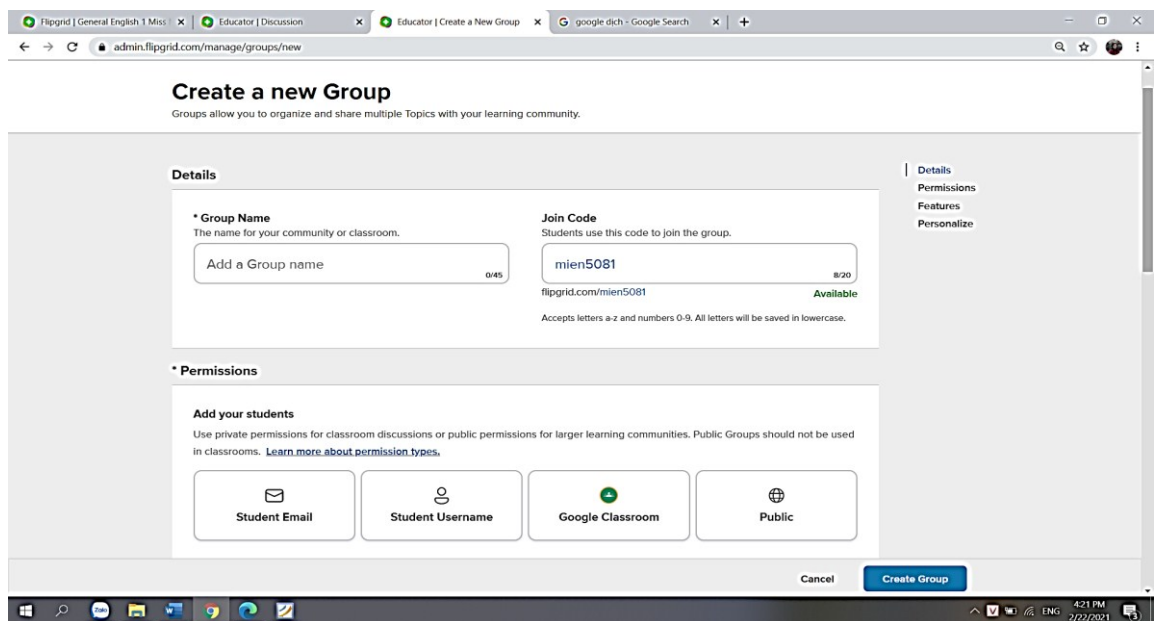
Chia sẻ một chút thông tin về bản thân: Họ tên, quốc tịch, độ tuổi (từ 13 tuổi trở lên), chọn **Let's go** để kích hoạt tài khoản Flipgrid .

## Tạo lớp học

Bước 1: Vẫn tiếp theo các bước màn hình, tiếp tục bấm **Start My Grid** để tạo lớp học



## Bước 2: Tại đây thiết lập các thông tin cho lớp học của mình



### Name your Grid: Đặt tên cho Flipgrid


- **Select a Grid Type:** Chọn kiểu Grid muốn sử dụng
    - School Email: Học sinh tham gia bằng cách sử dụng email của trường hoặc Gmail.
    - Student IDs: Tạo danh sách ID học sinh để học sinh tham gia vào Grid
    - Public and PLCs: Cho phép chia sẻ Grid cho mọi người.
  - **Create a Flip code:** Tạo đường dẫn để học sinh vào lớp.
- Sau khi thiết lập xong thông tin, bấm **Next** để tiếp tục

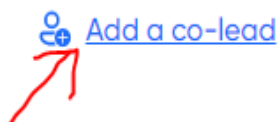
## Lập quyền đồng tác giả

- Để cấp quyền cho các giáo viên khác đồng tác giả lớp học với mình, kích vào

**Add a co-lead**

# Tiếng Anh 1 (D13&C27)

 Dinh Thi Thuy L 0 Responses • 0 views • 0 Comments • 0 hours of engagement



- Điền thông tin mail giáo viên mình muốn đồng tác giả vào và sau đó chọn **Invite**

**Add a co-lead**

Co-leads can edit the Group, create Topics and approve Responses and comments.

[Learn more about co-leads.](#)

**Invite a co-lead**

httuyet@hluv.edu.vn

**Invite**

## Tạo chủ đề

Bất cứ khi nào giảng viên tạo lớp mới, hệ thống sẽ tự động tạo một chủ đề giới thiệu. Để thêm chủ đề mới và nhận thêm các bài trả lời của sinh viên, giảng viên có thể nhấn vào **Add a Topic**

Discussion > [DUPLICATE] General English 1 Miss Mien

Jan 22, 2021

**[DUPLICATE] General English 1 Miss Mien**

0 responses • 0 views • 0 comments • 0 hours of engagement

Join Code: 57719c99 [Add a Co-Pilot](#)

**Topics (45)**

Actions	Title	Last Response
Active	Unit 9 - Topic	0 Responses
Active	Unit 9 - Reading	0 Responses
Active	Unit 9 - Conversation	0 Responses

**Add a Topic**

Tại đây đặt tên và tạo nội dung cho topic

**Create a New Topic!**  
Topics are where your students record their videos. Visit the [Disc Library](#) to explore shared Topics by educators from around the world!

**Topic Essentials**

Title:  0/50

Recording Time:

Prompt:  0/500

Focus Optional  
Add a media resource to engage your students.

Record a Video, Upload a Video, Add a Video (YouTube/Vimeo), Upload an Image, Add a Glyph, Add an Emoji, Microsoft, Google, Kahoot!, Wakelet, Nearpod, Newsela, Adobe Spark, Wonderopolis, Bancee

- Title: Tên chủ đề
- Recording time: Thời gian tối đa của topic
- Prompt: Thêm nội dung hoặc câu hỏi cho topic
- Focus: Thêm một tài nguyên media nhằm kích thích học sinh

Tiếp theo bấm chọn **Create Topic** để tạo ngay một chủ đề mới hoặc bấm **More Options** để thiết lập thêm các tùy chọn khác cho topic của mình (nếu cần).

Thử chọn **More Options**

**Topic Tip** ★  
Add a tip to help your students best answer the Topic.  
 0/54

**Topic Attachments**  
Attach up to 9 external links (OneNote, Google Docs, Dropbox, YouTube, etc.) to this Topic.

Feature Link:

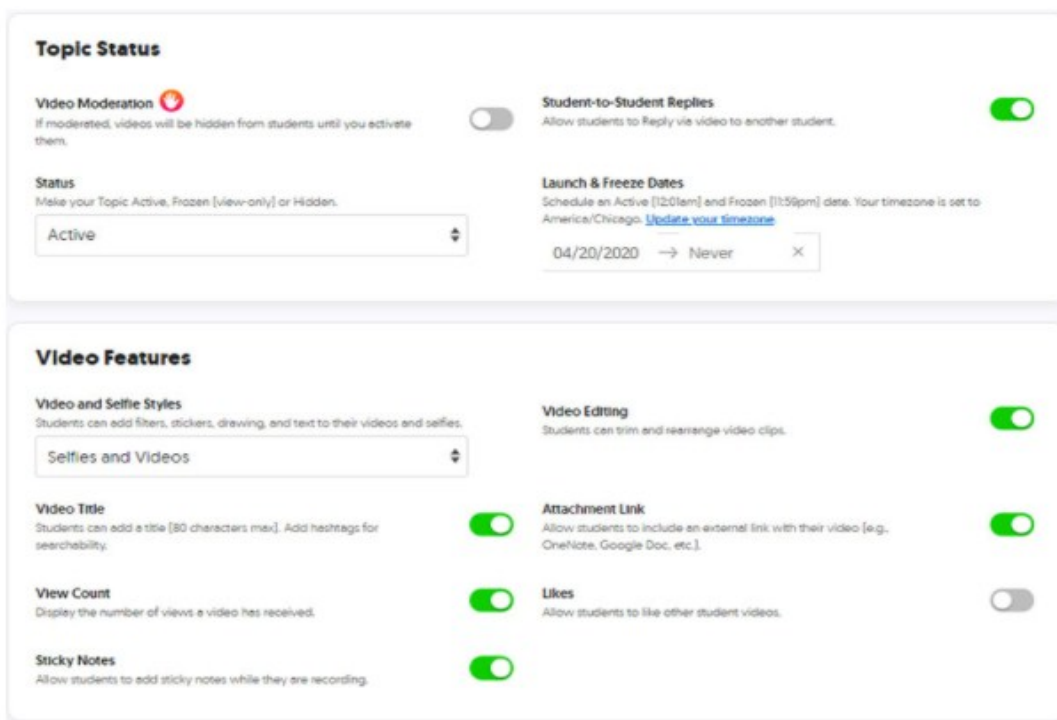
Attachment Title:  0/36

[Add another Attachment](#)

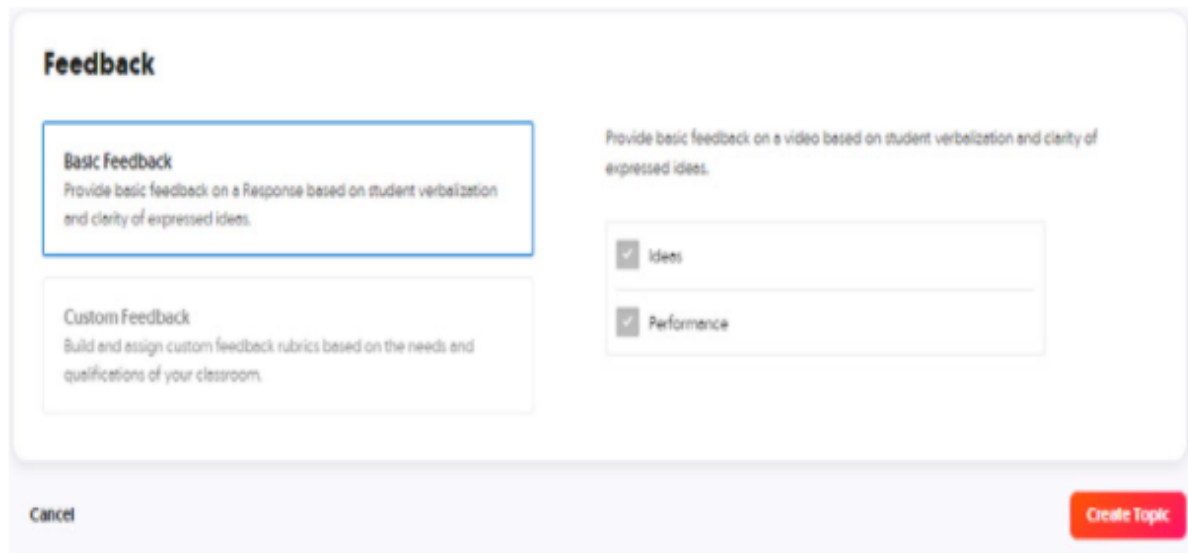
- Topic Tip: Thêm gợi ý để giúp học sinh có được câu trả lời hoặc phân trình bày tốt nhất
- Topic Attachments: Đính kèm thêm các đường link vào topic (tối đa 9 links), cái này rất quan trọng trong việc giúp những học sinh chưa có định hướng gì cho

bài làm của mình thì các link đính kèm này cũng chính là một cách gợi ý cho học sinh.

- Feature link: Thêm đường link đính kèm cho topic
- Attachment Title: Tiêu đề của link đính kèm
- Add another Attachment: Thêm một link đính kèm khác.



- Topic Status: Trạng thái hoạt động của chủ đề
  - Video Moderation: Kiểm duyệt video – Nếu thầy cô bật tính năng này thì video sẽ bị ẩn cho tới khi chúng ta cho phép nó hoạt động
  - Status: Trạng thái hoạt động của topic – cho phép hoạt động hoặc ẩn topic
  - Student -to-student replies: Cho phép học sinh trả lời video của nhau.
  - Lunch and freeze dates: thời gian bắt đầu và kết thúc của topic
- Video Features: Các tính năng video
  - Video and Selfie style: Học sinh có thể thêm bộ lọc, nhãn, hình vẽ và văn bản vào video và ảnh tự selfie của mình.
  - Video Title: Học sinh có thể thêm tiêu đề cho video
  - View count: Hiển thị lượt xem video
  - Sticky Notes: Cho phép học sinh thêm ghi chú.
  - Video Editing: Cho phép chỉnh sửa video
  - Attachment Link: Cho phép đính kèm link
  - Likes: cho phép học sinh vote các video của học sinh khác.



- **Feedback:** Cho phép tùy chỉnh phản hồi nếu cần.

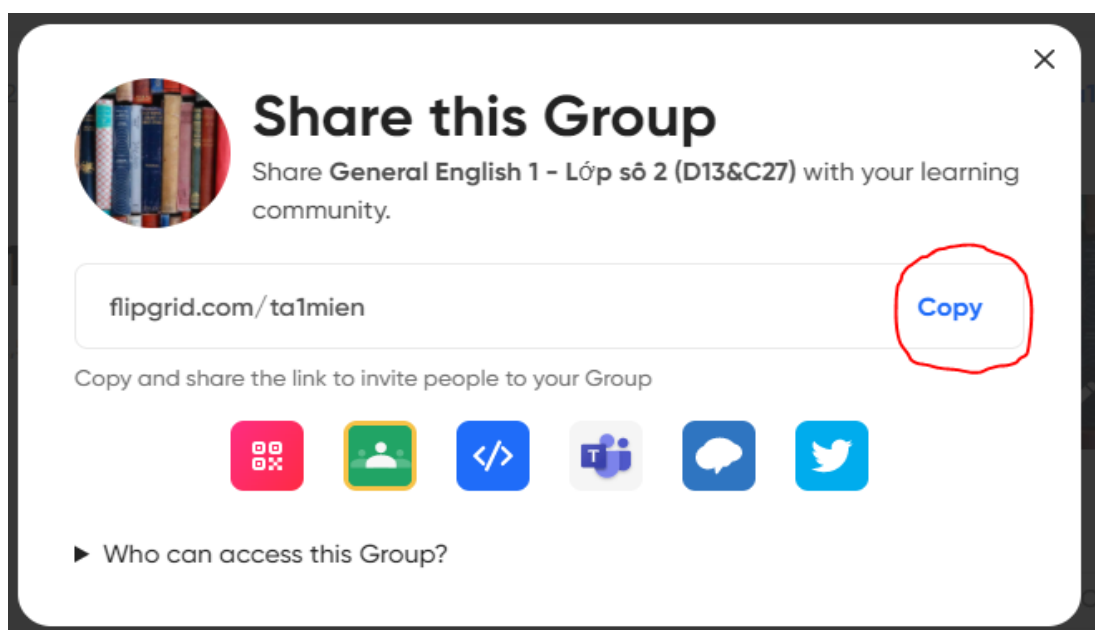
Giảng viên cài đặt cách thức phản hồi (Feedback), có 2 cách thức gồm phản hồi cơ bản (basic feedback) theo gợi ý có sẵn và phản hồi tùy chỉnh (custom feedback) theo ý tưởng của giảng viên để phù hợp hơn với yêu cầu môn học.

Bấm **Create Topic** để tạo chủ đề

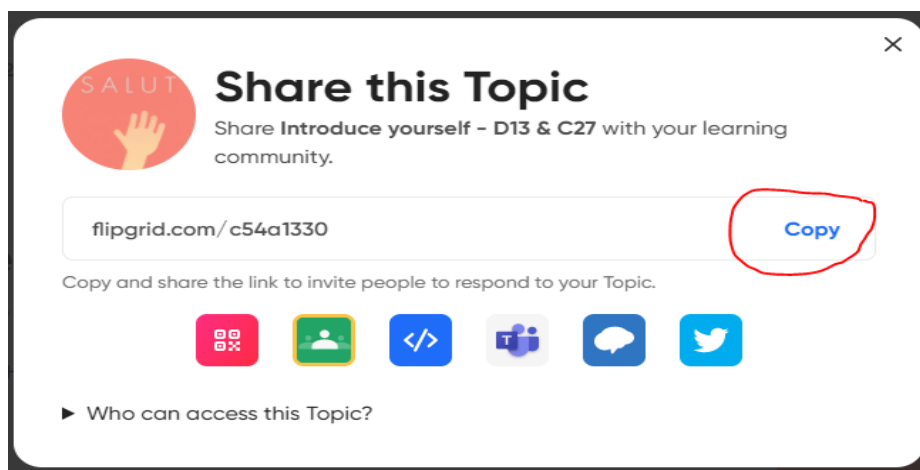
### Chia sẻ với sinh viên

- **Cách 1:** Cung cấp link Grid cho học sinh.

Copy đường link hoặc tạo ID cố định và gửi cho học sinh để tham gia vào lớp học của mình

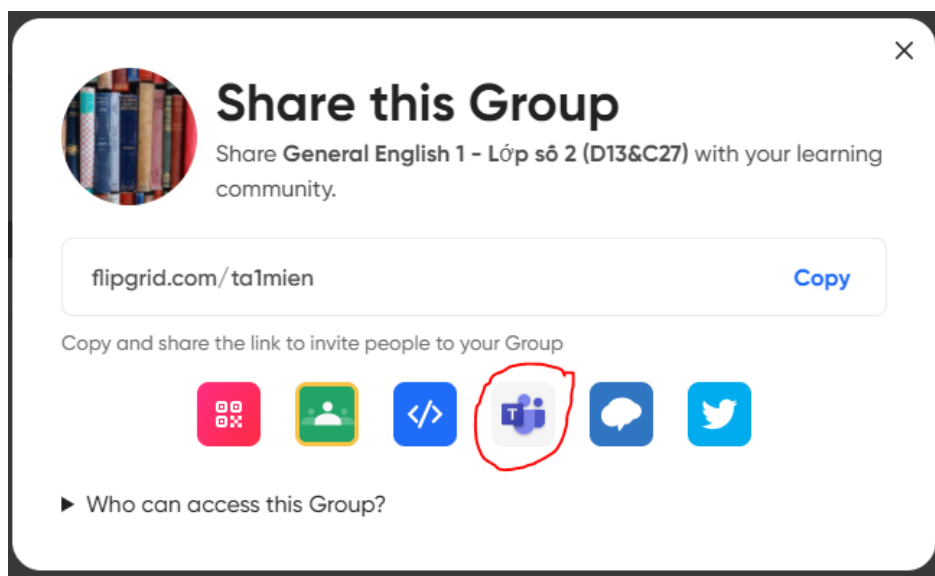


- **Cách 2:** Chia sẻ link topic cho sinh viên
  - Cung cấp mã code của topic
  - Chia sẻ đường link

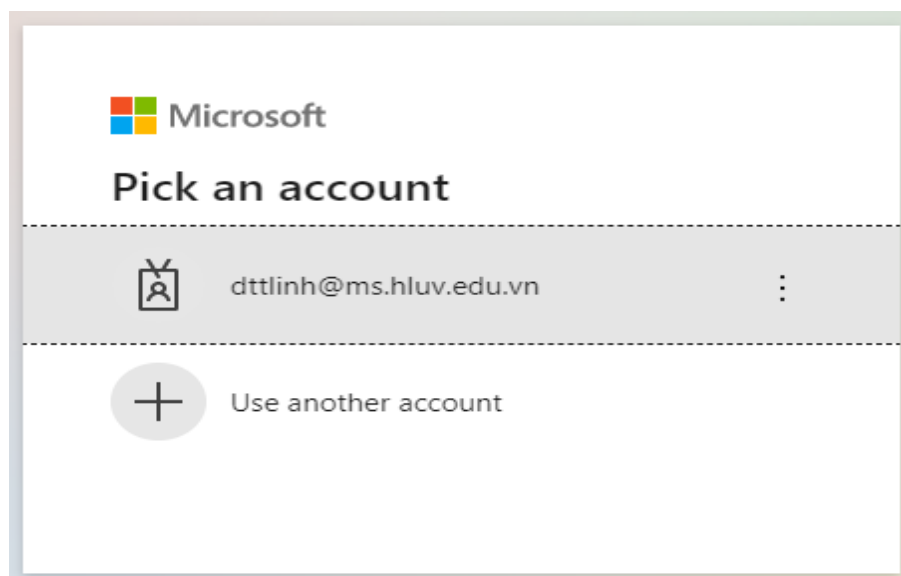


### Tích hợp flipgrid trên Ms teams hoặc Google classroom

- **Nếu chọn Ms Teams**
- Vào phần Share - chọn Ms Teams



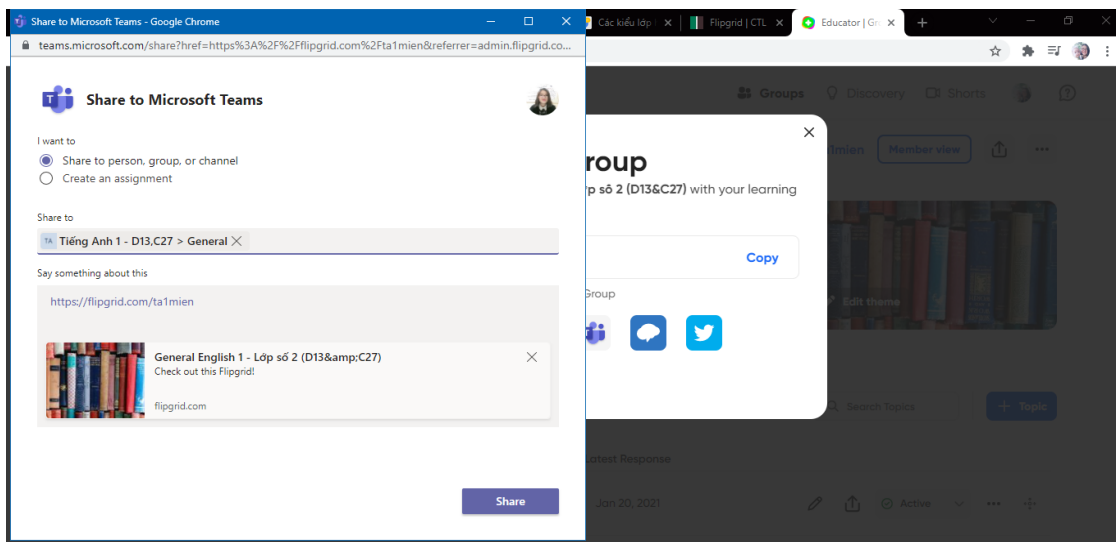
- Nhập tài khoản Ms Teams giảng viên.



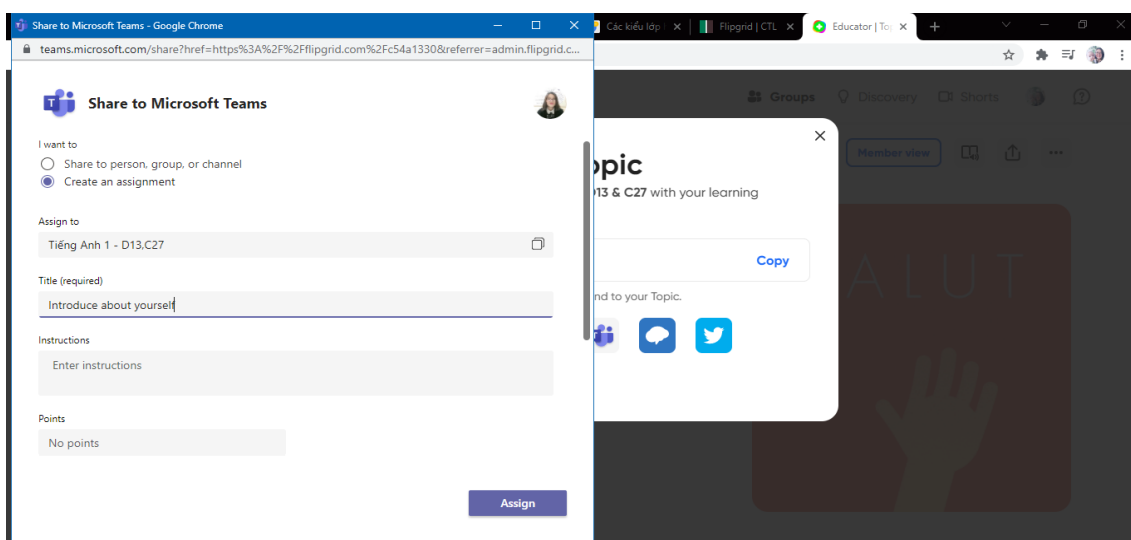
- Chọn chế độ chia sẻ



- + Chia sẻ cả Grid với cá nhân, nhóm hay kênh
- Có thể Share topic thông qua một kênh trên nhóm của Teams. Tại đây nhập Tên nhóm > Tên kênh và bấm Share để chia sẻ đến lớp của mình.



- + Chia sẻ dưới dạng một nhiệm vụ cho một nhóm nào đó trên Microsoft Teams

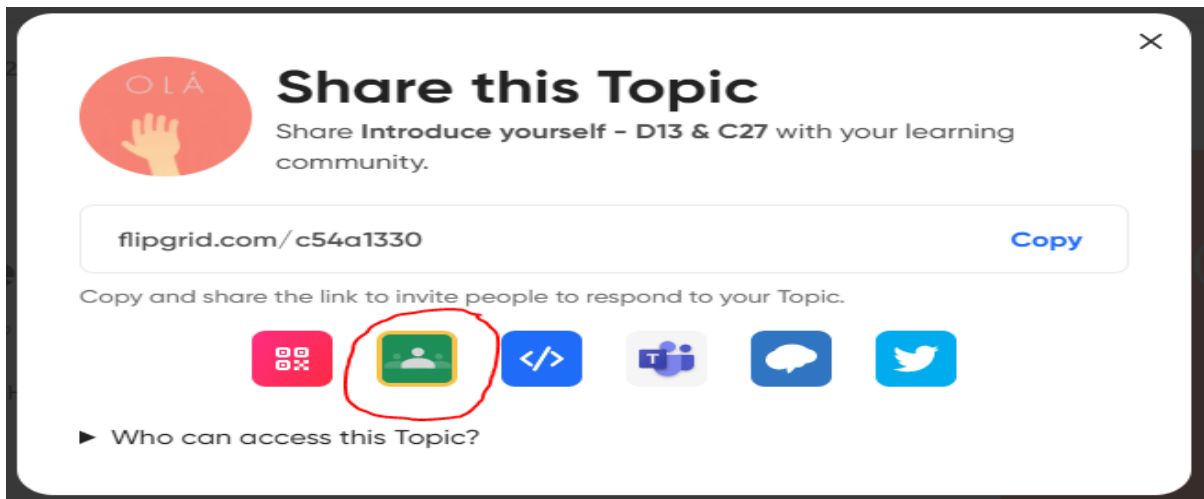


Cần thiết lập cho nhiệm vụ của mình.

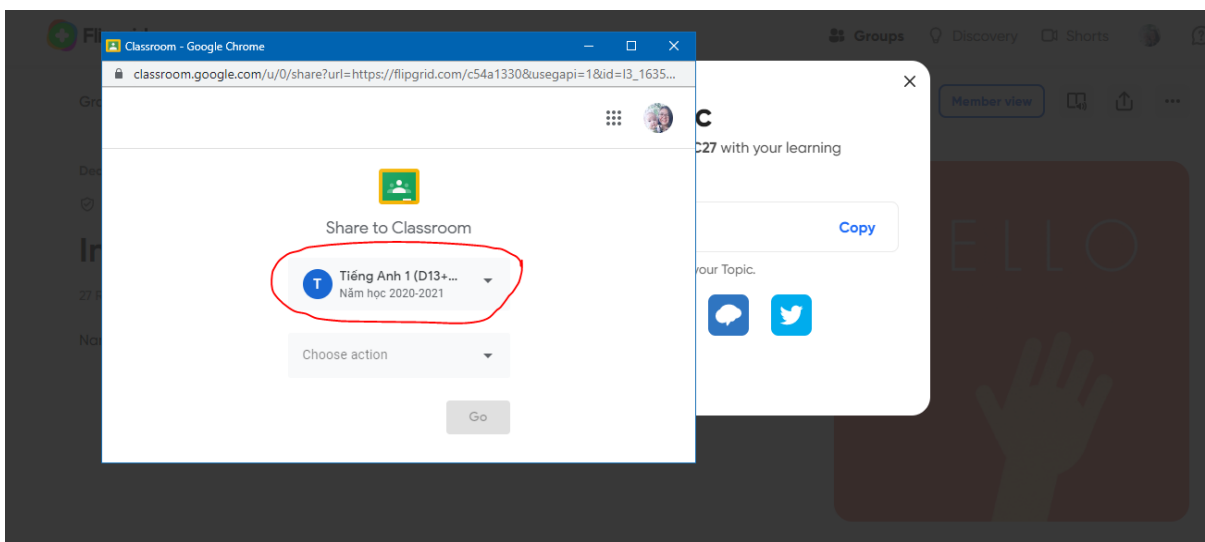
- Assign to: Giao bài tập đến nhóm nào?
- Title: Tiêu đề bài tập
- Introduction: Giới thiệu
- Points: cho điểm hoặc không
- Due date: Ngày hết hạn — Time due: giờ hết hạn.

Bấm Assign để giao bài và ngay lập tức học sinh sẽ nhận được thông báo bên Microsoft Teams

- **Nếu chọn Google classroom**
- Bấm chọn Google classroom

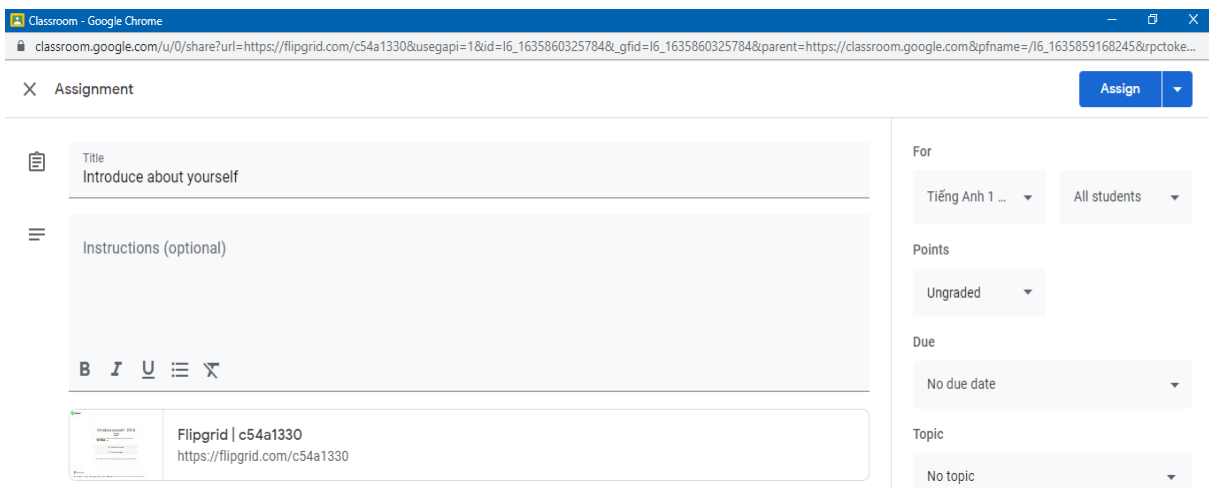


- Chọn lớp cần chia sẻ và chọn hình thức chia sẻ cho topic của mình.



- Đối với google classroom chúng ta có thể chia sẻ ở dạng
  - o Tạo Bài tập
  - o Tạo thông báo
  - o Tạo tài liệu
  - o Hỏi đáp

Chọn bài tập (assignment)

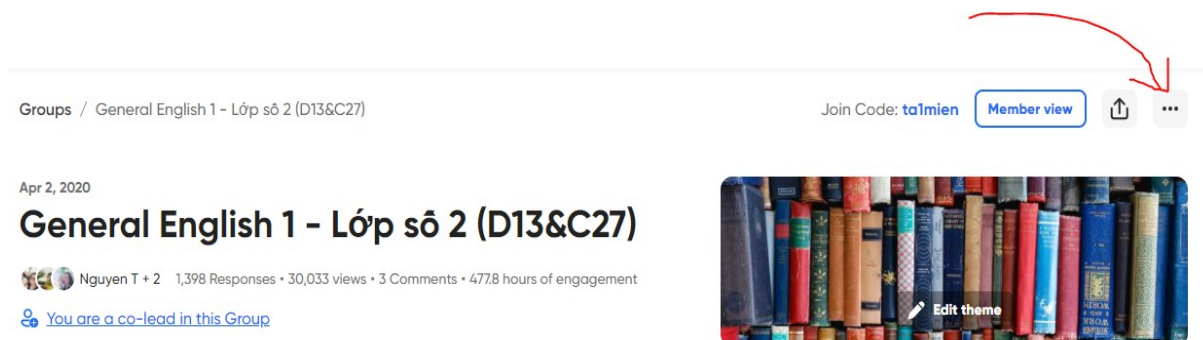


Tại đây, thiết lập cho bài tập của mình giống như 1 bài tập thông thường trong Google Classroom.

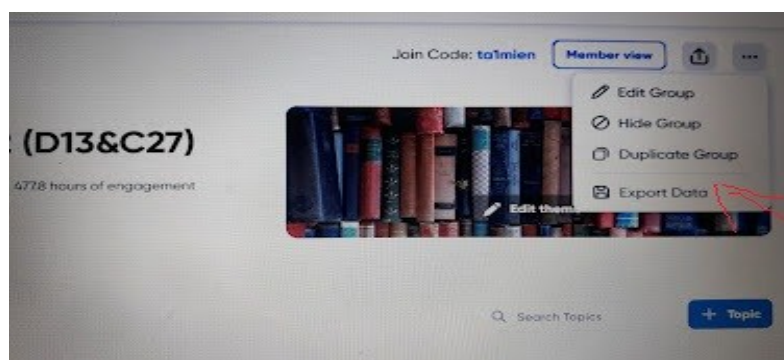
Bấm Assign để giao bài ngay hoặc bấm vào nút mũi tên để lên lịch giao bài nếu muốn

## Cách tải dữ liệu từ Flipgrid

Chọn ... như hình



Sau đó chọn **Export data**



Số liệu sẽ được xuất ra bằng excel. Chúng ta có thể xuất dữ liệu theo GRID, hoặc theo từng chủ đề riêng lẻ.

## Hướng dẫn sử dụng đối với sinh viên

Có 2 lựa chọn cho sinh viên có thể nộp bài cho giảng viên

**Cách 1:** Ghi hình trực tiếp bằng máy quay của thiết bị, tải lên hệ thống hoàn thành các thông tin cần thiết.

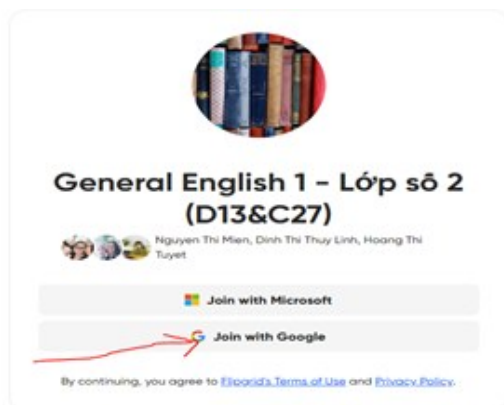
- **Dành cho laptop/máy tính bàn (có gắn camera)**

Bước 1. Đăng nhập vào trang web: [info.Flipgrid.com](http://info.Flipgrid.com)

Bước 2. Nhập mã ở mục Enter Flip Code: ta1mien




Bước 3. Nhập địa chỉ mail của mình vào **join with google** để vào lớp.





Bước 4. Đọc kỹ hướng dẫn về bài tập, chuẩn bị sẵn sàng để ghi lại câu trả lời của mình, chú ý thời gian yêu cầu cho ghi hình (1 phút, 2 phút...)

Bước 5. Bấm vào **Record a Response** trên màn hình để ghi hình câu trả lời.

Bước 6. Chọn **Log in with Google**, chọn tài khoản Google để máy tính kết nối camera và sẵn sàng ghi hình.

Bước 7. Bấm vào  trên màn hình để trả lời và bấm lại vào ký hiệu trên để kết thúc ghi hình.

Bước 8. Bấm vào  để xem lại video, ấn tiếp vào **Next**, rồi bấm vào  chụp ảnh selfie hoặc chọn ảnh, hiệu ứng làm hình nền cho video.

Bước 9. Bấm tiếp vào **Next**, ghi tên đầy đủ vào phần **Display Name** rồi bấm vào **Submit my video** để nộp bài.


- **Dành cho điện thoại**


Bước 1. Download ứng dụng Flipgrid trên Android hoặc Apple Store




Bước 2. Nhập mã lớp: ta1mien




Bước 3. Đọc kỹ hướng dẫn về bài tập, chuẩn bị sẵn sàng để ghi lại câu trả lời của mình, chú ý thời gian yêu cầu cho ghi hình (1 phút, 2 phút...)

Bước 4. Bấm vào  trên màn hình để ghi hình câu trả lời.

Bước 5. Bấm vào ký hiệu  trên màn hình để trả lời và bấm lại vào ký hiệu trên để kết thúc ghi hình.

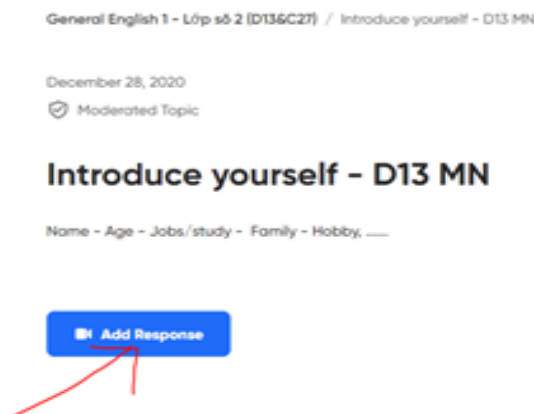
Bước 6. Bấm vào  để xem lại video, ấn tiếp vào  rồi ấn vào ký hiệu  để chụp ảnh selfie hoặc chọn ảnh, hiệu ứng làm hình nền cho video.

Bước 7. Bấm tiếp vào , ghi tên đầy đủ vào phần Display name rồi bấm vào **Submit my video** để nộp bài.

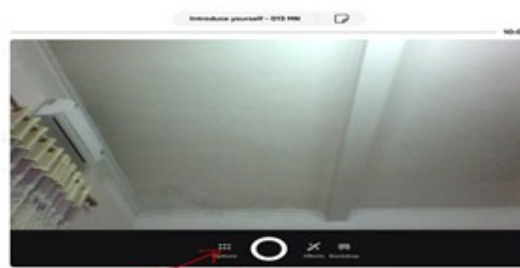
**Cách 2:** Đăng tải bài đã quay sẵn (Cả laptop và điện thoại)

Các bước vào lớp học, bài học giống như quay trực tiếp. Sau đó

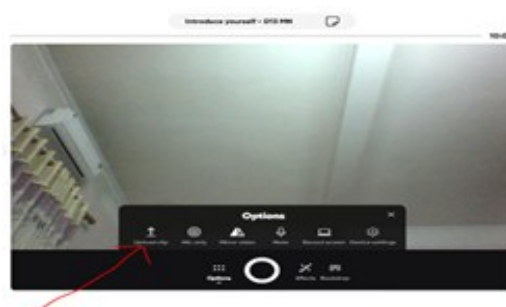
Bước 1. Bấm vào **Add respond**



Bước 2. Bấm vào **Options**



Bước 3. Bấm vào **Upload clip**



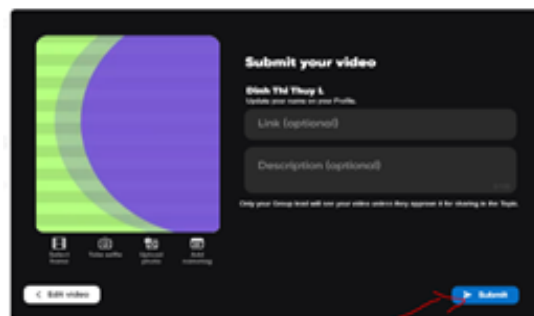
Bước 4. Tải file đã quay sẵn trước lên



Bước 5. Đợi cho file upload 100% sau đó chọn Next



Bước 6. Chọn **edit video** (nếu muốn chỉnh sửa) rồi chọn **Submit** (nộp bài)



Bước 7. Chọn **Done** để hoàn thành việc tải bài lên.



### 1.3. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH.

#### 1.3.1. Kỹ năng nói và vai trò của kỹ năng nói trong giao tiếp

Có một sự thật hiển nhiên trong nhiều năm qua rằng mục đích chính và cơ bản khi chúng ta học một ngôn ngữ chính là để có thể giao tiếp tốt bằng chính

ngôn ngữ ấy. Và nói là một trong bốn kỹ năng quan trọng nhất khi học một ngôn ngữ. Hầu hết những người học ngoại ngữ chủ yếu quan tâm đến việc học nói. Penny Ur [17] đã khẳng định, nói được coi là bước đầu tiên để xác nhận ai biết hay không biết ngoại ngữ. Những người biết một ngôn ngữ được gọi là “người nói” ngôn ngữ đó. Khả năng nói hiệu quả giúp người học không chỉ tiếp thu ngôn ngữ tốt hơn mà còn giúp việc giao tiếp thành công, điều mà tất cả những người học ngôn ngữ đều hướng tới. Trong nhiều thập kỷ qua, đã có nhiều nhà ngôn ngữ đưa ra định nghĩa về kỹ năng nói trong dạy và học một ngôn ngữ. Theo H. D. Brown [3] kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người nói bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc với người nghe. Thông qua giao tiếp, người nói với người nghe trao đổi thông tin lẫn nhau. Theo Florez [8, tr.98], nói là một quá trình tương tác mà người học sản sinh thông tin và tiếp nhận thông tin để tạo ra ý nghĩa cần giao tiếp. River [18, tr.162] nói rằng thông qua việc nói, ai đó có thể bày tỏ ý tưởng, cảm xúc của mình, sự chú ý, phản ứng với người khác và tình huống và ảnh hưởng đến người khác. Vì vậy, thông qua việc nói, mọi người đều có thể giao tiếp tốt hoặc thể hiện những gì họ muốn và trả lời người nói. Như vậy, có thể khẳng định rằng, chính kỹ năng nói giúp ngôn ngữ thực hiện được chức năng giao tiếp của chính mình. Hơn thế nữa, kỹ năng nói cũng góp phần củng cố thêm kỹ năng nghe của người học, giúp tăng cường vốn từ vựng và luyện tập các kỹ năng khác có liên quan. Kỹ năng nói bị hạn chế có thể làm hỏng tiến trình giao tiếp. Vì vậy, kỹ năng nói được xem là yếu tố cơ bản của quá trình giao tiếp và việc học kỹ năng nói là thực sự cần thiết khi học một ngôn ngữ. Tuy nhiên, nhiều học giả cũng cho rằng để có kỹ năng nói đòi hỏi người học phải có được nhiều khả năng, kỹ năng bổ trợ khác như có đủ vốn từ diễn đạt, hiểu biết cơ bản về số cấu trúc ngữ pháp nhất định, và cả kiến thức nền về văn hóa, xã hội, cuộc sống cần thiết liên quan.

### **1.3.2. Việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh**

Kỹ năng nói đóng một vai trò quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh vì khả năng nói tiếng Anh hiệu quả giúp người học không chỉ tiếp thu ngôn ngữ này tốt hơn mà còn giao tiếp thành công. Kỹ năng nói tiếng Anh nên được dạy và thực hành trong lớp học ngoại ngữ thường xuyên và nhiều nhất có thể được. Trong nhiều thập kỷ qua, trên thế giới đã có rất nhiều học giả, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đưa ra đường hướng, phương pháp giảng dạy tiếng Anh cũng như hướng giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh. Ta có thể nhắc tới một số đường hướng

giảng dạy phổ biến như: phương pháp trực tiếp (Direct method), phương pháp giảng dạy ngôn ngữ dựa vào các nhiệm vụ học tập (Task-based language teaching), phương pháp lấy người học làm trung tâm (Learner-centered Method). Phổ biến nhất là phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo hướng giao tiếp (Communicative language teaching), theo đó việc học tập và rèn luyện ngôn ngữ tiếng Anh đều chú trọng vào việc phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ đó. Và kỹ năng nói được quan tâm rèn luyện nhiều hơn cả so với các kỹ năng tiếng còn lại.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy và học kỹ năng nói, các nhà giáo dục học cũng đưa ra một số nguyên tắc cần thiết khi giảng dạy kỹ năng nói. Gower và cộng sự [9, tr.99-100] nêu hai khía cạnh chính cần được học và rèn luyện của kỹ năng nói tiếng Anh bao gồm “độ chính xác” và “sự trôi chảy”. Tính chính xác liên quan đến việc sử dụng đúng từ vựng, ngữ pháp và cách phát âm khi nói. Người học nên được khuyến khích cố gắng sử dụng các yếu tố ngôn ngữ đã học để giao tiếp một cách chính xác. Trong khi đó sự trôi chảy đề cập đến mức độ thông thạo trong giao tiếp “bao gồm (a) khả năng tạo ra ngôn ngữ viết hoặc nói một cách dễ dàng; (b) khả năng nói với ngữ điệu, từ vựng và ngữ pháp tốt nhưng không nhất thiết phải hoàn hảo; (c) khả năng tạo ra lời nói liên tục mà không gây khó hiểu hoặc gián đoạn giao tiếp”. Với hai khía cạnh trên, năng lực nói sẽ xảy ra khi người nói có khả năng giao tiếp bằng cách trao đổi thông tin một cách chính xác và trôi chảy với cách lựa chọn và sử dụng từ vựng và cấu trúc phù hợp. Vì thế, khi giảng dạy kỹ năng nói, người dạy không nên chú trọng quá vào bất kỳ khía cạnh nào của việc nói mà nên cho người học luyện tập, thực hành cả về độ chính xác và sự trôi chảy.

Để rèn luyện năng lực giao tiếp nói bằng tiếng Anh cho sinh viên, giảng viên đóng vai trò tích cực trong việc giúp sinh viên tham gia vào các hoạt động nói trong lớp học nên tạo ra một môi trường lớp học, nơi người học có giao tiếp thực tế, các hoạt động đích thực và các nhiệm vụ có ý nghĩa nhằm thúc đẩy ngôn ngữ nói. Dần dần, học sinh sẽ biết cách sử dụng ngôn ngữ đích của mình một cách chính xác và giao tiếp trong các cuộc trò chuyện hàng ngày. Để đạt được điều đó, theo Penny Ur [17], người dạy thường thiết kế một quy trình dạy nói tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp sẽ trải qua 3 giai đoạn: các hoạt động trước khi nói (Pre - speaking); hoạt động trong khi nói (While - speaking) và các hoạt động sau khi nói (Post – speaking).



### *Hoạt động trước khi nói (pre - speaking)*

Ở bước này, giảng viên thiết kế các hoạt động khởi động làm quen với chủ đề sẽ nói, các chủ đề được lựa chọn cần có tính đa dạng, hấp dẫn, gắn liền với thực tế, Bên cạnh đó giảng viên cần thiết nên chuẩn bị tốt cho quá trình nói bằng cách cung cấp từ vựng, cấu trúc ngữ pháp liên quan giúp sinh viên có được phương tiện để diễn đạt được nội dung cần nói.

### *Hoạt động trong khi nói (While - speaking)*

Giảng viên đưa ra các nhiệm vụ từ dễ đến khó, yêu cầu sinh viên hoàn thành bằng việc thực hành nói. Ở giai đoạn này, sinh viên được khuyến khích thực hành nói nhiều nhất có thể. Các hoạt động thường được giảng viên sử dụng trong giai đoạn này là: Mô tả tranh, trò chơi, hỏi đáp, phỏng vấn, thảo luận, báo cáo, thuyết trình v.v

### *Hoạt động sau khi nói (Post - speaking)*

Mục đích của giai đoạn này là phát triển tiếp những ý hay, những nội dung đã được đề cập trong giai đoạn trước khi nói và sử dụng chúng ngoài thực tế đời sống. Sau khi hoàn thành hai giai đoạn trước khi nói và trong khi nói, sinh viên đã hiểu được nội dung bài và sẵn sàng cho việc phát triển thêm nội dung bài học. Giảng viên có thể hỏi ý kiến, quan điểm của sinh viên về các vấn đề vừa học hoặc tổ chức cho sinh viên chơi trò chơi ngôn ngữ liên quan đến chủ đề. Do thời lượng cho hoạt động nói trên lớp thường hạn chế, giảng viên cũng có thể giao bài tập về nhà, yêu cầu sinh viên trình bày lại một vấn đề mà sinh viên thấy thích thú nhất.

Penny Ur. [17] cũng cho rằng: một giờ học nói thành công cần có các yếu tố như: sinh viên được nói nhiều, sinh viên có hứng thú với các hoạt động học, ngôn ngữ sử dụng trong giờ học nói phù hợp với sinh viên, dễ hiểu, hiệu quả giao tiếp tốt, và sự tham gia các hoạt động của sinh viên trong giờ tương đối đồng đều. Đảm bảo được các yếu tố trên chắc chắn kỹ năng nói của sinh viên sẽ cải thiện và tiến bộ.

### **1.3.3. Những vấn đề người học gặp phải khi học kỹ năng nói tiếng Anh**

Có một số vấn đề làm cản trở việc giao tiếp của sinh viên mà các giảng viên thường nhận thấy khi giảng dạy kỹ năng nói đó là: kiến thức nền về văn hóa, xã hội các nước nói tiếng Anh, trình độ ngôn ngữ tiếng Anh, các vấn đề về tâm lý, môi trường học tập ....

Thứ nhất, sinh viên sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp khi họ không quen thuộc với kiến thức văn hóa, xã hội của ngôn ngữ Anh cần thiết để xử lý ý nghĩa trong giao tiếp. Rất khó khăn đối với sinh viên khi họ phải kể về những thứ giảng viên yêu cầu trong khi họ hầu như chẳng có ý tưởng hay kiến thức hiểu biết gì về những điều sẽ nói.

Thứ hai, các yếu tố ngôn ngữ cũng có thể ngăn cản việc sử dụng ngôn ngữ nói một cách trôi chảy. Các yếu tố đó bao gồm khó khăn trong việc chuyển từ ngôn ngữ mẹ đẻ của người học sang ngôn ngữ tiếng Anh về mặt âm thanh, nhịp điệu hay trọng âm. Khó khăn trong việc hiểu các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh khác với tiếng mẹ đẻ của họ và phải suy nghĩ về việc sử dụng từ ngữ thế nào cho phù hợp và dùng cấu trúc ngữ pháp sao cho chính xác.

Thứ ba, các yếu tố tâm lý như sự lo lắng, rụt rè, thiếu tự tin ... cũng gây ảnh hưởng đến thành công hay thất bại trong giao tiếp bằng hình thức nói. Tâm lý lo sợ hay rụt rè trong khi nói sẽ cản trở khả năng giao tiếp. Người học đôi khi cảm thấy mặc cảm và không đủ tự tin khi muốn trình bày một vấn đề gì đó trên lớp học vì họ lo sợ bị mắc lỗi và sợ bị chê cười.

Thứ tư, trong lớp học ở Việt Nam, giảng viên và sinh viên còn có thể gặp phải một số vấn đề khác quan khác làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng nói. Ở lớp học có đông sinh viên, mỗi sinh viên thường có rất ít thời gian để tham gia hoạt động rèn kỹ năng nói vì mỗi lúc chỉ có một người nói còn những sinh viên khác phải lắng nghe. Trên thực tế, những sinh viên tích cực sẽ có thể chi phối cả lớp và có nhiều cơ hội giao tiếp hơn các sinh viên thụ động. Thậm chí sẽ có nhiều sinh viên không được nói gì nếu không tích cực chủ động tham gia vào hoạt động nói.

Vấn đề khó khăn thứ năm đó là sinh viên sẽ thường sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ trong giờ thực hành nói tiếng Anh vì điều này giúp họ trình bày dễ dàng hơn và có nhiều ý hơn để nói. Việc dạy và học nói tiếng Anh trong môi trường không nói tiếng Anh như ở Việt Nam, người học không có nhiều cơ hội thực hành tiếng Anh ngoài lớp học. Hầu hết mọi sinh viên chỉ nói tiếng Anh, thảo luận về các chủ đề tiếng Anh khi họ đến lớp. Sau buổi học, các em trở về với cuộc sống thực tế với gia đình và công việc của mình. Sinh viên không bao giờ nói tiếng Anh với người thân hoặc người nhà của họ vì tất cả họ là người Việt Nam và họ chỉ sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

Vì vậy, để phát triển năng lực ngôn ngữ thứ hai của mình, sinh viên cần cố gắng hết sức để vượt qua mọi khó khăn trong học tiếng Anh, đặc biệt là học kỹ

năng nói. Họ cần thực hành nói tiếng Anh càng nhiều càng tốt, chẳng hạn như tham gia vào nhiều tình huống trong đó tiếng Anh được sử dụng như một phương tiện giao tiếp. Và nhiệm vụ chính của giảng viên không những là tìm ra những nội dung giảng dạy phù hợp với trình độ, sở thích của từng sinh viên, mà đồng thời cũng còn phải tìm ra những phương pháp dạy và học một cách vui vẻ, không nhàm chán, đơn điệu. Để phát triển khả năng nói của sinh viên, giảng viên nên tạo ra được môi trường cả ở trên lớp cũng như ngoài giờ sao cho sinh viên có nhiều cơ hội giao tiếp, thực hành nói tiếng Anh nhiều nhất có thể.

#### **1.4. TỔNG QUAN VỀ HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1**

Hầu hết chương trình đào tạo đại học, cao đẳng ở trường Đại học Hoa Lu đều được thiết kế 3 học phần tiếng Anh cơ bản và các học phần tiếng Anh cơ bản này là nền tảng, điều kiện tiên quyết cho các học phần tiếng Anh chuyên ngành sau này như tiếng Anh chuyên ngành kế toán, Việt Nam học, sư phạm toán, sư phạm hóa, quản trị kinh doanh, ...

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên dành cho sinh viên không chuyên Tiếng Anh trong chương trình học ngoại ngữ cơ bản (10 tín chỉ). Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm 60 giờ lên lớp, trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết (30 giờ), 1 tín chỉ thực hành (30 giờ), 90 giờ tự học.

Dưới đây là một số nội dung cơ bản của đề cương chi tiết học phần tiếng Anh 3 đã được bộ môn và khoa và nhà trường phê duyệt.

##### **1.4.1 Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm (cách đọc các âm nối, âm đuôi, trọng âm từ...), ngữ pháp (các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, câu so sánh, cấu trúc “there is/are”, động từ khuyết thiếu...), từ vựng theo chủ điểm và các kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ sơ cấp. Sinh viên có thể bước đầu sử dụng các kiến thức đã học để thực hiện giao tiếp trong các tình huống đơn giản hàng ngày về giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, thể thao, các hoạt động hàng ngày, du lịch, địa điểm nổi tiếng, trang phục...

##### **1.4.2. Mục tiêu của học phần (Course objectives)**

###### **a) Mục tiêu Chung**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tương đương bậc 1, theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, ban hành theo Thông tư

số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **b) Mục tiêu cụ thể**

#### **+ Kiến thức (Knowledge)**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về ngữ âm (trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu hỏi, cách đọc lướt các từ, cách đọc các âm nối,...), ngữ pháp (các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, tương lai với *be going to*, câu so sánh, các dạng câu hỏi thông thường, cấu trúc “*there is/are*” ...), từ vựng (đại từ, tính từ, động từ, từ vựng theo chủ điểm...) và kiến thức văn hóa xã hội cơ bản nhất của các nước nói tiếng Anh.

#### **+ Kỹ năng (Skills)**

Học phần phát triển cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp; đồng thời phát triển năng lực làm việc độc lập hoặc hợp tác theo cặp, nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng tự học...

#### **+ Thái độ (Attitude)**

Sinh viên có thái độ tích cực, chủ động và sáng tạo khi tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### **1.4.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

<b>STT</b>	<b>Chuẩn đầu ra học phần (CLO)</b>	<b>Thang đo Bloom</b>
1	Trình bày được các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của các quốc gia nói tiếng Anh ở trình độ sơ cấp.	Hiểu
2	Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 1 về các chủ đề thông thường như giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, thể thao, các hoạt động hàng ngày, du lịch, tả người, địa điểm nổi tiếng, trang phục....	Vận dụng
3	Giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả.	Phi nhận thức

**1.4.4. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)**

**Bảng 1.1. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO) ngành Mầm non – hệ Đại học**

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		L						L		L
CLO 2		L						L		L
CLO 3		L						M	L	L
<b>Học phần</b>		<b>L</b>						<b>M</b>	<b>L</b>	<b>L</b>

*Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp*

**Bảng 1.2. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO) ngành Mầm non – hệ Cao đẳng**

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO 1		L					L		L
CLO 2		L					L		L
CLO 3		L					M	L	L
<b>Học phần</b>		<b>L</b>					<b>M</b>	<b>L</b>	<b>L</b>

*Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp*

**Bảng 1.3. Mối liên hệ của học phần đến Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO): ngành Tiểu học – hệ Đại học**

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		L						L		L
CLO 2		L						L		L
CLO 3		L						M	L	L
<b>Học phần</b>		<b>L</b>						<b>M</b>	<b>L</b>	<b>L</b>

*Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp*

### 1.4.5. Yêu cầu của học phần

#### a. Yêu cầu về nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp

Trong quá trình học tập, sinh viên cần phải tham dự lớp đầy đủ để tham gia vào các hoạt động trong lớp, dự lớp tối thiểu 80% thời lượng môn học, ra vào lớp đúng giờ quy định. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài học, làm các bài tập giảng viên yêu cầu trên lớp.

- Bài tập, thảo luận

Làm bài tập của phần sách bài tập (workbook), bài tập thảo luận nhóm; hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao cho cá nhân hàng tuần.

Đọc tài liệu tham khảo và tài liệu do giảng viên hướng dẫn, tìm các bài mẫu (postcards, informal emails...)

- Dụng cụ học tập: giáo trình, sách bài tập, băng đĩa; tài liệu tham khảo

#### b. Yêu cầu về thái độ của sinh viên

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Sinh viên/học viên không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

### 1.4.6. Đánh giá học phần (Course assessment):

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hệ số	Chuẩn đầu ra học phần
A1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Bài kiểm tra thường xuyên 1: Đánh giá mức độ tiến bộ của SV về kỹ năng nói (theo cặp hoặc nhóm)	Kiểm tra nói	X	1	CLO2 CLO3
	A1.2. Bài kiểm tra thường xuyên 2: Đánh giá mức độ tiến bộ của SV về kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng)	Kiểm tra trên máy tính			CLO1 CLO2

	và kiến thức văn hóa xã hội) và các kỹ năng (đọc, viết)				
	A1.3. Đánh giá mức độ chuyên cần và tham gia học tập trên lớp				
A2. Đánh giá giữa kỳ	A.2 Bài kiểm tra giữa kỳ: Đánh giá mức độ tiến bộ của SV về kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) và kỹ năng nghe.	Kiểm tra viết		2	CLO1, CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A.3 Bài kiểm tra cuối kỳ	Kiểm tra trên máy tính		5	CLO1, CLO2

#### 1.4.7. Kế hoạch giảng dạy theo tuần

Tuần	Số tiết	Ghi chú
1	4	4 tiết / 2 buổi
2	4	4 tiết / 2 buổi
3	4	4 tiết / 2 buổi
4	4	4 tiết / 2 buổi
5	4	4 tiết / 2 buổi
6	4	4 tiết / 2 buổi
7	4	4 tiết / 2 buổi, kiểm tra thường xuyên 1
8	4	4 tiết / 2 buổi
9	4	4 tiết / 2 buổi, kiểm tra giữa kỳ
10	4	4 tiết / 2 buổi
11	4	4 tiết / 2 buổi
12	4	4 tiết / 2 buổi

13	4	4 tiết / 2 buổi, kiểm tra thường xuyên 2
14	4	4 tiết / 2 buổi
15	4	4 tiết / 2 buổi
<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	

#### **1.4.8. Tài liệu học tập**

##### **a. Sách, bài giảng, giáo trình chính**

Ken Wilson, *Smart Choice 1, Third Edition*, Student's Book and Workbook, Oxford University Press, 2019.

##### **b. Sách, tài liệu tham khảo**

[1] Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson, *New English File: Elementary* (textbook + workbook), Oxford University Press, 2014.

[2] Tom Hutchinson, *Lifelines Elementary*, Student's Book and Workbook, Oxford University Press, 2009.

[3] Liz & John Soars, *New Headway Elementary, Student's Book and Workbook 4th edition*, Oxford University Press, 2012.

[4] Raymond Murphy, Hồng Đức (Dịch), *English grammar in use: 130 bài ngữ pháp tiếng Anh thông dụng*, Đại học Quốc gia, 2015.

[5] The Windy – Vivian, *Tổng hợp trắc nghiệm tiếng Anh trình độ A, H*. : Đại học Quốc gia, 2013

#### **1.5. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG CỤ FLIPGRID TRONG DẠY, HỌC KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH**

Đầu kỳ sinh viên được yêu cầu quay một bài giới thiệu về bản thân: Giới thiệu bản thân bằng tiếng Anh tốt là cách để bạn tạo thiện cảm cùng người xem đối diện. Ngoài ra, khi giúp người khác hiểu rõ hơn về mình, bạn cũng sẽ tạo được bầu không khí thân thiện, cởi mở hơn trong nền tảng học trực tuyến này.

Sách Smart Choice elementary gồm có 12 bài học. Trong mỗi bài đều được thiết kế theo 5 video chia ra làm ba giai đoạn.

Giai đoạn 1: Luyện tập bắt chước, kiểm soát gồm (controlled practice): Sinh viên được yêu cầu đọc từ vựng, luyện phát âm và đọc to bài hội thoại theo băng/đĩa/video được giảng viên cung cấp, đính kèm).

Giai đoạn 2: Luyện tập bán kiểm soát (semi –controlled practice). Sinh viên dựa theo đoạn hội thoại mẫu, cùng nhau xây dựng đoạn hội thoại của mình về



chủ đề đã được hướng dẫn. Khuyến khích sự sáng tạo trong việc dùng từ, cấu trúc câu.

Giai đoạn 3: Luyện tập tự do (free practice). Sinh viên sẽ nói về chủ đề liên quan đến bài học dựa vào những hướng dẫn của giảng viên. Hướng dẫn đó có thể là những câu hỏi gợi ý, những video mẫu đính kèm....

Cuối khóa sinh viên quay một video cảm nghĩ cá nhân (end-of-semester reflection) để nói về việc học kỹ năng Nói tiếng Anh và việc ứng dụng phần mềm Flipgrid trong việc học học phần Tiếng Anh 1.

## CHƯƠNG 2: THỰC NGHIỆM

### 2.1. TỔNG QUAN BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

#### 2.1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Điều tra thực trạng được tiến hành tại trường Đại Học Hoa Lư. Trường Đại học Hoa Lư là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có 18 đơn vị trực thuộc: 6 khoa, 2 bộ môn, 6 phòng ban, 1 ban, 2 trung tâm và 1 trường PTTH SP Tràng An. Khoa Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin bao gồm 2 bộ môn: Tiếng Anh và Tin học. Bộ môn Tiếng Anh- Trường Đại Học Hoa Lư có 17 giảng viên Tiếng Anh đều có trình độ thạc sỹ trong đó có 1 đồng chí đang làm nghiên cứu sinh.

Nghiên cứu được thực hiện tại một lớp học tiếng Anh không chuyên ngữ gồm 41 sinh viên của các ngành Giáo dục Tiểu học khóa 13, hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Hoa Lư. Trong chương trình đào tạo, sinh viên được học 3 học phần tiếng Anh cơ bản: tiếng Anh 1, 2, 3 (phần kiến thức đại cương). Ngoài ra, với mỗi ngành khác nhau, sinh viên được học thêm các học phần tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với yêu cầu đào tạo như: tiếng Anh chuyên ngành du lịch, kế toán, thương mại. Học phần tiếng Anh 1 là học phần được thiết kế cho sinh viên năm thứ nhất, bao gồm 3 tín chỉ trong đó 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành (60 tiết với 90 giờ tự học) thực hiện trong 15 tuần.

Sinh viên hệ chính quy cơ bản đã theo học chương trình học tiếng anh 10 năm ở phổ thông. Tuy nhiên, các em có trình độ không đồng đều một phần do chưa được thực hành kỹ năng nói thường xuyên trong quá trình học phổ thông. Thường trong một lớp học sẽ bao gồm các trình độ từ sơ cấp đến trung cấp. Theo chương trình Tiếng Anh hệ đại học, sinh viên phải thực hành tất cả các kỹ năng gồm nghe, nói, đọc, và viết. Nhiều sinh viên dù đã theo học chương trình Tiếng Anh trong nhiều năm nhưng không thể nói trôi chảy những đoạn hội thoại đơn giản. Khi học tiếng Anh, sinh viên chủ yếu quan tâm đến việc viết sao cho chính xác để hoàn thành tốt bài thi cuối kỳ nhưng lại không chú ý đúng mức đến kỹ năng nói. Các em không có kinh nghiệm đối với kỹ năng nói trong môi trường ngoại ngữ, lại không đầu tư đủ thời gian cho các kỹ năng nghe, nói.

Giáo trình sử dụng chính là “, *Smart Choice 1, Third Edition, Student’s Book and Workbook, Oxford University Press, 2019.*” (Ken Wilson, Oxford

University Press, 2019). Giáo trình gồm 12 bài: Unit 1 đến Unit 12. Trong mỗi bài có các phần Vocabulary, Conversation, Language Practice, Listening, Reading, Speaking, Writing, cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết với những chủ điểm Ngữ pháp, Từ vựng, Phát âm cụ thể, rõ ràng. Bên cạnh các phần chính, tương ứng mỗi bài có các phần luyện tập tương ứng trong phần Workbook, Đặc biệt phần Nói (Speaking) rèn cho sinh viên khả năng giao tiếp tương đối tự tin về những chủ đề quen thuộc gắn liền với thực tiễn thông qua Smart Talk đưa ra những tình huống sử dụng trong thực tế. Để tạo cơ hội thực hành kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên, tác giả đã ứng dụng Flipgrid trong quá trình giảng dạy học phần Tiếng Anh 1 tại trường Đại học Hoa Lư.

### **2.1.2. Khách thể nghiên cứu**

Khách thể nghiên cứu của đề tài là 41 sinh viên hệ đại học chính quy năm thứ nhất được chọn để nghiên cứu. Các sinh viên và giảng viên tham gia nghiên cứu bằng cách điền vào bảng khảo sát.

Sinh viên hệ chính quy Đại học khóa 13 học chương trình Tiếng Anh dành cho sinh viên đại học không chuyên ngữ (đã và đang học học phần Tiếng Anh 1) được chọn để nghiên cứu. Đó là các sinh viên đến từ lớp số 2 (D13&C27). Đa số các sinh viên đã theo học chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm (từ lớp 3 đến lớp 12). Tuy nhiên, các em sinh viên có trình độ Tiếng Anh không đồng đều do điểm đầu vào theo các tổ hợp các môn chưa đồng đều, đặc biệt kỹ năng nói Tiếng Anh còn chưa thực sự tự tin.

## **2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.2.1. Biện thể nghiên cứu**

Khách thể nghiên cứu của đề tài là 11 giảng viên dạy tiếng Anh và 79 sinh viên thuộc 2 lớp (lớp số 2 và lớp số 5) đang học học phần Tiếng Anh 1 tại trường Đại học Hoa Lư. Trong đó lớp số 2 là lớp thực nghiệm, gồm 45 sinh viên theo đăng ký ban đầu nhưng chỉ 41 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, còn 4 sinh viên không đảm bảo chuyên cần nên không tham gia được. Lớp còn lại, lớp số 5 là nhóm đối chứng. Ban đầu nhóm đối chứng có 40 sinh viên, nhưng do có 2 sinh viên không đảm bảo chuyên cần nên chỉ còn lại 38 sinh viên trực tiếp tham gia vào quá trình nghiên cứu. Họ đều là sinh viên năm thứ nhất, cả nam và nữ, ở độ tuổi từ 18 đến 20. Phần lớn đều sống ở thành phố Ninh Bình và các huyện khác của tỉnh Ninh Bình. Điều này có thể cho rằng tuổi, giới tính, nhân cách, kiến thức, động lực và thái độ, niềm tin và chiến lược học tập của người

học, trình độ ngôn ngữ của người học, xã hội và giáo dục xã hội là tương đối đồng nhất và họ đều đang bước đầu làm quen với môi trường học tập ở đại học mà họ chưa được làm quen khi học ở phổ thông.

Trong học phần này, hai lớp đều học giáo trình Smart choice – elementary theo đề cương chi tiết đã được nhà trường phê duyệt. Mỗi một đơn vị bài học được thiết kế và giảng dạy theo phương pháp lồng ghép kiến thức ngôn ngữ với các kỹ năng.

Để phân tích dữ liệu một cách thuận tiện, các sinh viên tham gia nghiên cứu này đã được mã hoá.

### **2.2.2. Nghiệm thể nghiên cứu**

Nghiệm thể của nghiên cứu này là hai lớp tiếng Anh, làm thành 2 nhóm theo cách phân loại tự nhiên. Nhóm thực nghiệm là lớp số 2, gồm 45 sinh viên theo đăng ký ban đầu nhưng chỉ 41 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, còn 4 sinh viên không đảm bảo chuyên cần nên không tham gia được. Lớp còn lại, lớp số 5 là nhóm đối chứng. Ban đầu nhóm đối chứng có 40 sinh viên, nhưng do có 2 sinh viên không đảm bảo chuyên cần nên chỉ còn lại 38 sinh viên trực tiếp tham gia vào quá trình nghiên cứu. Họ đều là sinh viên năm thứ nhất, cả nam và nữ, ở độ tuổi từ 18 đến 20. Phần lớn đều sống ở thành phố Ninh Bình và các huyện khác của tỉnh Ninh Bình. Điều này có thể cho rằng tuổi, giới tính, nhân cách, kiến thức, động lực và thái độ, niềm tin và chiến lược học tập của người học, trình độ ngôn ngữ, xã hội và giáo dục xã hội là tương đối đồng nhất và họ cũng đều đang bước đầu làm quen với môi trường học tập ở đại học mà họ chưa được làm quen khi học ở phổ thông.

Trong học phần này, hai lớp đều học giáo trình Smart choice – elementary theo đề cương chi tiết đã được nhà trường phê duyệt. Mỗi một đơn vị bài học được thiết kế và giảng dạy theo phương pháp lồng ghép kiến thức ngôn ngữ với các kỹ năng.

Nhóm đối chứng vẫn áp dụng phương pháp dạy truyền thống. Nhóm thực nghiệm áp dụng phương pháp mới, đó là sử dụng công cụ Flipgrid cho sinh viên luyện tập ngoài giờ lên lớp. Để việc phân tích dữ liệu có tính thuyết phục hơn, nhóm nghiên cứu sẽ mã hóa nghiệm thể. Ở nhóm thực nghiệm là từ TN1 đến TN 41. Còn ở nhóm đối chứng là từ ĐC1 đến ĐC38.

### **2.2.3. Công cụ thu thập số liệu**

Nghiên cứu sử dụng ba công cụ thu thập dữ liệu. Đó là bài kiểm tra nói để đánh giá khả năng nói tiếng Anh của sinh viên và bảng câu hỏi để kiểm tra thái

độ của sinh viên đối với việc ứng dụng Flipgrid vào việc dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh, bảng khảo sát giảng viên về việc dạy kỹ năng nói và việc ứng dụng các phần mềm vào việc dạy kỹ năng nói và quan sát trên flipgrid.

- **Bài kiểm tra kỹ năng nói**

Bài kiểm tra nói được dùng để thu thập dữ liệu. Công cụ nghiên cứu đóng một vai trò quan trọng trong dự án nghiên cứu. Các công cụ được sử dụng để đạt được độ chính xác của dữ liệu và có thể chỉ ra rằng nhà nghiên cứu đã thành công trong nghiên cứu của mình. Nhà nghiên cứu đã sử dụng một bài kiểm tra vấn đáp làm công cụ để lấy dữ liệu. Để thu thập dữ liệu, nhà nghiên cứu đã cho sinh viên làm bài kiểm tra hai lần, đó là kiểm tra trước và kiểm tra sau. Bài kiểm tra trước nhằm mục đích đo lường sơ bộ kiến thức và thành tích nói của sinh viên trước khi họ bước vào thực nghiệm. Kết quả của các bài kiểm tra đó sẽ được so sánh để biết liệu việc ứng dụng phần mềm Flipgrid vào việc dạy nói có hiệu quả hay không?

Nhóm nghiên cứu xây dựng các mã đề kiểm tra nói dựa vào chuẩn đầu ra của học phần tiếng Anh 1 đối với kỹ năng nói: Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ tương đương bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Sơ cấp - Bậc 1 (Tương đương CEFR A1): Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.*

**Bài kiểm tra nói số 1**

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế một bộ đề gồm 5 đề. Trong mỗi đề kiểm tra gồm có 4 phần như sau:

- Phần I: Giới thiệu về bản thân
- Phần II: Đọc đoạn hội thoại cho sẵn
- Phần III: Nói về một chủ đề quen thuộc.
- Phần IV: Phỏng vấn với giảng viên

Hình thức kiểm tra nói nhằm thể hiện khả năng nói của sinh viên. Sinh viên chọn mã đề. Có năm mã đề. Họ có năm phút để chuẩn bị và sau đó có 2 giảng viên sẽ phỏng vấn họ.

Theo một nghiên cứu của Brown [4, tr.172-173) đã đưa ra rubric chấm nói dựa theo các tiêu chí ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, khả năng hiểu, độ trôi chảy, khả năng hoàn thành các nhiệm vụ. Các yếu tố này đều được quy về điểm định tính theo 5 mức từ mức 1 đến mức 5. Tuy nhiên dựa vào nội dung bài kiểm tra mà nhóm đã xây dựng, dựa vào trình độ đầu vào của sinh viên, dựa vào chuẩn đầu ra cho kỹ năng nói của học phần này, nhóm đã thiết kế một mẫu rubric chấm nói phù hợp với thực tiễn tại trường Đại Học Hoa Lư. Phiếu chấm gồm 5 tiêu chí: nội dung, độ chính xác (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp), độ trôi chảy và phong cách và có trọng số điểm cụ thể.

Bước tiếp theo, các giảng viên bám sát vào phiếu chấm mà nhóm đã thiết kế. Mỗi giảng viên sẽ chấm trên phiếu cá nhân và sau đó bàn bạc, đi đến thống nhất điểm và ghi vào phiếu tổng hợp.

### ***Bài kiểm tra nói số 2***

Sau giai đoạn thực nghiệm, bài kiểm tra số 2 được sử dụng để đo lường sự tiến bộ về kỹ năng nói của cả 2 nhóm sau 15 tuần. Các bước làm đều giống như ở bài kiểm tra số 1. Sinh viên bốc thăm một đề trong số 5 đề (có định dạng và độ khó như nhau)

Đối với nhóm thử nghiệm, kết quả của bài kiểm tra số 2 còn được sử dụng để đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng Flipgrid trong việc tăng cường khả năng nói tiếng Anh của sinh viên. Kết quả được mã hóa, và nhập vào máy tính để áp dụng phần mềm SPSS nên đảm bảo được tính chính xác cao.

#### **• Bảng câu hỏi khảo sát**

Theo nhận xét của Seliger và Shohamy [15], bảng câu hỏi là một phương tiện thu thập dữ liệu tương đối phổ để thu thập dữ liệu về các hiện tượng không thể quan sát được như thái độ, động lực, và tự đánh giá,.. Một bảng câu có thể được phát đến nhiều nhóm đối tượng cùng một lúc, ít gây áp lực cho người được hỏi hơn; do đó dữ liệu sẽ mang tính thống nhất và chính xác hơn và phân tích dễ dàng hơn so với phỏng vấn. Do đó, nhóm nghiên cứu lựa chọn phiếu khảo sát là công cụ để tìm hiểu thái độ của sinh viên.

Các tác giả thiết kế 03 bảng khảo sát cho nghiên cứu này.

Bảng khảo sát thứ nhất, dành cho cả 2 nhóm, gồm 2 phần: Phần đầu nhằm tìm hiểu một số thông tin nền của sinh viên như tuổi, giới tính, số năm học tiếng Anh. Phần sau là phần nội dung, gồm 6 câu nhằm điều tra thực trạng việc dạy và học tiếng Anh nói chung cũng như việc dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh nói

riêng. Bảng khảo sát được tiến hành thực hiện trên phần mềm google form. Kết quả được trích xuất từ đó rồi phân tích.

Bảng khảo sát thứ 2, dành cho nhóm thực nghiệm, cũng gồm 2 phần. Phần đầu cũng giống như ở bảng khảo sát thứ nhất. Phần 2 là phần nội dung, gồm 20 câu, để tìm hiểu thái độ của người học với việc ứng dụng phần mềm Flipgrid đối với việc học kỹ năng nói Tiếng Anh. Nhóm tác giả dùng thang đo Likert scale thang điểm năm mức từ 1-5, từ 1 = Rất không đồng ý đến 5 = Rất đồng ý. Để cho phép thể hiện mức độ sinh viên không đồng ý hoặc đồng ý với một câu hỏi cụ thể. Trong đó, 4 câu đầu nói về ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học học phần tiếng Anh 1 nói chung. 7 câu tiếp theo (câu số 5 đến số 11) khảo sát về ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học kỹ năng nói. 3 câu tiếp từ 12 đến 15 điều tra sự tham gia học tập có sử dụng phần mềm Flipgrid. Từ câu 16 đến 18 nhóm tác giả dùng để khảo sát về tương tác xã hội. Còn 2 câu cuối câu 19 và 20 nhằm điều tra xem việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai như thế nào. Bảng khảo sát cũng được tiến hành trên phần mềm google form vào tuần cuối cùng của kỳ học. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ được trích xuất từ phần Giảng viên rồi sau đó được phân tích trên phần mềm SPSS 16.

Bảng khảo sát thứ 3 dành cho giảng viên. Bảng này gồm 11 câu hỏi. Những câu hỏi này nhằm điều tra về thực trạng dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh, trình độ của sinh viên, việc ứng dụng công nghệ vào trong việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh. Phần đầu tiên trong bảng khảo sát dành cho giảng viên được thiết kế để tìm hiểu một số thông tin về giảng viên. Theo kết quả khảo sát, các giảng viên có tuổi đời từ 32 đến 44. Các giảng viên đều có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh chuyên ngành cho đối tượng là sinh viên đại học, cao đẳng hệ không chuyên (từ 8 đến 20 năm). Phần hai của bảng khảo sát nhằm điều tra thực trạng việc dạy kỹ năng nói của giảng viên ở trường Đại học Hoa Lư và việc ứng dụng công nghệ thông tin đặc biệt là phần mềm Flipgrid vào giảng dạy tiếng Anh. Phần này bao gồm 10 câu hỏi và giảng viên được tự do lựa chọn những gì họ cho là đúng.

- **Quan sát, dự giờ**

Ngoài việc sử dụng bài kiểm tra nói, phiếu khảo sát, quan sát giờ dạy cũng là một phương pháp quan trọng để tìm hiểu thực trạng học của sinh viên. Nhóm thực hiện đề tài tiến hành giờ ở cả 2 lớp vào tuần thứ 2 và tuần thứ 14.

Hơn thế nữa, nhóm đề tài còn tiến hành quan sát trên phần mềm Flipgrid trong suốt 15 tuần thực nghiệm. Ban đầu, nhóm nghiên cứu quan sát xem sinh

viên có hiểu quy trình, các bước thực hiện các bài tập nói không, đã thích nghi với việc sử dụng các thiết bị điện tử để quay bài chưa? Sau khi sinh viên đã hiểu được các bước phải làm, thành thạo trong việc tự quay bài cho các nhiệm vụ được giao, hàng tuần giảng viên quan sát xem mức độ thường xuyên tham gia và hiệu quả đáp ứng các yêu cầu như thế nào? Giảng viên cũng thu thập dữ liệu về độ dài của video và số lượng video đã được tải lên cũng như sự tương tác giữa các sinh viên trong lớp với nhau. Ngoài ra, giảng viên cũng sẽ ghi chép lại cả những khó khăn, vướng mắc của mình khi thiết kế bài tập, của sinh viên khi làm các bài tập đó rồi từ đó có thể có những rút kinh nghiệm hoặc có những kế hoạch hiệu quả, phù hợp cho những lần áp dụng sau.

### **2.3. QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM**

Sau khi nhận được cho phép của nhà trường và sự đồng thuận của các phòng, khoa có liên quan, nhóm nghiên cứu đã tiến hành xây dựng. Sinh viên ở nhóm đối chứng và thực nghiệm đều đều tham gia học học phần tiếng Anh 1 trong 15 tuần, có chương trình học như nhau, giáo trình giống nhau, cùng kiểu phương pháp giảng dạy,...trong đó nhóm thực nghiệm được áp dụng phần mềm Flipgrid trong việc rèn kỹ năng nói, còn nhóm đối chứng thì học như bình thường. Các dữ liệu được nhóm nghiên cứu thu thập trong 15 tuần. Quá trình ba bước đã được thực hiện: Bước 1: phát câu hỏi khảo sát cho nhóm sinh viên và giảng viên bộ môn để tìm hiểu về giảng viên, sinh viên, quá trình dạy học tiếng Anh và thực trạng học kỹ năng nói; thực hiện bài kiểm tra nói ở 2 nhóm lần 1. Bước 2: tiến hành thực nghiệm – Sinh viên lớp thực nghiệm thực hành kỹ năng nói trên phần mềm Flipgrid trong 15 tuần. Bước 3: thực hiện bài kiểm tra nói ở 2 nhóm lần 2. Ngoài ra, còn phát bảng câu hỏi khảo sát thái độ sinh viên trong nhóm thực nghiệm có ứng dụng phần mềm Flipgrid. Đồng thời cũng tiến hành quan sát, dự giờ.

#### **2.3.1. Trước khi làm thực nghiệm**

Nhóm nghiên cứu chuẩn bị tài liệu, thiết kế các hoạt động nói cho học phần tiếng Anh 1 trên phần mềm Flipgrid. Nhóm nghiên cứu đã gặp các sinh viên trong hai nhóm để giới thiệu về khóa học: giáo trình, các tài liệu tham khảo, mục tiêu của khóa học, ngày thi,... Nhóm nghiên cứu cũng phát câu hỏi khảo sát nhằm tìm hiểu về sinh viên, về thực trạng học nói. Đồng thời 2 nhóm cũng tham gia làm bài kiểm tra số 1.



Nhóm nghiên cứu có trách nhiệm thông báo cho họ viết biết là điểm số này chỉ phục vụ cho nghiên cứu chứ không lấy vào điểm tổng kết, để tránh sự lo lắng ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu.

### **2.3.2. Giai đoạn thực nghiệm**

Ngay từ tuần đầu tiên của kỳ học, nhóm nghiên cứu cũng gặp riêng nhóm thực nghiệm để giới thiệu về phần mềm Flipgrid: mục đích, tiến trình, và ưu nhược điểm của phần mềm này đối với việc học kỹ năng nói. Sinh viên nhóm thực nghiệm cũng được tìm hiểu kỹ và hướng dẫn tỉ mỉ cách dùng phần mềm ( cách tải phần mềm hay dùng trực tuyến, cách sử dụng phần hướng dẫn của giảng viên, cách quay, cách đẩy bài lên, cách tương tác với bạn cùng lớp, với giảng viên...). Khi đó các sinh viên sẽ cảm thấy tự tin hơn khi thực hiện các hoạt động. Nếu sinh viên chủ động trong các hoạt động nói thì họ sẽ thích học nói tiếng Anh hơn. Nhưng nếu họ chỉ thụ động hoặc đối phó thì họ sẽ vẫn rơi vào vòng luẩn quẩn của việc học nói yếu, thiếu tự tin.

Đầu học kỳ sinh viên sẽ có một bài giới thiệu về bản thân để các bạn sinh viên có thể làm quen với Flipgrid, với các bạn cùng lớp (icebreaker), giảng viên cũng sẽ cơ hội để bước đầu tiếp xúc với lớp, tìm hiểu xem sinh viên gặp khó khăn gì khi quay bài. Ở các tuần tiếp theo, mỗi một bài, sinh viên sẽ bắt đầu các hoạt động nói từ cấp độ dễ đến khó. giai đoạn 1: của bài, các sinh viên sẽ sử dụng kỹ thuật bắt trước/ kiểm soát (controlled). Các em sẽ được nghe phần đọc trên audio/ video đối với các phần từ mới, phần hội thoại, ngữ âm. Sau đó các em luyện tập đọc đi đọc lại cho thuần thục và tiến hành quay video trên Flipgrid. Giai đoạn 2: Luyện tập bán kiểm soát (semi –controlled). Sinh viên dựa theo đoạn hội thoại mẫu, cùng nhau xây dựng đoạn hội thoại của mình về chủ đề đã được hướng dẫn. Giai đoạn 3: Luyện tập tự do. Sinh viên sẽ nói về chủ đề liên quan đến bài học dựa vào những câu hỏi gợi ý, những video mẫu của giảng viên hướng dẫn và đính kèm.

Sinh viên quay video nội dung các bài luyện tập nói của mình ngoài giờ học vì việc tổ chức nhiều hoạt động nói tiếng Anh trên lớp thường xuyên là khó khăn vì thời gian không cho phép, lượng kiến thức và bài tập cũng như rèn các kỹ năng khác nhiều. Mỗi tuần, sinh viên được giao bài tập về nhà và thực hiện trên Flipgrid 2 lần mỗi tuần với nội dung được thiết kế theo từng đơn vị bài học liên quan đến từ vựng, đọc đoạn hội thoại mẫu, thiết kế hội thoại mới theo mẫu và đọc, nói tự do theo chủ đề. Các video của sinh viên được tải lên trang Flipgrid. Buổi đầu tiên của tuần học tiếp theo giảng viên rút kinh nghiệm bài giao tuần trước đó. Giảng viên và sinh viên trao đổi về sinh viên nói về tình hình

học tập của mình (khó khăn, thuận lợi, điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình học tập cũng như những mong muốn nguyện vọng của họ.)

Việc ứng dụng Flipgrid, sinh viên làm video rất tiện lợi, luyện tập được nhiều hơn trước khi gửi bài nói và giảng viên có thể kiểm soát được quá trình tự học của sinh viên, có thể nhận xét được video của từng em trực tiếp trên ứng dụng. Các em sinh viên có thể xem video bài của bạn mình và học hỏi những điểm yếu, điểm mạnh của bản thân và của các bạn cùng lớp để từ đó có hướng cải thiện khả năng của mình, việc quay bài lúc nào ở đâu hoàn toàn là quyết định của sinh viên.

Giảng viên chỉ đóng vai trò định hướng và hướng dẫn các hoạt động nói. Nhóm nghiên cứu đã dựa vào kết quả kiểm tra lần một để thiết kế những hoạt động phù hợp với trình độ của sinh viên để khi thực hành sinh viên không cảm thấy bị quá sức dẫn đến lo lắng, thiếu tự tin.

### **2.3.3. Sau khi làm thực nghiệm**

Vào tuần cuối cùng, cả 2 nhóm làm bài kiểm tra nói số 2 và nhóm thực nghiệm trả lời thêm bảng câu hỏi khảo sát.

### **2.3.4. Tài liệu dùng trong nghiên cứu**

Tài liệu dùng cho sinh viên ở cả hai nhóm học trên lớp là Smart Choice elementary third edition. Sách được thiết kế gồm 12 bài. Mỗi bài gồm 3 ngữ liệu từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và thiết kế lồng ghép 4 kỹ năng nghe nói đọc viết. Ngoài ra sách còn có 4 bài ôn tập (review Units 1-3, review Units 4-6, review Units 7-9, and review Units 10-12. Như vậy, cả hai nhóm đều được học cùng giáo trình, cùng thời gian giảng dạy, môi trường lớp học cơ bản là giống nhau, cùng kỳ thi và cùng phương pháp giảng dạy, phương pháp giảng dạy truyền thống. Cách tiếp cận giảng dạy này chủ yếu tập trung vào việc giảng dạy trên lớp sử dụng trình chiếu PowerPoint, không có nhiều thời gian luyện tập, thực hành nhiều đối với kỹ năng nói.

Bên cạnh, việc học giáo trình trên lớp, sinh viên nhóm đối chứng không ứng dụng phần mềm Flipgrid mà chỉ học theo phương pháp truyền thống, làm những nhiệm vụ trên lớp và những nhiệm vụ giảng viên giao thêm về nhà. Còn sinh viên của nhóm thực nghiệm tham gia vào việc luyện tập kỹ năng nói trên phần mềm Flipgrid. Cụ thể hơn là các nhiệm vụ được giao từng tuần, theo từng bài học. Các hoạt động nói trên Flipgrid được thiết kế có yêu cầu hướng dẫn cụ thể của giảng viên (về độ dài bài video, có những câu hỏi gợi ý). Ngoài ra giảng viên cũng cung cấp thêm những hình ảnh, những bài mẫu cả bằng văn bản và video để sinh viên có thể tham khảo. Những nguồn học liệu này được giảng viên lấy từ bộ tài liệu trên trang <http://smartchoicepractice.com> đi kèm của sách giáo trình. Nguồn học liệu này chưa được tận dụng nhiều nếu chỉ giảng dạy theo phương pháp truyền thống trên lớp vì không đủ thời gian. Ngoài ra, giảng viên cũng tham khảo, chọn lọc các nguồn tài liệu phù hợp với từng bài, phù hợp với trình độ của sinh viên. Khi dùng phần mềm này, sinh viên có thể có thêm nhiều

thời gian để luyện tập, để chuẩn bị chẵn chu hơn trước khi ghi lại bài nói, giúp sinh viên có thể giảm bớt sự lo lắng, căng thẳng. Hơn nữa, sinh viên có thể chủ động trong việc ghi bài nói ở bất cứ đâu hoặc bất cứ thời điểm nào. Như vậy, sẽ rất thuận tiện cho sinh viên. Trước hoặc sau khi đăng bài của mình, sinh viên cũng có thể tham khảo bài nói của các bạn khác trong lớp để từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân.

## **2.4. XỬ LÝ SỐ LIỆU**

### **2.4.1. Công cụ xử lý số liệu**

Phần mềm SPSS phiên bản 16

### **2.4.2. Cách thức xử lý số liệu**

- **Đối với bài kiểm tra nói**

Trước và sau khi làm thực nghiệm cả hai nhóm đều làm bài kiểm tra nói để đối chứng kết quả. Điểm của hai lần kiểm tra được nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 16 rồi phân tích so sánh bằng phép kiểm định paired samples T-test để so sánh trị số p và trung bình cộng của các bài kiểm tra trong từng nhóm và giữa 2 nhóm cả trước và sau khi làm thực nghiệm.

Kết quả phân tích dựa vào căn cứ khoa học sau:

- Nếu trị số p nhỏ hơn hoặc bằng 0.05 thì nó có nghĩa về mặt thống kê và điều này có nghĩa là việc ứng dụng phần mềm Flipgrid có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

- Nếu trị số p > 0.05 thì con số này không có nghĩa về mặt thống kê nên phần mềm Flipgrid không ảnh hưởng gì đến sự phát triển kỹ năng nói Tiếng Anh

- **Kết quả của 2 bảng khảo sát (trước thực nghiệm)**

Số liệu được thu thập và tính thành phần trăm để phân tích, biểu diễn dưới dạng biểu đồ.

- **Đối với khảo sát sau thực nghiệm**

Số liệu được thực hiện trên phần mềm SPSS 16. Số liệu được làm sạch và không có giá trị bỏ trống trong dữ liệu đưa vào phân tích. Thực hiện thống kê mô tả giá trị nhỏ nhất (min), lớn nhất (max), trung bình (mean) và độ lệch chuẩn. Các giá trị được lấy đến 2 số thập phân sau dấu phẩy. Giá trị trung bình chung của các yếu tố được tính bằng điểm trung bình cộng của các mục nhỏ tạo thành, phần tính điểm trung bình được thực hiện bằng lệnh trên SPSS. Kết quả phân tích dựa vào căn cứ khoa học sau đối với thang đo Likert 5 mức độ:

- Mức điểm 3 là trung gian.

- Nếu thiên về 3-5 nghĩa là sinh viên đồng ý với quan điểm của nhóm nghiên cứu đưa ra.

- Nếu thiên về 1-3, sinh viên không đồng ý với quan điểm của của nhóm nghiên cứu đưa ra.

## CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Chương 3 báo cáo kết quả của nghiên cứu. Phần đầu trình bày kết quả nghiên cứu từ phía sinh viên, gồm dữ liệu thu thập được từ các bài kiểm tra số 1, 2 và từ các phiếu khảo sát và thảo luận về các buổi dự giờ, quan sát của nhóm nghiên cứu. Phần 2 giới thiệu kết quả nghiên cứu từ phía giảng viên thông qua phiếu khảo sát.

### 3.1. Kết quả nghiên cứu từ phía sinh viên

#### 3.1.1. Kết quả nghiên cứu từ các bài kiểm tra

Như đã đề cập ở trên, tác động của Flipgrid với việc dạy và học kỹ năng nói được thể hiện thông qua kết quả của bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm. Do đó, dữ liệu thu được từ các kết quả kiểm tra được tính, phân tích và báo cáo trong các phần nhỏ như sau: (1) Kết quả kiểm tra bài số 1 (trước khi làm thực nghiệm) giữa 2 nhóm; (2) Kết quả trước và sau thực nghiệm trong mỗi nhóm và (3) kết quả kiểm tra bài số 2 (sau khi làm thực nghiệm) giữa 2 nhóm.

#### Kết quả bài kiểm tra trước khi làm thực nghiệm của 2 nhóm

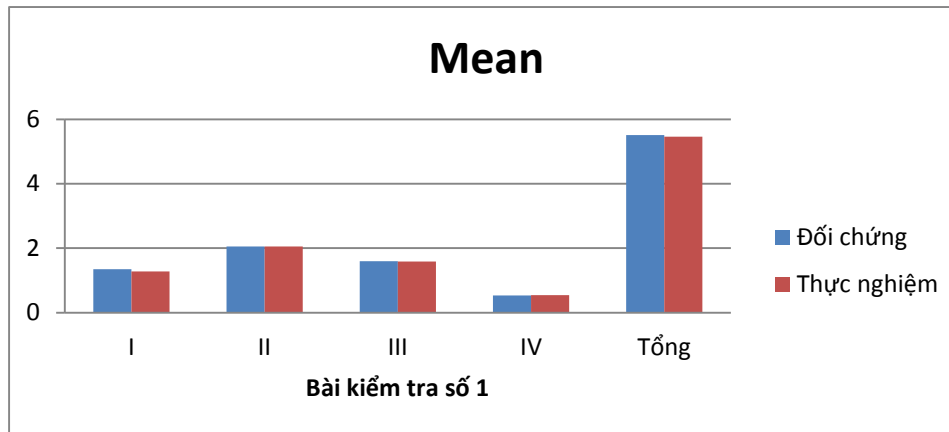
Phần này trình bày, phân tích, so sánh để tìm hiểu sự khác biệt của hai nhóm thông qua bài kiểm tra nói số 1 trước khi làm thực nghiệm. Bảng 3.1 và Biểu đồ 3.1 dưới đây mô tả chi tiết số liệu giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

Bảng 3.1 chỉ ra cho chúng ta thấy sự so sánh cụ thể kết quả của bài kiểm tra trước khi làm thực nghiệm theo từng phần và tổng thể. Ta có thể dễ dàng nhận ra rằng đa số trung bình cộng từng phần của 2 nhóm là tương đối bằng nhau. Ngoài phần II là 2 nhóm đạt thành tích như nhau thì ở phần I, phần giới thiệu bản thân và phần III, trình bày topic ở nhóm đối chứng các bạn sinh viên thể hiện tốt hơn so với các bạn trong nhóm thực nghiệm trong khi ở phần đọc hội thoại và phần trả lời câu hỏi ở phần IV thì nhóm thực nghiệm lại vượt trội hơn. Nhưng trung bình cộng tổng thể của nhóm đối chứng lại cao hơn của nhóm thực nghiệm mặc dù là không nhiều (chỉ 0.044; nhóm thực nghiệm là 5.461, còn nhóm đối chứng là 5.505). Đặc biệt, trị số p từng phần cũng như toàn bài giữa 2 nhóm đều lớn hơn 0.05. Mà theo qui ước khoa học, khi p của toàn bài giữa 2 nhóm = 0.735 > 0.05 thì có nghĩa là giữa 2 nhóm không có sự chênh lệch mấy về khả năng nói tiếng Anh. Như vậy, kết quả này chỉ ra rằng trước khi áp dụng ứng dụng Flipgrid, sinh viên của 2 nhóm khả năng nói tiếng Anh tương đối như nhau. Chúng ta dễ dàng nhận ra điều này hơn khi nhìn vào biểu đồ 3.1. Các cột

màu xanh (số liệu của nhóm đối chứng) và màu đỏ (số liệu của nhóm thực nghiệm) gần như là bằng nhau ở tất cả các phần cũng như toàn bài.

	Phần	Nhóm	Mean	SD	p
Bài kiểm tra số 1	I	ĐC	1.342	0.2321	0.235
		TN	1.279	0.2303	
	II	ĐC	2.055	0.2748	1.000
		TN	2.055	0.2835	
	III	ĐC	1.595	0.3353	0.952
		TN	1.589	0.3286	
	IV	ĐC	0.532	0.1629	0.893
		TN	0.537	0.1618	
	Tổng	ĐC	5.505	0.5125	0.735
		TN	5.461	0.5315	

**Bảng 3.1. Kết quả bài kiểm tra số 1 của 2 nhóm**



**Biểu đồ 3.1. Giá trị trung bình cộng (Mean) của bài kiểm tra số 1 ở 2 nhóm**

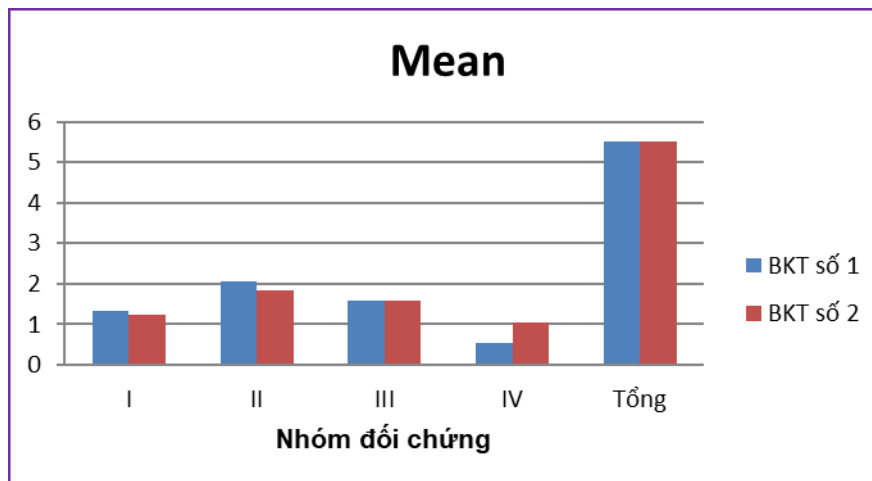
- **Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm đối chứng**

Bảng 3.2 và Biểu đồ 3.2 dưới đây so sánh các kết quả trước và sau 15 tuần học tập tích lũy kiến thức như bình thường. Tuy không phải giá trị trung bình của tất cả các phần trong bài kiểm tra số 2 không lớn hơn nhiều so với từng phần trong bài kiểm tra số 1. Đặc biệt, khi xét toàn bài thì trung bình cộng của bài số 2 cao hơn bài số 1 là 0.019. Điều này chỉ ra rằng sinh viên ở nhóm đối chứng có phần nào cải thiện. Tuy nhiên, trị số p giữa 2 bài kiểm tra này bằng 0.840 cao hơn 0.05. Như vậy, sự khác biệt giữa kết quả của 2 bài kiểm tra trong nhóm đối

chứng không có ý nghĩa thống kê. Điều này cũng được thể hiện trong biểu đồ 3.2 khi hầu hết cột xanh (bài kiểm tra số 1) và cột đỏ (bài kiểm tra số 2) là bằng nhau, chỉ có cột đỏ ở phần tổng toàn bài là cao hơn ở cột xanh một chút. Như vậy, với phương pháp dạy truyền thống thì kỹ năng nói của sinh viên được cải thiện ở mức độ vừa phải.

**Bảng 3.2 Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm đối chứng**

Phần	Bài kiểm tra	M (Giá trị trung bình)	SD (Độ lệch chuẩn)	p (Mức ý nghĩa)
I	Số 1	1.342	0.2321	0.104
	Số 2	1.247	0.2729	
II	Số 1	2.055	0.2748	0.002
	Số 2	1.834	0.2860	
III	Số 1	1.595	0.3353	0.752
	Số 2	1.579	0.2933	
IV	Số 1	0.532	0.1629	0.000
	Số 2	1.047	0.1996	
Tổng	Số 1	5.505	0.5125	0.840
	Số 2	5.524	0.4664	



**Biểu đồ 3.2. Giá trị trung bình cộng (Mean) của kiểm tra số 1 và số 2 ở nhóm đối chứng**

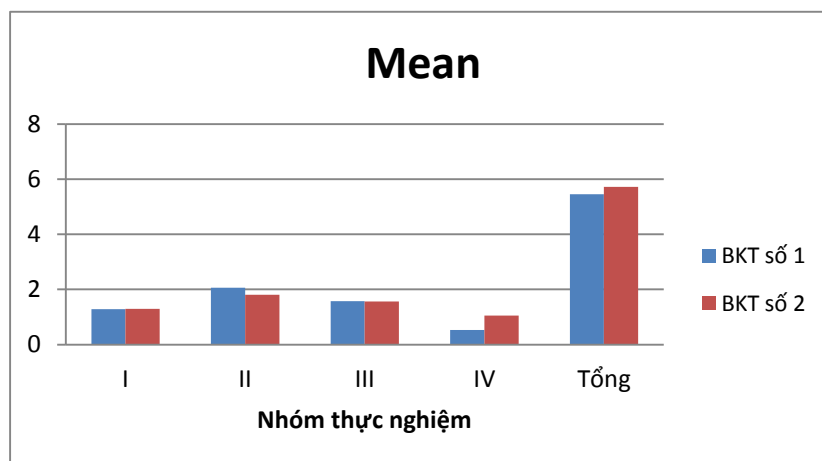
- **Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm thực nghiệm**

Trong phần này, kết quả của bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm thực nghiệm được phân tích và so sánh để xem liệu có bất kỳ mối quan hệ nào giữa việc áp dụng Flipgrid cho sinh viên năm thứ nhất tại đại học Hoa Lư hay không. Kết quả này được tóm tắt trong bảng 3.3 và biểu đồ 3.3 dưới đây.

Khi nhìn vào biểu đồ 3.3, chúng ta dễ dàng thấy ngoại trừ 2 phần (II và III) ra thì bài kiểm tra số 2 đều có trung bình cộng cao hơn so với bài kiểm tra số 1. Cụ thể thì trung bình cộng của bài số 2 cao hơn so với bài số 1 là 0.268. Mặc dù độ chênh lệch này không nhiều nhưng khi so với bảng 3.3 ta có thể thấy trị số p giữa 2 bài của nhóm thực nghiệm =  $0.002 < 0.05$ . Theo một qui ước của khoa học thì con số này có ý nghĩa thống kê và nó chỉ ra rằng ứng dụng Flipgrid có tác động tích cực đến khả năng của sinh viên sau giai đoạn thực nghiệm.

**Bảng 3.3. Kết quả bài kiểm tra số 1 và số 2 của nhóm thực nghiệm**

Phần	Bài kiểm tra	Mean	SD	p
I	Số 1	1.283	0.2235	0.830
	Số 2	1.293	0.2195	
II	Số 1	2.059	0.2729	0.000
	Số 2	1.807	0.3110	
III	Số 1	1.576	0.3223	0.907
	Số 2	1.568	0.2612	
IV	Số 1	0.532	0.1650	0.000
	Số 2	1.049	0.1938	
Tổng	Số 1	5.449	0.5173	0.002
	Số 2	5.717	0.5329	



**Biểu đồ 3.3. Giá trị trung bình cộng (mean) của kiểm tra số 1 và số 2 ở nhóm thực nghiệm**

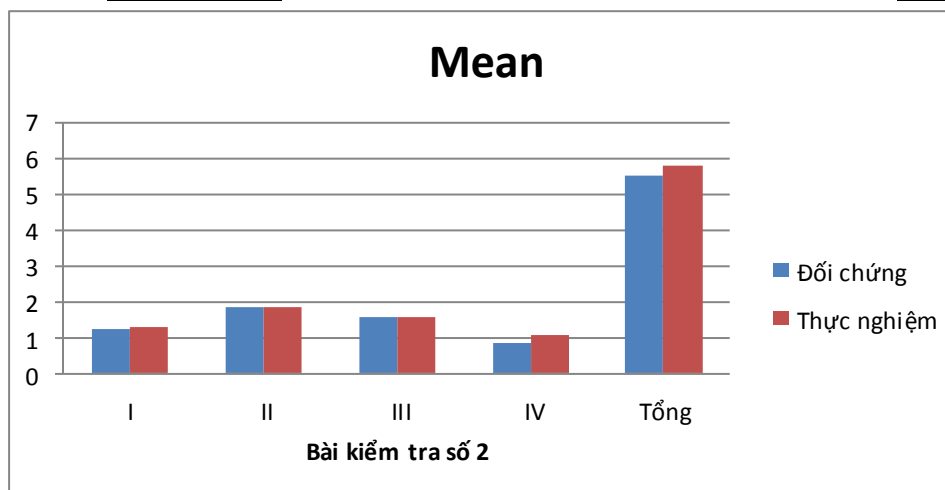
- **So sánh kết quả bài kiểm tra số 2 của 2 nhóm**

Kết quả của bài kiểm tra số 2 của 2 nhóm được thể hiện rõ nét trong bảng 3.4 và biểu đồ 3.4. Tuy trung bình cộng ở phần III của nhóm đối chứng có cao

hơn nhóm thực nghiệm 1 chút (0.003), nhưng nhìn chung ở các phần khác thì trung bình cộng của nhóm thực nghiệm lại cao hơn và điều này được thể hiện rõ ở trung bình cộng toàn bài của 2 nhóm. Biểu đồ 3.4 sẽ giúp chúng ta nhìn rõ sự khác nhau giữa 2 nhóm.

**Bảng 3.4. Kết quả bài kiểm tra số 2 của 2 nhóm**

	Phần	Nhóm	M	SD	p
<b>Bài kiểm tra số 2</b>	I	ĐC	1.247	0.2729	0.368
		TN	1.300	0.2218	
	II	ĐC	1.834	0.2860	0.959
		TN	1.832	0.3103	
	III	ĐC	1.579	0.2933	0.956
		TN	1.582	0.2639	
	IV	ĐC	0.863	0.2136	0.000
		TN	1.047	0.1996	
	<b>Tổng</b>	ĐC	5.524	0.4664	0.003
		TN	5.761	0.5274	



**Biểu đồ 3.4 Giá trị trung bình cộng (mean) của bài kiểm tra số 2 ở cả 2 nhóm**

Tóm lại, kết quả của bài kiểm tra nói đầu kỳ giữa 2 nhóm tương đối giống nhau. Sau 15 tuần học với phương pháp dạy và học như bình thường thì trung bình cộng điểm kiểm tra nói cuối kỳ của nhóm đối chứng cao hơn đầu kỳ, nhưng trị số  $p = 0.840 > 0.05$  nên không có ý nghĩa thống kê. Điều này chứng tỏ phương pháp giảng dạy này không có nhiều tác động tích cực đối với việc nâng cao khả năng nói. Còn đối với nhóm thực nghiệm thì trung bình cộng của bài 2 cao hơn



bài 1 và trị số  $p=0.002<0.05$ . Thêm vào đó, trung bình cộng bài số 2 của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng và trị số  $p$  giữa 2 bài kiểm tra này là  $=0.003<0.05$  nên nó có nghĩa là Flipgrid có tác động tích cực đến việc nâng cao khả năng nói.

Bên cạnh việc so sánh kết quả bài kiểm tra nói, nhóm nghiên cứu còn phân tích, đối chiếu điểm tổng hợp đánh giá học phần của 2 nhóm. Xét về điểm tổng hợp của 2 nhóm thì cả 2 nhóm đều không có sinh viên nào đạt điểm tối đa là A+, nhưng nhóm thực nghiệm có số sinh viên đạt điểm A chiếm 4.9 %, cao hơn nhóm đối chứng 2.4 %. Xét ở các đầu điểm thì nhóm thực nghiệm có điểm cao hơn so với nhóm đối chứng. Đặc biệt ở nhóm thực nghiệm, không có sinh viên nào bị điểm D trong khi nhóm đối chứng có đến 4 sinh viên, chiếm 10.3%. Và nếu tính bình quân điểm tổng hợp cho sinh viên trong nhóm thực nghiệm là 6.6 trong khi nhóm đối chứng chỉ đạt được 6.3. Mặc dù sự cách biệt không nhiều nhưng nhìn chung năng lực tiếng anh của nhóm thực nghiệm có cao hơn ở nhóm đối chứng. Điều đó được thể hiện cụ thể ở bảng 3.5 dưới đây.

**Bảng 3.5. Kết quả điểm tổng hợp đánh giá học phần giữa 2 nhóm**

Điểm	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
	Số sinh viên	Phần trăm	Số sinh viên	Phần trăm
Không đủ điều kiện dự thi	1	2.6%	1	2.4%
A+	0	0%	0	0%
A	1	2.5%	2	4.9%
B+	4	25.6%	2	29.3%
B	6		10	
C+	4	10.3%	5	12.2%
C	14	35.9%	15	36.6%
D+	4	10.3%	6	14.6%
D	4	10.3%	0	0%
<b>Điểm trung bình</b>	<b>6.3</b>		<b>6.6</b>	

Kết luận: Như vậy, qua phân tích các số liệu cần thiết nhóm tác giả có thể đưa đến kết luận là ứng dụng Flipgrid không chỉ có ảnh hưởng tích cực đối với việc cải thiện kỹ năng nói mà nó còn ảnh hưởng tới khả năng tiếng anh nói chung của người học.

### 3.1.2. Kết quả nghiên cứu từ các phiếu khảo sát

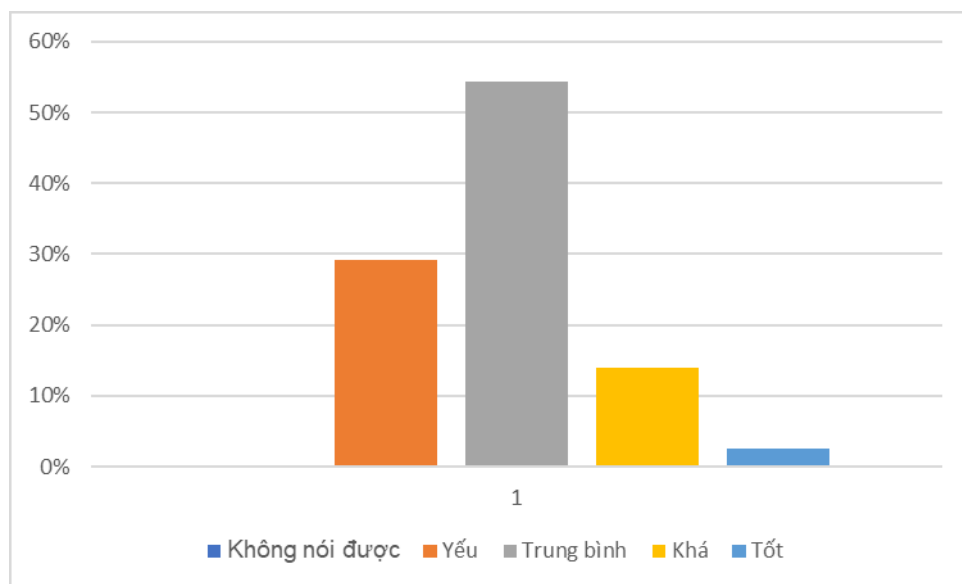
- **Kết quả phân tích từ phiếu khảo sát đầu kì dành cho cả 2 nhóm**

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để thu thập số liệu thông qua phiếu điều tra để nghiên cứu về kỹ năng nói của Sinh viên năm nhất và tiến hành khảo sát sinh viên 2 lớp (lớp số 2 và lớp số 5). Nội dung

các câu hỏi khảo sát giúp chúng tôi hiểu rõ ràng và chính xác về thực trạng rèn kỹ năng nói của sinh viên. Các câu hỏi được thiết kế chi tiết và dễ hiểu giúp sinh viên đưa ra câu trả lời chính xác mức độ đánh giá của sinh viên đối với kỹ năng nói, thời gian thực hành kỹ năng nói trên lớp và sau giờ học, những hoạt động giáo viên thường hay áp dụng trong giờ học để sinh viên có cơ hội luyện nói, đồng thời tìm ra những nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng nói của sinh viên.

Phiếu điều tra được gửi đến sinh viên vào tuần đầu học kỳ I năm học 2020-2021, khi sinh viên bắt đầu học học phần tiếng Anh 1. Nhóm thiết kế trên phần mềm google form và gửi đến 85 sinh viên của 2 lớp. Kết quả được trích xuất từ phần mềm Google form cho thấy.

Câu hỏi số 2 tìm hiểu về kỹ năng gây khó khăn cho sinh viên nhất. Theo biểu đồ 3.5, có 32 sinh viên (40.5%) được khảo sát cho rằng nói là kỹ năng mà sinh viên gặp nhiều khó khăn nhất trong việc học tập, tiếp theo là kỹ năng nghe 25 sinh viên (31.6%), kỹ năng viết (20.3%) và kỹ năng đọc (7.6%).



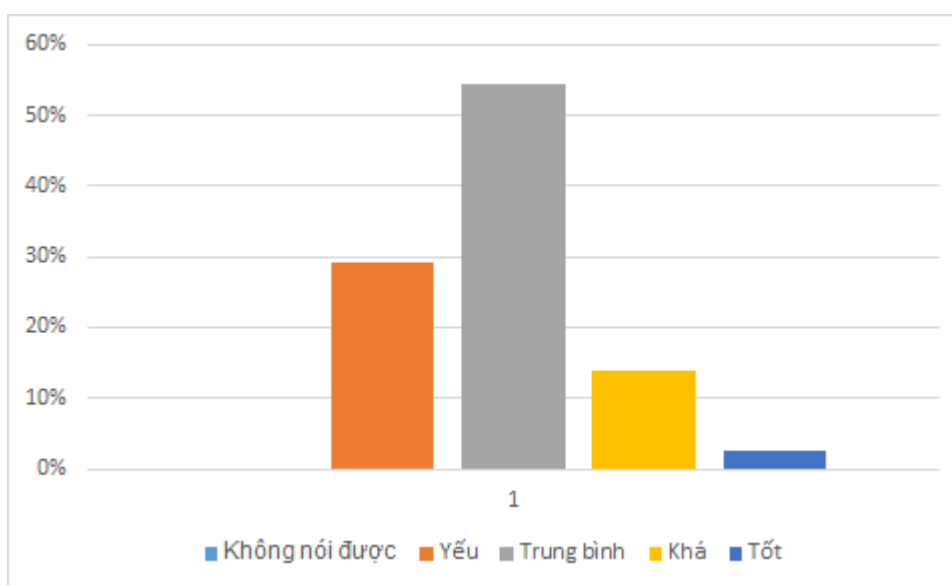
**Biểu đồ 3.5 Đánh giá mức độ khó của 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết**

Có nhiều nguyên nhân làm cho sinh viên cảm thấy kỹ năng nói là khó nhất như: vốn từ vựng ít, khả năng vận dụng ngữ pháp chưa linh hoạt vào trong các hoạt động nói, việc tự rèn luyện nói tiếng Anh chưa được thực sự chú trọng và thường xuyên. Kỹ năng nói cũng là kỹ năng sinh viên khó tự đánh giá mức độ tiến bộ của bản thân vì nó không có đáp án chính xác như 3 kỹ năng còn lại.

Muốn nhận ra sự tiến bộ, sinh viên phải trải qua một thời gian luyện tập lâu dài và kiên trì.

Câu hỏi số 3, 5 và số 6 tìm hiểu về thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm nhất trường Đại Học Hoa Lư.

Khi trả lời câu hỏi đánh giá về khả năng thực hành kỹ năng nói tiếng Anh, có tới 29.1% số sinh viên được khảo sát thừa nhận là nói được tiếng Anh yếu, 43 sinh viên (54.4%) tự đánh giá kỹ năng nói của mình chỉ đạt trình độ trung bình, chỉ có 16.5% số sinh viên tự tin với khả năng nói của mình. Trong đó 11 sinh viên tự nhận khả năng nói Tiếng Anh ở mức khá, 2 sinh viên nhận ở mức tốt.

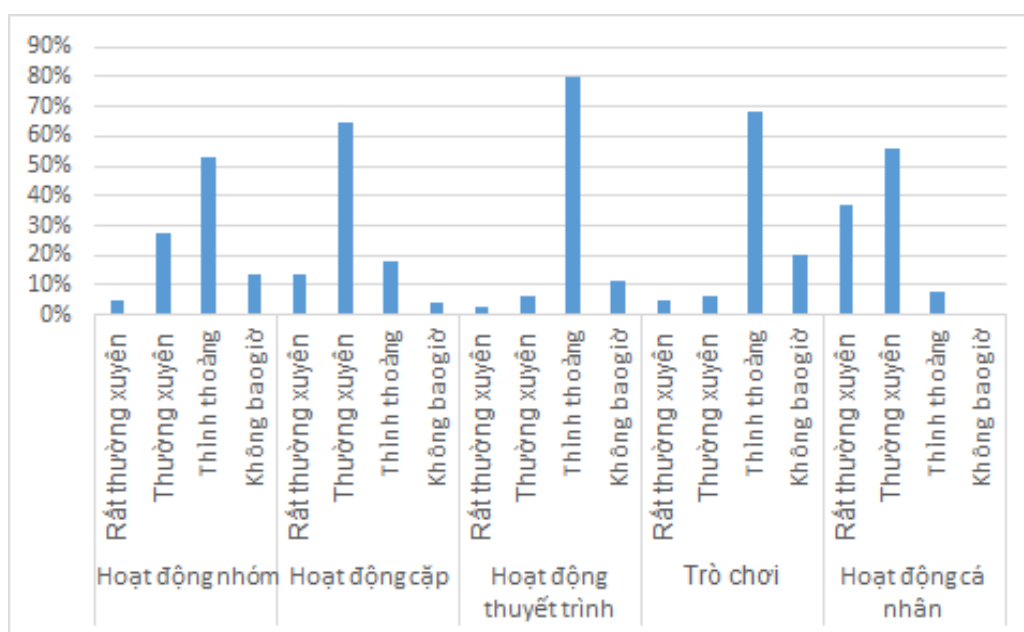


### **Biểu đồ 3.6. Khả năng nói tiếng Anh của SV năm nhất trường ĐH Hoa Lư**

Đây là một thực trạng đáng lo ngại, vì kỹ năng nói tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong học tập tại trường Đại học Hoa Lư. Ngoài 3 học phần tiếng Anh cơ bản, sinh viên còn phải học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trong các học phần đều có các bài kiểm tra hoặc có bài thi cuối kỳ là kỹ năng nói (kết thúc học phần tiếng Anh 3). Hơn thế nữa, kỹ năng nói tiếng Anh tốt sẽ rất hữu ích cho sinh trong giao tiếp hằng ngày và tìm được những công việc tốt sau khi ra trường. Kỹ năng nói tiếng Anh được coi là một công cụ để làm việc hiệu quả. Có một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên. Thứ nhất, do trình độ và nền tảng tiếng Anh của sinh viên không đồng đều, cho nên, với những lớp yếu, giáo viên phải dành nhiều thời gian để giảng dạy ngữ pháp và từ vựng. Thứ hai, số lượng học sinh trong lớp học đông dẫn đến khó khăn trong tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng nói. Thứ ba, chương trình giảng dạy chưa quan tâm chú ý đến kỹ năng nói. Thứ tư, cách kiểm tra, đánh giá chưa dành tỉ trọng số

điểm cho kỹ năng nói. Thứ năm, Thời lượng dành cho môn học còn hạn chế, trong khi khối lượng bài học và kiến thức quá nhiều.

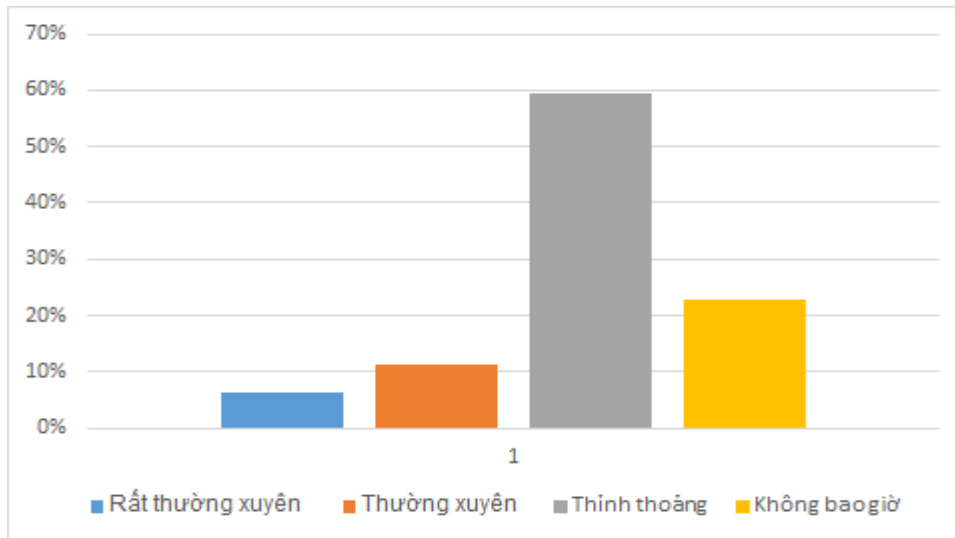
Trong quỹ thời gian hạn chế dành cho kỹ năng nói, đa số giáo viên cũng đã cố gắng tổ chức nhiều hoạt động nhóm, luyện tập theo cặp, thuyết trình, trò chơi hoặc nói cá nhân. Tuy nhiên, mức độ tổ chức cũng không đồng đều trong các lớp học mà sinh viên tham gia khảo sát. Trong đó, hoạt động cá nhân được sử dụng nhiều nhất. Có tới 79 sinh viên (92%) cho rằng giờ học nói củ họ rất thường xuyên và thường xuyên có hoạt động nói cá nhân. Tiếp đến là hoạt động nói theo cặp (64.7% chọn thường xuyên, 14.1% chọn rất thường xuyên). Hoạt động nói theo nhóm xếp vị trí thứ 3 với tỉ lệ 59.2% sinh viên chọn thường xuyên và 4.7% chọn rất thường xuyên. Hai hoạt động thuyết trình và trò chơi ít được tổ chức trong giờ học nói hơn.



**Biểu đồ 3.7. Các hoạt động trong giờ học nói trên lớp**

Theo biểu đồ 3.7 cho thấy, sự tổ chức các hoạt động nói trên lớp là không đồng đều. Lí do là do số lượng học sinh đông dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng nói. Hơn nữa, với tâm lý dạy học tại các lớp học truyền thống, sợ lớp làm ồn trong giờ học nói, ảnh hưởng đến các lớp bên cạnh, sợ bị cấp trên nhắc nhở nên giáo viên hạn chế tối đa việc áp dụng các hoạt động dễ gây ồn ào: trò chơi, hoạt động nhóm. Hoạt động thuyết trình cũng ít được giáo viên sử dụng do tốn nhiều thời gian đầu tư cho bài thuyết trình trong khi học sinh còn phải học một khối lượng lớn các kiến thức để phục vụ cho các bài kiểm tra, các kỳ thi.

Câu hỏi số 6 nói về mức độ tham gia các hoạt động nói trên lớp. Trong quỹ thời gian hạn hẹp, các giảng viên cũng đã cố gắng tổ chức các hoạt động trong giờ học nói Tiếng Anh như đã đề cập ở trên. Tuy nhiên, mức độ tham gia của học sinh cũng không nhiều.

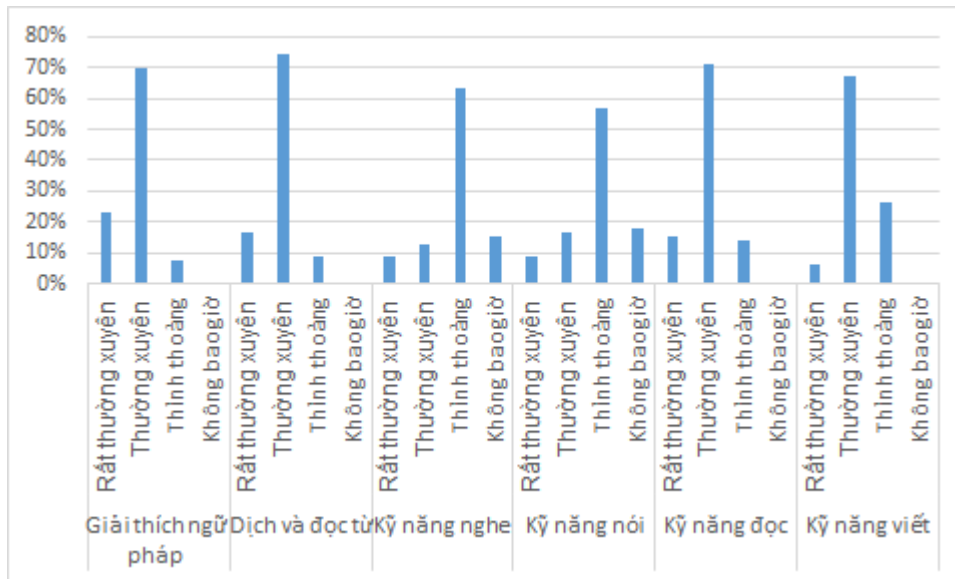


**Biểu đồ 3.8. Mức độ tham gia các hoạt động nói trên lớp**

Theo biểu đồ 3.8, có tới 47 sinh viên (59.5 %) nói rằng họ thỉnh thoảng tham gia các hoạt động nói trên lớp. Đặc biệt có 18 sinh viên (22.8%) thừa nhận rằng họ không tham gia các hoạt động nói trên lớp. Chỉ có 6.3% số lượng học sinh rất thường xuyên tham gia và 11.4% thường xuyên tham gia. Có thể lí giải vì những lý do chính như trình độ và nền tảng tiếng Anh của học sinh không đồng đều nên họ còn rụt rè, xấu hổ khi nói. Lớp học đông dẫn đến việc sinh viên có ít cơ hội để luyện tập trong giờ học, giáo viên cũng khó để quan sát, hướng dẫn lắng nghe và đưa ra nhận xét chính xác cho tất cả học sinh. Các bài kiểm tra đánh giá chưa dành tỉ trọng số điểm cho kỹ năng nói dẫn đến việc học sinh thờ ơ. Như vậy, chỉ có những em thực sự yêu thích môn nói, mạnh dạn tự tin thể hiện khả năng nói của mình trước lớp.

Câu hỏi số 5 đi tìm một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư có kỹ năng nói yếu. Thời gian phân bổ cho kỹ năng nói trong các lớp học cũng là một yếu tố được nhóm nghiên cứu quan tâm. Thực tế khảo sát cho thấy giáo viên chưa chú trọng tổ chức các hoạt động học tập tích cực để rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên. Thay vào đó, nhiều hoạt động chú trọng vào giải thích ngữ pháp và làm bài tập, dịch và đọc từ. (92.4% sinh viên chọn rất thường xuyên và thường xuyên giải thích ngữ pháp và làm bài

tập; 91.1% sinh viên chọn rất thường xuyên và thường xuyên dịch và đọc từ). Trong 4 kỹ năng, kỹ năng đọc và viết cũng được chú trọng nhiều hơn. Kỹ năng nghe và nói thỉnh thoảng mới được chú trọng. Đặc biệt là kỹ năng nói, có 45 sinh viên (56.9%) cho rằng họ chỉ thỉnh thoảng học kỹ năng nói trên lớp, 14 sinh viên nói rằng họ không bao giờ học kỹ năng nói trên lớp.



**Biểu đồ 3.9. Thời gian phân bố trên lớp**

Nguyên nhân của thực trạng trên là do ở bậc học phổ thông, học sinh ở các vùng, các trường và các lớp khác nhau có thể được học những sách giáo khoa khác nhau. Như ở tỉnh Ninh Bình, có bộ sách giáo khoa cũ (không có nhiều hoạt động nghe nói) và bộ sách giáo khoa mới. Hơn nữa, học sinh học chủ yếu là để vượt qua các bài kiểm tra, các kỳ thi. Mà các bài kiểm tra, bài thi chủ yếu đánh giá sinh viên ở phần ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và 2 kỹ năng đọc, viết. Như vậy, đây cũng là một khó khăn lớn cho sinh viên khi muốn rèn luyện kỹ năng nói bởi vì theo sinh viên, quỹ thời gian dành cho kỹ năng nói là ít. Đó là một cản trở lớn đối với giáo viên khi không có đủ thời gian để tổ chức nhiều hoạt động cho sinh viên, không thể tạo nhiều cơ hội cho nhiều sinh viên luyện tập và thể hiện trước lớp.

- **Kết quả phân tích từ phiếu khảo sát cuối kỳ**

Dữ liệu của các câu hỏi khảo sát này ghi lại nhận thức của sinh viên về Flipgrid và chia thành 5 nhóm:

Nhóm 1: Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh

Nhóm 2: Kỹ năng nói tiếng Anh

Nhóm 3: Tham gia học tập

Nhóm 4: Sự tham gia xã hội: sự tự

Nhóm 5: Việc sử dụng Flipgrid trong trong việc học nói trong tương lai

Các nhóm yếu tố này không được phân tích rời rạc mà tích hợp với nhau. Giá trị trung bình của mỗi danh mục được tính toán và lập bảng trong các bảng bên dưới đây:

**Bảng 3.6. Điểm trung bình các yếu tố**

Yếu tố		N	Min	Max	Mean	SD	Thứ tự
1	Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh	41	2.60	5.00	3.84	0.541	3
2	Đối với kỹ năng nói Tiếng Anh	41	2.29	5.00	3.70	0.634	4
3	Tham gia học tập	41	2.00	5.00	3.85	0.707	2
4	Tương tác xã hội	41	2.33	5.00	3.64	0.630	5
5	Về việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai	41	3.00	5.00	3.98	0.680	1

Qua bảng 3.6 trên cho thấy yếu tố về việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai được đánh giá điểm trung bình cao nhất 3.98. Điều này cho thấy sinh viên nhóm thực nghiệm đánh nhận thấy ưu điểm của công cụ này cũng như những ảnh hưởng tích cực của nó đến việc học kỹ năng nói trong nên họ muốn tiếp tục duy trì việc ứng dụng công cụ này. Yếu tố tham gia học tập được đánh giá điểm trung bình cao thứ hai là 3.85. Điều này cho thấy nhờ có công cụ Flipgrid, đã giúp cho sinh viên tham gia vào quá trình học nói nhiều hơn, tích cực, chủ động hơn. Yếu tố ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh được đánh giá điểm trung bình cao thứ ba là 3.84. Yếu tố đối với kỹ năng nói Tiếng Anh được đánh giá điểm trung bình cao thứ tư là 3.70. Có thể do thời gian tiến hành thực nghiệm còn ngắn, trình độ sinh viên không đồng đều do đó cần phải duy trì và cải thiện các hoạt động nói ở các kỳ học khác nhau. Yếu tố tương tác xã hội được đánh giá điểm trung bình thấp nhất là 3.64. Vì giảng viên chủ yếu yêu cầu sinh viên quay bài tập và gửi lên Grid, việc tương tác với các bạn trong lớp là khuyến khích chứ chưa phải là bắt buộc. Do đó,

trong những học kỳ tới, giảng viên nên tham khảo thêm các hoạt động khác để thúc đẩy hơn quá trình tương tác ví dụ như cho sinh viên đánh giá, nhận xét bài của nhau.

Đánh giá giá trị trung bình về các yếu tố về “Ứng dụng công cụ Flipgrid để tăng cường khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lu”

- Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh

**Bảng 3.7. Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh**

	Items	N	Min	Max	Mean	SD
1	Flipgrid dễ sử dụng	41	4	5	4.44	0.502
2	Flipgrid đã giúp tôi học tập tốt hơn trong học phần này	41	2	5	3.63	0.859
3	Tôi thích sử dụng Fligprid trong việc học học phần Tiếng Anh 1.	41	1	5	3.61	1.222
4	Flipgrid đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ trong học phần này.	41	2	5	3.80	0.872
5	Tôi thích xem các video của bạn cùng lớp	41	2	5	3.71	0.844

Dữ liệu trong bảng 3.7 chỉ ra rằng đa số sinh viên đồng ý (4) hoặc hoàn toàn đồng ý (5) rằng Flipgrid dễ sử dụng ( $M = 4.44$ ), thú vị ( $M = 3.71$ ) và nó giúp ích cho việc học của họ trong lớp ( $M = 3.7$ ). Trung bình tổng thể về nhận thức tình cảm của sinh viên khi sử dụng Flipgrid là 3.84. Như vậy, sau 15 tuần tiến hành thực nghiệm trên lớp, có thể thấy rằng từ việc ngỡ ban đầu, sinh viên đã có thể sử dụng thuần thục công cụ. Họ cũng bắt đầu quen và yêu thích các hoạt động trên Grid của lớp. Từ đó, chúng ta có thể nhận thấy những ảnh hưởng tích cực đối với người học. Tuy nhiên có 2 yếu tố “Flipgrid đã giúp tôi học tập tốt hơn trong học phần này” và “Tôi thích sử dụng Fligprid trong việc học học phần Tiếng Anh 1” còn khá thấp. Do đặc thù của học phần tiếng Anh 1 chỉ có 1 bài kiểm tra thực hành nói. Còn lại các bài kiểm tra khác đều là về kỹ năng ngôn ngữ và các kỹ năng khác. Mặt khác, nhiều sinh viên vẫn còn chưa



chủ động trong việc tự học, còn tư tưởng ngại học nên làm bài còn đối phó cho xong nhiệm vụ. Do đó chúng ta cần có các biện pháp để cải thiện và nâng cao hơn nữa.

- Ảnh hưởng của Flipgrid đối với kỹ năng nói tiếng Anh

**Bảng 3.8. Ảnh hưởng của Flipgrid đối với kỹ năng nói tiếng Anh**

Items		N	Min	Max	Mean	SD
1	Flipgrid giúp tôi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.	41	2	5	3.63	0.829
2	Ghi âm giọng nói đã giúp tôi phát triển kỹ năng nói Tiếng Anh của mình	41	1	5	3.80	1.030
3	Flipgrid đã giúp tôi phát triển cách phát âm tiếng Tiếng Anh.	41	2	5	3.71	0.955
4	Việc lắng nghe Flipgrid của các sinh viên khác đã giúp tôi học Tiếng Anh.	41	2	5	3.51	0.810
5	Nghe lại bản ghi âm của chính mình đã giúp tôi học nói tiếng Anh tốt hơn.	41	2	5	3.49	0.870
6	Phản hướng dẫn của giảng viên đối với các Grid cũng giúp ích cho tôi khi học nói Tiếng Anh.	41	2	5	4.05	0.835
7	Sử dụng Flipgrid cũng giúp tôi phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh.	41	2	5	3.73	0.949

Về kỹ năng nói, và như đã thấy trong bảng 3.8, đa số sinh viên nhận thấy rằng Flipgrid đã giúp họ phát triển các kỹ năng nói. Kết quả cho thấy điểm trung bình về đối với kỹ năng nói tiếng Anh ở mức cao, đánh giá tốt từ 3.49 – 4.05. Trung bình tổng thể của nhận thức của sinh viên về tác dụng của việc sử dụng Flipgrid đối với khả năng nói của họ là 3.7, điều này cho thấy một nhận thức tích cực.

Giá trị trung bình cao nhất trong danh mục này là nhận thức của sinh viên về tác động tích cực của việc sử dụng hướng dẫn trên Flipgrid của họ (M = 4.05). Có thể vì họ lo lắng về việc mắc lỗi sai và muốn có những hướng dẫn hoặc bản mẫu của giảng viên để tự tin làm bài.

Tiếp đó điểm trung bình “Ghi âm giọng nói đã giúp tôi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của mình” là 3.80, điểm trung bình “Sử dụng Flipgrid cũng giúp tôi

phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh” là 3.73, điểm trung bình “Flipgrid đã giúp tôi phát triển cách phát âm tiếng Tiếng Anh” là 3.71. Như vậy, có thể thấy việc luyện tập thường xuyên, liên tục sau mỗi bài học với các dạng bài khác nhau, đã phần nào giúp ích sinh viên cải thiện được phần kỹ năng của mình đặc biệt là kỹ năng nghe và nói.

Hai yếu tố “Flipgrid giúp tôi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh” và “Việc lắng nghe Flipgrid của các sinh viên khác đã giúp tôi học tiếng Anh” có điểm trung bình chung lần lượt là 3.63 và 3.51, điểm trung bình của “Nghe lại bản ghi âm của chính mình đã giúp tôi học nói tiếng Anh tốt hơn.” thấp nhất là 3.49. Vì việc tương tác với các bạn và nghe lại bài của mình chỉ là khuyến khích. Do đó, có một số sinh viên chỉ hoàn thành nhiệm vụ của mình, không tham khảo bài bạn cùng lớp. Một số sinh viên phản ánh rằng họ không có thói quen nghe lại bài của mình trước khi nộp. Mặc dù vậy nhiều sinh viên vẫn đồng ý rằng Flipgrid là một công cụ trợ giúp đắc lực cho phép sinh viên có thể học hỏi lẫn nhau cũng như nhận ra được lỗi sai từ chính bản thu âm của họ, từ đó rút kinh nghiệm cho chính mình.

- Tham gia học tập

**Bảng 3.9. Tham gia học tập**

Items		N	Min	Max	Mean	SD
1	Tôi thực hành bài tập nói của mình nhiều lần trước khi ghi âm trên Flipgrid.	41	2	5	3.93	0.985
2	Tôi đã thực hành Flipgrid của mình trước khi ghi lại	41	2	5	4.00	0.775
3	Các bản ghi âm của tôi trên Flipgrid được cân nhắc kỹ lưỡng hơn là khi tôi nói trực tiếp	41	2	5	3.61	0.802

Kết quả từ bảng 3.9 cho thấy điểm trung bình về tham gia học tập ở mức cao, đánh giá tốt từ 3.61 – 4.00. Trong đó, điểm trung bình về yếu tố “Tôi đã thực hành Flipgrid của mình trước khi ghi lại” được đánh giá cao nhất 4.00, tiếp đó điểm trung bình “Tôi thực hành bài tập nói của mình nhiều lần trước khi ghi âm trên Flipgrid” là 3.93 và điểm trung bình của “Các bản ghi âm của tôi trên Flipgrid được cân nhắc kỹ lưỡng hơn là khi tôi nói trực tiếp” thấp nhất là 3.61.

Điểm trung bình chung về tham gia học tập xếp thứ 2 về đánh giá giá trị trung bình của các yếu tố cho thấy rằng ứng dụng công cụ Flipgrid thực sự đã lôi

kéo được sự tham gia của hầu hết các sinh viên trong lớp học điều mà dạy học trực tiếp khó có thể đạt được. Công cụ này giúp cho sinh viên tự chủ hơn trong việc học tập của mình. Họ có thể tự lên kế hoạch, theo dõi tiến trình tự học một cách thường xuyên. Điều đó giúp họ biết tự định hướng hơn và làm việc chăm chỉ hơn để bắt kịp tốc độ của cả lớp.

- Yếu tố tương tác xã hội

**Bảng 3.10. Yếu tố tương tác xã hội**

	Items	N	Min	Max	Mean	SD
1	Flipgrid đã giúp tôi liên hệ tốt hơn với các sinh viên khác trong lớp.	41	2	5	3.61	0.972
2	Flipgrid đã giúp tôi phát triển sự tự tin trong kỹ năng nói tiếng Anh trước đám đông của mình.	41	2	5	3.29	0.680
3	Flipgrid đã giúp tôi tham gia các hoạt động nói tiếng Anh.	41	2	5	4.02	0.821

Kết quả cho thấy điểm trung bình về yếu tố tương tác xã hội ở mức trung bình, đánh giá từ 3.29 – 4.02. Trong đó, điểm trung bình về items “Flipgrid đã giúp tôi tham gia các hoạt động nói tiếng Anh.” được đánh giá cao nhất 4.02, tiếp đó là điểm trung bình của “Flipgrid đã giúp tôi liên hệ tốt hơn với các sinh viên khác trong lớp.” là 3.61 và điểm trung bình “Flipgrid đã giúp tôi phát triển sự tự tin trong kỹ năng nói tiếng Anh trước đám đông của mình.” đánh giá thấp nhất 3.29.

Điểm trung bình chung về tương tác xã hội xếp cuối cùng cho thấy sinh viên chưa đánh giá cao yếu tố về tương tác xã hội, vì vậy cần có những giải pháp để khắc phục nhằm tăng cao giá trị tương tác xã hội.

- Sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai

**Bảng 3.11. Sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai**

	Items	N	Min	Max	Mean	SD
1	Tôi hy vọng Flipgrid được sử dụng thường xuyên hơn để việc học nói Tiếng Anh vui hơn.	41	3	5	3.93	0.721
2	Tôi hy vọng Flipgrid sẽ cho phép tôi học tiếng Anh nói hiệu quả hơn.	41	2	5	4.02	0.790

Kết quả cho thấy điểm trung bình về việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai ở mức cao, đánh giá tốt từ 3.93 – 4.02. Trong đó, điểm trung bình về yếu tố “Tôi hy vọng Flipgrid sẽ cho phép tôi học tiếng Anh nói hiệu quả hơn.” được đánh giá cao nhất 4.02, điểm trung bình của “Tôi hy vọng Flipgrid được sử dụng thường xuyên hơn để việc học nói Tiếng Anh vui hơn.” thấp nhất là 3.93.

Điểm trung bình chung về việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai xếp cao nhất cho thấy sinh viên nhận thấy việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai rất khả thi và hiệu quả. Vì vậy, ứng dụng cần được mở rộng cũng như cải tiến nhiều hơn để làm tăng sự trải nghiệm cũng như hứng thú với việc học tiếng Anh qua ứng dụng.

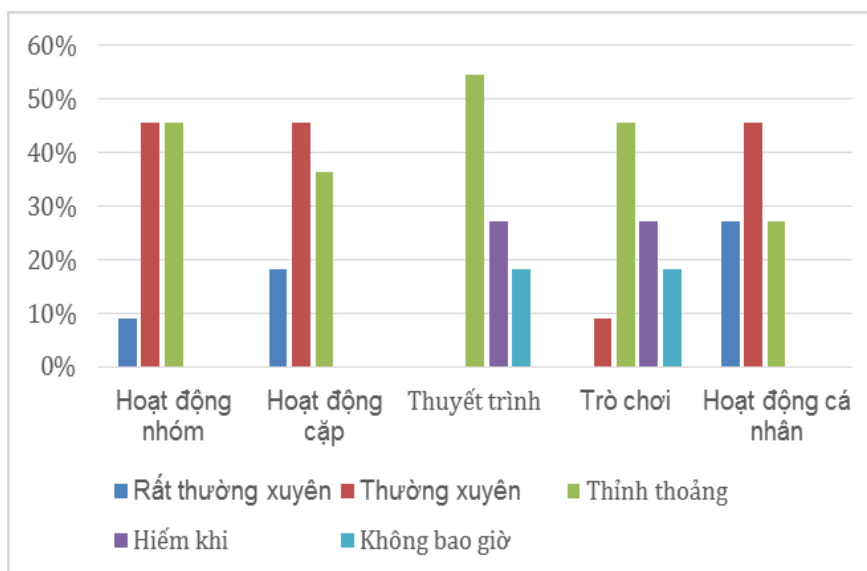
### **3.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỪ PHÍA GIẢNG VIÊN THÔNG QUA PHIẾU KHẢO SÁT**

Để tìm hiểu tình hình dạy và học nói tiếng Anh của giảng viên và sinh viên năm thứ nhất và việc sử dụng phần mềm Flipgrid trong dạy học, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 11 giảng viên thuộc bộ môn tiếng Anh vào giữa học kỳ I năm học 2020 - 2021.

Các câu hỏi từ 1 - 4 tìm hiểu thông tin về lớp học tiếng Anh: số sinh viên trong mỗi lớp học, nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của kỹ năng nói tiếng Anh, khả năng nói của sinh viên trong lớp học. Theo kết quả khảo sát, số sinh viên trong các lớp giảng viên phụ trách thường khá đông (từ 30 – 40 sinh viên), thậm chí có lớp có hơn 40 sinh viên. Điều này làm cho giảng viên khá vất vả trong việc triển khai các hoạt động rèn luyện kỹ năng tiếng cho sinh viên nhất là các hoạt động nói. Tuy rằng nhiều thầy cô (72.7%) coi việc dạy nói quan trọng không kém gì so với các kỹ năng còn lại, thậm chí có một số người (27.3%) còn coi nó quan trọng hơn việc dạy nghe, đọc hay viết, đa số thầy cô (72.7%) đều khẳng định rằng triển khai dạy kỹ năng nói là khó nhất mặc dù họ đều nhận thức được rằng đó là kỹ năng quan trọng trong việc học tiếng Anh. Cũng theo đánh giá của các giảng viên, khả năng nói tiếng Anh của hầu hết sinh viên của họ đang ở mức trung bình (63.6%) và yếu (36.4%), không thầy cô nào đánh giá đa số sinh viên lớp mình nói tiếng Anh khá hay giỏi.

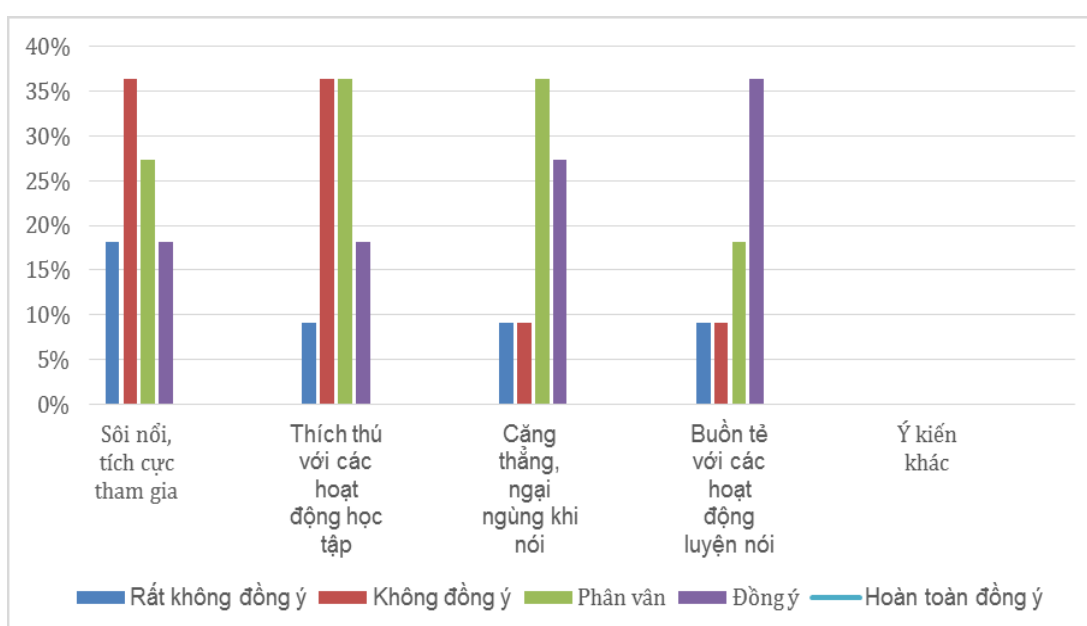
Phần tiếp theo của bảng khảo sát (câu 5, 6) tìm hiểu về tình hình dạy kỹ năng nói trên lớp học, thái độ của sinh viên khi tham gia giờ học nói, các khó khăn của giảng viên và những yếu tố ảnh hưởng đến sinh viên trong giờ dạy nói.

Kết quả khảo sát được thể hiện trong biểu đồ sau đây:



**Biểu đồ 3.10. Thực trạng việc dạy học kỹ năng nói trên lớp**

Theo kết quả khảo sát, các thầy cô thường xuyên tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng nói khá đa dạng như: hoạt động cặp, nhóm, cá nhân, thuyết trình, trò chơi. Tuy nhiên, cũng theo kết quả khảo sát, không có nhiều giảng viên khi được hỏi có ý kiến tích cực về thái độ của sinh viên trong giờ dạy kỹ năng nói. Chỉ có 18.1% số giảng viên nhận thấy sinh viên thích thú với giờ dạy nói và tích cực tham gia vào các hoạt động. Phần còn lại có nhận xét tiêu cực, cho rằng sinh viên cảm thấy căng thẳng, ngại ngùng khi phải nói tiếng Anh và không hào hứng với các hoạt động nói trên lớp.

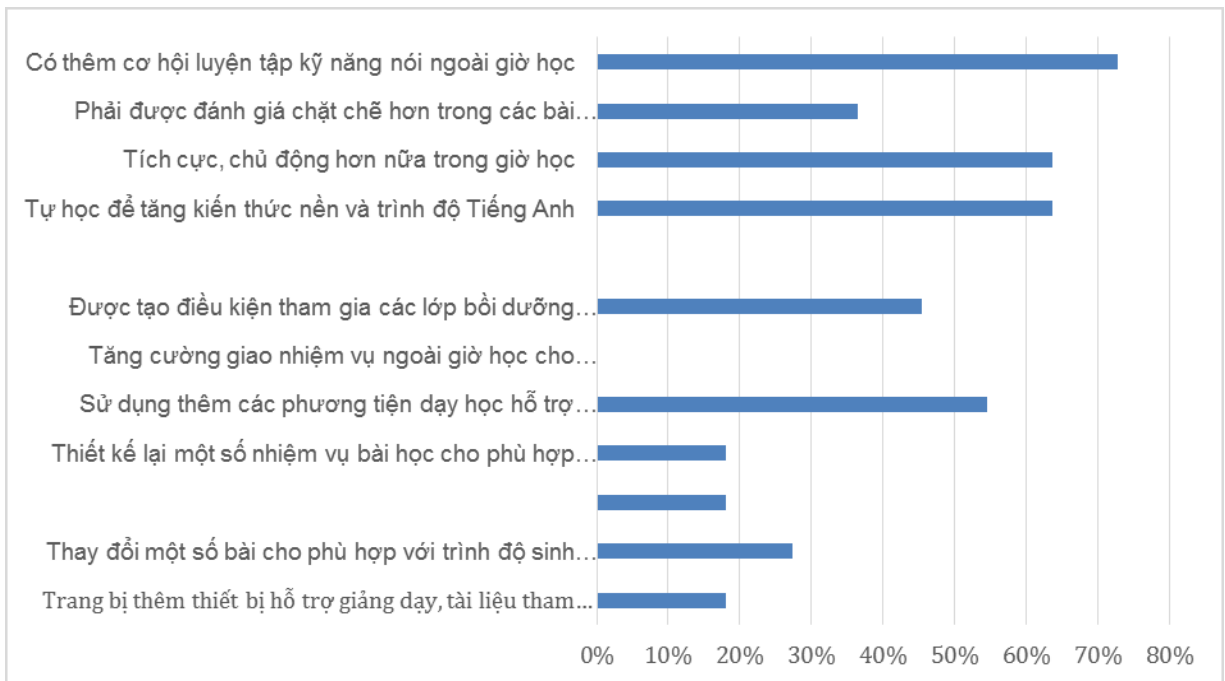


**Biểu đồ 3.11. Biểu hiện của sinh viên trong giờ học nói trên lớp**

Câu hỏi số 7 tìm hiểu về những vấn đề giảng viên gặp phải khi giảng dạy kỹ năng nói. Tất cả các giảng viên đều thừa nhận các khó khăn họ gặp phải là: số sinh viên trong lớp học đông, có ít thời gian luyện tập, thực hành kỹ năng nói trên lớp. Khó khăn thứ hai các giảng viên đề cập đến đó là động lực học của sinh viên thấp (81.8%). Bên cạnh đó, có nhiều giảng viên (72.7%) cũng nhận định kiến thức nền về văn hóa, xã hội của sinh viên còn thấp, 63.6% cho rằng năng lực tiếng Anh của sinh viên còn yếu cũng là một khó khăn trong triển khai các nhiệm vụ học tập với họ. Cũng khá ít giảng viên (27.3%) cho rằng phương pháp giảng dạy chưa hợp lý là vấn đề của họ. Về trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy trên lớp, tất cả các giảng viên tham gia khảo sát đều hài lòng và không chọn việc thiếu trang thiết bị hỗ trợ dạy học là khó khăn họ gặp phải khi giảng dạy trên lớp.

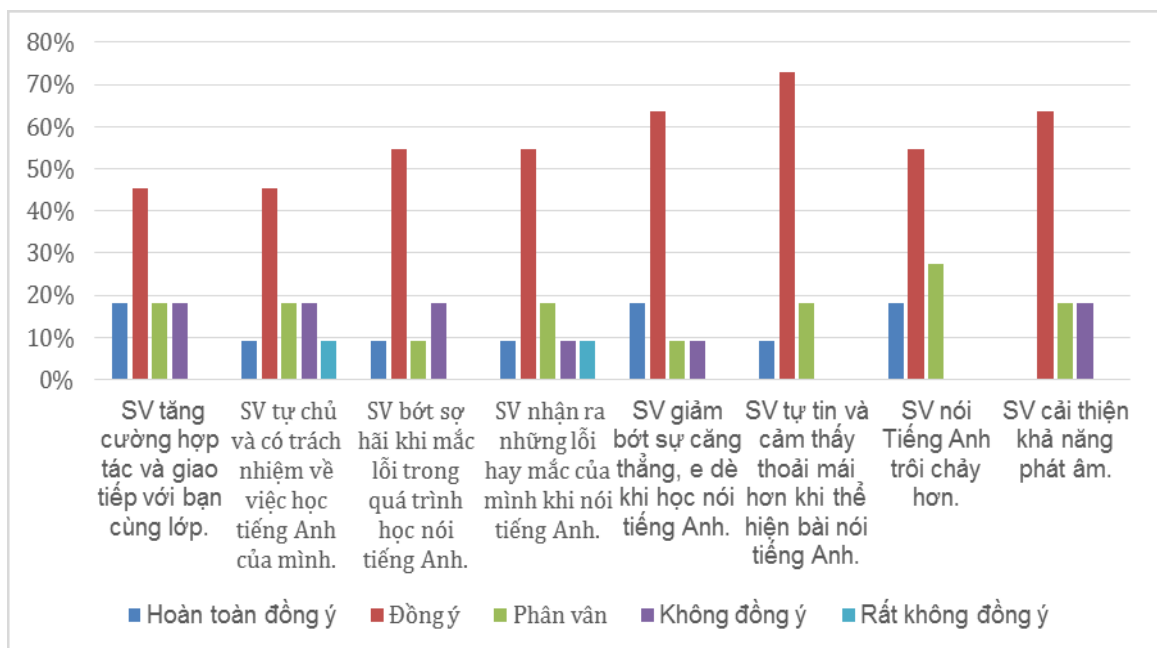
Câu hỏi số 8, 9 khảo sát về các yếu tố: đánh giá nội dung, nhiệm vụ học tập trong giáo trình giảng dạy, trên 60% số giảng viên cho biết nội dung, yêu cầu bài học phần lớn phù hợp với sinh viên, các nhiệm vụ học tập cũng được thiết kế từ dễ đến khó giúp sinh viên học tập dễ dàng. Chỉ có một phần nhỏ người tham gia khảo sát còn nghi ngờ sự phù hợp, đa dạng, tính ưu việt của giáo trình đang được sử dụng.

Khi được hỏi ý kiến của giảng viên về các biện pháp cần thay đổi giúp cho hoạt động dạy nói tốt hơn, các giảng viên đều trăn trở làm thế nào để sinh viên có cơ hội thực hành nói tiếng Anh nhiều hơn, có như vậy, khả năng nói chính xác và trôi chảy của sinh viên mới được cải thiện. Phần lớn giảng viên cho rằng việc bổ sung trang thiết bị và sách tham khảo là không cần thiết vì các phương tiện và tài liệu này đã được trang bị đầy đủ. Về sách giáo trình, chỉ có 27.3% giảng viên đồng ý thay đổi nội dung, thể loại một số bài học cho phù hợp với trình độ sinh viên. Trong khi đó, rất nhiều giảng viên 54.5% đều có ý kiến về việc sử dụng thêm các phương tiện dạy học hỗ trợ học tập nhằm tạo cho sinh viên có thêm cơ hội luyện tập kỹ năng nói ngoài giờ học. Số liệu cụ thể được trình bày ở biểu đồ sau:



**Biểu đồ 3.12: Các yếu tố**

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Hoa Lư. Nhóm nghiên cứu nhận thấy các giảng viên trong bộ môn tiếng Anh đều tích cực cập nhật tìm tòi và ứng dụng nhiều phần mềm, công cụ internet mới vào giảng dạy tiếng Anh như: Microsoft Team, Giảng viên, Kahoot, Quizzes, Hot Potatoes ... Nhóm khảo sát đã thu được ý kiến của các giảng viên đã từng sử dụng Flipgrid trong dạy học tiếng Anh, kết quả thu được thể hiện ở bảng sau đây:



**Biểu đồ 3.13. Lợi ích của Flipgrid**

Kết quả thu được cho thấy: tất cả các giảng viên đều cảm nhận được tính hữu ích của phần mềm trong việc hỗ trợ, tạo cơ hội cho sinh viên học nói nhiều hơn dù chưa làm một cuộc khảo nghiệm nào cụ thể. Họ đều khẳng định rằng: sử dụng Flipgrid giúp người học học tiếng Anh rất hiệu quả. Flipgrid giúp người học tăng cường giao tiếp bằng tiếng Anh; giúp người học tự chủ, có trách nhiệm hơn; giảm bớt sự e dè lo sợ khi nói tiếng Anh; cải thiện sự lưu loát và độ chính xác khi nói. Với sự tiến bộ này, các sinh viên của họ được khuyến khích thực hành nói và có hứng thú hơn với việc rèn kỹ năng nói tiếng Anh.

### **3.3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỪ QUAN SÁT, DỰ GIỜ**

#### **3.3.1. Kết quả từ quan sát giờ dạy, dự giờ**

- **Trước khi áp dụng Flipgrid**

Hầu hết giảng viên đều giảng dạy theo trình tự như sau: Các tiết học bắt đầu với phần khởi động với một số câu hỏi gợi mở hay hoạt động tạo không khí thoải mái cho sinh viên, sau đó giảng viên hướng dẫn từ mới và cấu trúc, tiếp theo là phần giới thiệu và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, sinh viên thực hành và cuối cùng là giảng viên chữa bài.

#### ***Ưu điểm***

Tác phong của giảng viên đều nhanh nhẹn, hoạt bát, thái độ thân thiện, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên phù hợp với việc dạy ngôn ngữ, tạo được tâm lý thoải mái cho sinh viên học tập.

Các bài giảng đều có trình độ chuyên môn tốt và kinh nghiệm giảng dạy nhất định nên đã đảm bảo được kiến thức của giờ dạy. Kiến thức được truyền thụ trong bài chính xác, khoa học.

Các giờ dạy đều có máy chiếu và loa.

Các giảng viên đã sử dụng đa dạng và linh hoạt các hình thức thảo luận trên lớp như: cặp, nhóm... tạo hiệu quả tích cực trong việc tìm hiểu kiến thức.

Ngoài những em có ý thức học tốt ra, vẫn còn một số sinh viên có thái độ học tập chưa tốt: chưa chú ý nghe giảng hoặc phát biểu ý kiến xây dựng bài, còn làm việc riêng trong giờ, giảng viên giao nhiệm vụ còn làm bài đối phó, trông chờ vào bài làm của bạn.

#### ***Nhược điểm***

Thời gian trên lớp ít, lượng kiến thức, kỹ năng giảng viên phải truyền tải nhiều, lớp học lại đông nên không có nhiều thời gian để tổ chức nhiều hoạt động nói ngay trên lớp, không lôi kéo được hết sinh viên tham gia vào các hoạt động. Điều này ảnh hưởng không ít đến hiệu quả của việc dạy và học



Mặc dù nhiều em sinh viên nhiệt tình và cố gắng trong giờ học nhưng do trình độ tiếng Anh còn thấp nên chủ đề khó là một thách thức đối với các em. Nhiều sinh viên trong lớp còn e dè, ngại phát biểu, và chưa tự tin khi thực hành hội thoại, giao tiếp theo yêu cầu của giảng viên đối với các hoạt động giao tiếp thực hành kỹ năng nói. Bên cạnh đó, nhiều em còn đang quen với cách học thụ động chủ yếu ghi chép, chưa được thực hành hội thoại giao tiếp nhiều khi còn học phổ thông nên phần nào còn khá bỡ ngỡ, thiếu tự tin trong phát âm và thực hành giao tiếp ngay với những đoạn hội thoại ngắn.

Đối với các hoạt động nói tự do, sinh viên sinh viên vẫn còn cảm giác lo lắng, xấu hổ, thiếu tự tin khi trình bày, thể hiện quan điểm của mình. Ngoài ra, còn có một số em ỷ lại vào việc làm nhóm, cặp, dựa dẫm vào bạn, không nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của giảng viên.

- **Sau khi ứng dụng công cụ Flipgrid**

Sau khi giảng viên triển khai cho sinh viên áp dụng ứng dụng Flipgrid vào quá trình tự học ngoài giờ lên lớp, giảng viên nhận thấy, các em sinh viên dần tự tin hơn khi phát âm, thực hành đọc các đoạn hội thoại trong giáo trình, và thực hành giao tiếp lưu loát hơn. Hơn nữa, trong bài kiểm tra thường xuyên, giảng viên yêu cầu sinh viên thực hành hội thoại theo nhóm và quay video clip tải lên chủ đề trong Flipgrid do giảng viên lập theo yêu cầu, cũng được các sinh viên hưởng ứng nhiệt tình và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

***Tại lớp không áp dụng Flipgrid***

Không khí lớp học tương đối trầm, sinh viên chưa mạnh dạn, chủ động trong phát biểu và thực hành các đoạn hội thoại và thực hành giao tiếp theo yêu cầu của giảng viên; các em chủ yếu tập trung ghi chép và thực hành làm các bài tập về từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, và nghe; trong khi đó các phần hội thoại, thực hành giao tiếp không mang lại hứng thú cho sinh viên nhiều, các em vẫn còn khá rụt rè và ngại thực hành giao tiếp.

***Tại lớp áp dụng Flipgrid***

Không khí lớp học sôi nổi hơn, sinh viên mạnh dạn trong thực hành giao tiếp, chủ động trong các bài tập thực hành được hoàn thành nhanh chóng khi được yêu cầu làm việc cá nhân, theo cặp hay nhóm, và có thời gian thực kỹ năng nói trên lớp. Hầu hết sinh viên thực hành kỹ năng nói khá tự tin với phát âm rõ ràng, dễ nghe, giao tiếp tương đối trôi chảy, không còn ngập ngừng, e dè như hồi đầu mới nhập học.

Như vậy, ở nhóm thực nghiệm đã có sự thay đổi đôi chút. Các em làm việc cặp nhóm sôi nổi hơn, tự tin diễn đạt ý của mình hơn, nhưng không nhiều. Và trong giờ học nói, giảng viên không còn vất vả nhiều như lúc đầu. Nhìn chung, ở nhóm thực nghiệm mọi hoạt động đều có chiều hướng tốt hơn bên nhóm đối chứng. Tuy không khác biệt quá nhiều nhưng cũng đã có tiến bộ.

### 3.3.2. Quan sát trên Flipgrid

Hàng tuần giảng viên quan sát xem mức độ thường xuyên tham gia và hiệu quả đáp ứng các yêu cầu như thế nào? Từ đó, giảng viên sẽ có những nhắc nhở điều chỉnh cho kịp thời, phù hợp nhất.

Giảng viên cũng ghi lại những ưu điểm, những nhược điểm của từng bài học, từng cá nhân. Ngoài ra, giảng viên cũng sẽ ghi chép lại cả những khó khăn, vướng mắc của mình khi thiết kế bài tập, của sinh viên khi làm các bài tập đó rồi từ đó có thể có những rút kinh nghiệm hoặc có những kết hoạch hiệu quả, phù hợp cho những lần áp dụng sau.

Cuối kỳ giảng viên trích xuất số liệu toàn bộ cả học kỳ. Số liệu trên cho chúng ta nắm được số lượng, phản hồi, bình luận, lượt xem và mức độ tương tác.

## General English 1 - Lớp số 2 (D13&C27)



Nguyen T + 2 1,584 Responses • 38,753 views • 3 Comments • 479.1 hours of engagement

 [You are a co-lead in this Group](#)

### Hình 3.1. Số liệu trên Grid

Theo như hình 3.1 cả kỳ học giảng viên đã thiết lập 62 nhiệm vụ thu về tổng số 1584 phản hồi, 38 753 lượt xem, 3 lượt bình luận và 478.1 giờ học.

Từ số liệu trích xuất từ Flipgrid, từ việc quan sát quá trình thực hiện của sinh viên lớp thực nghiệm trên Flipgrid đã thấy rằng cộng đồng trực tuyến này là một cách học mới, hiệu quả để thu hút sinh viên thể hiện kỹ năng nói của mình. Sự tự tin thể hiện rõ hơn ở những sinh viên có thái độ nhút nhát đầu kỳ học, sau đó họ đã có thể giao tiếp dễ dàng hơn thông qua Flipgrid. Các sinh viên cũng đã cố gắng, nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên giao sau giờ học một cách đầy đủ nhất. Họ cũng đã dần dần tự tin thể hiện tiếng nói của cá nhân mình.

Sau cả quá trình thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy rằng Flipgrid giúp tăng cường tiếng nói sinh viên, tăng cường sự tự tin cho sinh viên. Sinh viên đã tự

chủ hơn trong việc học tập của mình đặc biệt là rèn kỹ năng nói, thấy hứng thú, tích cực và tự tin hơn tham gia các hoạt động nói trên lớp và ngoài lớp học. Ngoài ra, việc sử dụng Flipgrid cho phép người học có thể tự theo dõi sự tiến bộ của họ và phát triển cảm giác hoàn thiện bản thân, giúp người học tự chủ hơn. Sinh viên đã thường xuyên, chủ động hơn trong việc học tập của mình. Họ đã thấy hứng thú và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp cũng như ngoài lớp học. Sinh viên cũng đã có trách nhiệm với việc học tập của mình, có thể lập kế hoạch, tự triển khai kế hoạch tự học ngoài giờ lên lớp và hoàn thành bài đúng thời hạn đặt ra. Nhiều sinh viên đã có thể phần nào tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quá trình học. Ngoài ra sinh viên có kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, khả năng tìm tài liệu, sử dụng các hình thức công nghệ cũng tiến bộ rõ.

Với bản thân giảng viên, nhóm nghiên cứu nhận thấy công việc giảng dạy và quản lý việc tự học kỹ năng nói ở nhà của sinh viên đơn giản mà hiệu quả hơn rất nhiều nhờ việc sử dụng Flipgrid. Giảng viên chỉ cần vào phần xuất dữ liệu để theo dõi việc làm bài của sinh viên và kết quả của họ và lưu lại. Việc này chỉ mất chưa đến 5 phút mỗi ngày. Giảng viên cũng có thể theo dõi sự tiến bộ, nguyện vọng của từng sinh viên qua việc nghe họ chia sẻ mỗi tuần. Từ đó có thể điều chỉnh việc dạy và học kỹ năng nói cho phù hợp. Ngoài ra, Flipgrid hỗ trợ giảng viên quản lý bài học của mình một cách hiệu quả. Giảng viên có thể tìm nơi lưu trữ các bài thực hành nói lâu dài, an toàn, tiện lợi, không tốn kém. Trong hình hình diễn biến dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nếu như trong tình huống phải đối phó linh hoạt với dịch bệnh, có thể chuyển giữa hình thức học trực tiếp sang trực tuyến, hay dạy học từ xa, khẩn cấp thì việc giao bài, tương tác, việc quan sát, đánh giá của giảng viên đối với bài nói của sinh viên cũng được thực hiện một cách dễ dàng và tiết kiệm thời gian, công sức hơn.

Tuy nhiên, sau khi tiến hành thử nghiệm, chúng tôi cũng nhận thấy một số nhược điểm như sau :

- Một số sinh viên chưa tham gia tích cực, đối phó với các hoạt động giảng viên giao. Họ chưa dành thời gian luyện tập trước khi quay bài để nộp cho giảng viên. Đối với các bài nói chủ đề, một số sinh viên còn có hiện tượng lên mạng sao chép bài mẫu và đọc y nguyên bài tìm được.

- Ở một số khu vực trong trường đặc biệt là khi ký túc xá tốc độ mạng kém ảnh hưởng tới quá trình tự học của sinh viên.

### **3.4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG CỤ FLIPGRID**

Để việc sử dụng Flipgrid vào giảng dạy được hiệu quả, nhóm nghiên cứu đưa ra một số giải pháp sau đây:

- Kỹ năng nói nên được coi là một trong những kỹ năng quan trọng trong các học phần tiếng Anh và Flipgrid là một công cụ hỗ trợ hữu ích để sinh viên tự tin và tích cực rèn kỹ năng nói tiếng Anh.

- Giảng viên cần có kế hoạch cụ thể cho việc áp dụng Flipgrid vào việc rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên của mình đạt hiệu quả cao mà không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan khác như thời gian trên lớp ít, lớp học đông, hứng thú học tập của sinh viên thấp, cơ sở vật chất chưa hiện đại. Chẳng hạn, giảng viên nên xem xét nhu cầu và sở thích của sinh viên trước khi thiết kế hoạt động nói. Từ đó, giảng viên biến đổi các hoạt động và sử dụng các hoạt động giao tiếp trong quá trình dạy và học nói để làm giảm sự nhàm chán và đơn điệu của quá trình dạy và học.

- Để sử dụng công cụ Flipgrid một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, các giảng viên đặc biệt là giảng viên dạy tiếng Anh và giảng viên dạy tiếng Việt cho sinh viên Lào nên được tập huấn một cách bài bản.

- Có thể mở rộng quy mô ứng dụng Flipgrid vào giảng dạy (ví dụ giữa lớp –lớp, khóa trên - khóa dưới và với sinh viên trường cao đẳng, đại học khác).

- Giảng viên nên kết hợp đa dạng hơn nữa các hình thức bài thực hành nói (nhóm, thuyết trình...) và cách thức, tạo thêm cơ hội cho sinh viên có thể thực hành nhiều hơn. Đối với sinh viên khả năng ngôn ngữ kém, giảng viên nên cung cấp thêm những nguồn tài liệu tham khảo phù hợp với họ.

- Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên đánh giá, nhận xét về bài làm của nhau (peer-assess)

- Sinh viên nhóm thực nghiệm nên tuyên truyền giới thiệu tầm quan trọng của kỹ năng nói tiếng Anh, ứng dụng phần mềm Flipgrid để các sinh viên khác được biết và tham gia đặc biệt là sinh viên khóa mới.

- Cuối cùng, Flipgrid nên được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không nên sử dụng Flipgrid thay thế hoàn toàn cho các bài học trực tiếp trên lớp do giảng viên hướng dẫn, cũng như không nên sử dụng Flipgrid như một nền tảng duy nhất hỗ trợ duy nhất để thúc đẩy quá trình phát triển kỹ năng nói tiếng Anh trong bối cảnh công nghệ kỹ thuật số như hiện nay.

## **PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Trên đây chỉ là một nghiên cứu ở phạm vi nhỏ, trong thời gian ngắn. Tuy nhiên dựa vào kết quả, chúng tôi có thể kết luận rằng việc ứng dụng Flipgrid trong giảng dạy tiếng Anh có ảnh hưởng rất tích cực đến quá trình luyện nói của sinh viên. Sinh viên đã tự chủ hơn trong việc học tập của mình đặc biệt là rèn kỹ năng nói, thấy hứng thú, tích cực và tự tin hơn tham gia các hoạt động nói trên lớp và ngoài lớp học. Giảng viên có thể nắm được tình hình luyện tập và sự tiến bộ của sinh viên dễ dàng và kịp thời điều chỉnh việc dạy học cũng như giao các yêu cầu hay bài luyện tập cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc quan sát, đánh giá của giảng viên cũng được thực hiện một cách dễ dàng và tiết kiệm thời gian, công sức. Mặc dù không thể tránh khỏi một số nhược điểm nhưng công cụ Flipgrid vẫn nên được nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và luyện kỹ năng nói nói riêng. Do đó, nên tiếp tục duy trì mô hình giảng dạy và từng bước cải thiện.

### **2. Kiến nghị**

#### **Khoa, bộ môn**

- Flipgrid có thể được ứng dụng ở các học phần khác đặc biệt là các học phần chuyên ngành.
- Xây dựng hình thức khen thưởng động viên khuyến khích cho sinh viên tăng hứng thú học tập (tặng huy hiệu trực tuyến, cộng thêm điểm ý thức học tập)
- Tổ chức semina bộ môn để trình bày, công bố và hướng dẫn cho giảng viên, sinh viên tham khảo và áp dụng trong thực tế dạy và học của mình

#### **Nhà trường**

- Nhà trường nâng cấp nền tảng công nghệ trong nhà trường như máy tính có gắn camera, cải tạo phòng học tiếng, hệ thống mạng wifi để sinh viên có nền tảng mạng tốt để có thể học mọi lúc, mọi nơi.
- Nhà trường nên ứng dụng Flipgrid cho sinh viên Lào học tiếng Việt.

**CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN  
QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI**

Nguyễn Thị Miên (2019), “Áp dụng Flipgrid vào phát triển kỹ năng nói cho sinh viên trường Đại học Hoa Lư”, *Kỷ yếu hội thảo Đại học Hoa Lư 11/2019*, (43).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1/ Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Huệ (2018), “Nghiên cứu việc ứng dụng phần mềm Hot Potatoes trong dạy và học kỹ năng nghe thuộc học phần tiếng Anh 3 cho sinh viên khóa D10 tại Trường Đại học Hoa Lư.”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*, trường Đại học Hoa Lư.
2. Nguyễn Thị Liên (2016), “Sử dụng phần mềm Wise.vn để thiết kế khoá học cho học phần Tiếng Anh thương mại căn bản 1”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*, trường Đại học Hoa Lư.

### 2/ Tiếng nước ngoài

3. Brown, H. Douglas (1994), “Principles of Language Learning and Teaching”, Third Edition, *Englewood Cliffs*, Prentice Hall Regent, San Francisco State University.
4. Brown, H. Douglas (2004), “Language assessment, practices and classroom practices”, *Person Education Inc*, New York.
5. Charlie Miller (2016), “Our Microsoft Partnership”, Retrieved from: <https://blog.Flipgrid.com/news/2016/11/16our-microsoft-partnership> (Assessed October 15<sup>th</sup> 2020).
6. Dieu, Nguyen Thi Thanh & Ha, Nguyen Thi Hai (2019), “Incorporating Flipgrid into teaching Pronunciation 2 at Ba Ria-Vung Tau College of Education”, Retrieved from: <https://convention.viettesol.org/index.php/VIC/VIC2019/paper/view/399> (Assess October 22<sup>nd</sup> 2020)
7. Difilippantonio-Pen, A. (2020). “Flipgrid and Second Language Acquisition Using Flipgrid to Promote Speaking Skills for English Language Learners”, *BSU Master’s Theses and Project*, Bridgewater State University. Retrieved from: <https://vc.bridgew.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1075&context=theses> (Assessed October 18<sup>th</sup> 2020)
8. Florez, M. C. (1999), “Improving adult English language learners' speaking skills”, *Eric Digest*, National Center for ESL Literacy Education.
9. Gower, R., Phillips, D., & Walters, S. (1995), “Teaching practice handbook”, *MacMillan Education*, Oxford.
10. Hiệp hội quốc tế TESOL (2019), “Four benefits of Flipgrid video recording”, Retrieved from: <http://blog.tesol.org/on-teaching-speaking-4-benefits-of-Flipgrid-video-recording/> (Assessed October 21<sup>st</sup> 2020).

11. Johnson, M., & Skarphol, M. (2018), “The Effects of Digital Portfolios and Flipgrid on Student Engagement and Communication in a Connected Learning Secondary Visual Arts Classroom”, *Action research project*, St.Catherine University.
12. John Stoszowski (2018), “Using Flipgrid to develop social learning “, Retrieved from: <https://www.researchgate.net/publication/329711298> (Assessed October 19th, 2020).
13. Michael J Shehane (2015), “5 Strategies for Using Flipgrid in the Language Learning Classroom”, Retrieved from <https://www.linkedin.com/pulse/5-strategies-using-Flipgrid-language-learning-michael-j-shehane> (Assessed October 21<sup>st</sup> 2020).
14. Miler, C (2016), ‘Our Microsoft Partnership’ blog, 16 November,” <https://blog.Flipgrid.com/news/2016/11/16our-microsoft-partnership> (Assessed November 9th , 2020).
15. Seliger, W. & Shohamy, E. (1989). “Vocabulary: Description, acquisition and pedagogy”, *Cambridge University Press*, Cambride.
16. Tuyet, Tran Thi Bach & Khang, Nguyen Duy (2020), “The influences of the Flipgrid app on Vietnamese EFL high school learners’ speaking anxiety.” *European journal of foreign language teaching. Volume 5. Issue 1.*
17. Ur, P. (1996), “A course in language teaching”, *Cambridge University Press*, Cambride.
18. Wilga M. Rivers (1987), “Interactive Language Teaching”, *Cambridge University Press*, Cambride.
19. [http://bit.ly/Flipgrid\\_ebook3](http://bit.ly/Flipgrid_ebook3) (Assessed October 15th 2020).



## PHỤ LỤC PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho giảng viên bộ môn Tiếng Anh – trường ĐH Hoa Lư)

Phiếu khảo sát này được thiết kế để phục vụ đề tài “Ứng dụng công cụ Flipgrid để tăng cường khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư”. Câu trả lời của các thầy (cô) sẽ là đóng góp lớn đối với nghiên cứu này. Các số liệu và thông tin các thầy/cô đưa ra được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra không vì bất cứ mục đích nào khác. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các thầy/cô!

### Phần A. Thông tin cá nhân

1. Giới tính:                      Nam     Nữ
2. Tuổi: .....
3. Các học phần giảng dạy: .....
4. Số năm dạy tiếng Anh: ..... năm

### Phần B. Nội dung khảo sát

**Thầy (cô) hãy đánh dấu (✓) vào những câu trả lời phù hợp cho những câu hỏi sau hoặc vào ô mà thầy (cô) lựa chọn:**

1. Lớp học tiếng Anh của thầy/cô dạy thường có sĩ số là bao nhiêu?  
 Dưới 20 sinh viên     Từ 20 - dưới 30 sinh viên  
 Từ 30 - dưới 40 sinh viên     Trên 40 sinh viên
2. Khi học tiếng Anh, kỹ năng nào là khó nhất đối với sinh viên của thầy/cô?  
 Nghe                       Nói                       Đọc                       Viết
3. Khả năng nói tiếng Anh của đa số sinh viên lớp thầy/cô dạy hiện tại đang ở mức nào?  
 yếu                       trung bình                       khá                       tốt
4. Theo quan điểm của thầy / cô, kỹ năng nói tiếng Anh có tầm quan trọng như thế nào so với các 3 kỹ năng nghe, đọc, viết?  
 quan trọng hơn     quan trọng như nhau     không quan trọng bằng
5. Thầy/cô thường tổ chức các hoạt động nói trong giờ học như thế nào?

	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Hoạt động nhóm					
Hoạt động cặp					
Thuyết trình					
Trò chơi					
Hoạt động cá nhân					

6. Đối với các hoạt động trong giờ học kỹ năng nói, sinh viên ở lớp thầy/ cô biểu hiện như thế nào?

Nhận định	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Sôi nổi, tích cực tham gia					
Thích thú với các hoạt động học tập					
Căng thẳng, ngại ngùng khi nói					
Buồn tẻ với các hoạt động luyện nói					
Ý kiến khác: .....					

7. Những vấn đề thầy /cô gặp phải khi dạy kỹ năng nói trên lớp là: (Thầy cô có thể có nhiều lựa chọn)

- Thiếu trang thiết bị hỗ trợ dạy học
- Lớp học đông sinh viên
- Thiếu thời gian luyện tập, thực hành
- Sinh viên thiếu kiến thức nền về văn hóa, xã hội nước ngoài
- Năng lực tiếng Anh của sinh viên yếu
- Động lực học của sinh viên thấp
- Phương pháp dạy nói còn chưa hợp lý

Ý kiến khác: .....

8. Thầy (cô) đánh giá như thế nào về nội dung phần luyện kỹ năng nói trong sách giáo trình?

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý
Nội dung bài học phù hợp với sinh viên				
Nội dung bài học khó, chưa phù hợp với sinh viên				
Yêu cầu của bài phù hợp với trình độ của sinh viên				
Các nhiệm vụ học tập được thiết kế từ dễ tới khó				
Các hoạt động thiết kế đa dạng, phù hợp với sinh viên				
Ý kiến khác: .....				

9. Theo thầy (cô), nên có thay đổi gì để sinh viên học kỹ năng nói tốt hơn?

		Đồng ý	Không đồng ý
Trang thiết bị, tài liệu tham khảo	Tăng cường thiết bị hỗ trợ dạy học.		
	Bổ sung tài liệu tham khảo		
Sách giáo trình	Thay đổi nội dung, thể loại một số bài cho phù hợp với trình độ sinh viên		
	Tăng số giờ học nói trên lớp để sinh viên có thêm thời gian luyện tập, thực hành		
Giảng viên	Thiết kế lại một số nhiệm vụ bài học cho phù hợp với trình độ sinh viên		
	Sử dụng thêm các phương tiện dạy học hỗ trợ học tập ngoài giờ		
	Tăng cường giao nhiệm vụ ngoài giờ học cho sinh viên		
	Được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng giảng viên, các hội thảo để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy.		
Sinh viên	Tự học để tăng kiến thức nền và trình độ Tiếng Anh		
	Tích cực, chủ động hơn nữa trong giờ học		
	Phải được đánh giá chặt chẽ hơn trong các bài kiểm tra và các kì thi		
	Có thêm cơ hội luyện tập kỹ năng nói ngoài giờ học		

10. Thầy (cô) đã sử dụng phần mềm Flippgrid trong giảng dạy kỹ năng nói bao giờ chưa?

- Đã từng sử dụng  Chưa bao giờ sử dụng

11. Nếu thầy (cô) đã sử dụng phần mềm Flippgrid trong giảng dạy kỹ năng nói, thầy (cô) có ý kiến như thế nào đối với các nhận định sau đây về việc ứng dụng phần mềm này trong việc giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh?

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1. Sử dụng Flipgrid khi luyện nói tiếng Anh đã giúp người học tăng cường hợp tác và giao tiếp với bạn cùng lớp.					
2. Flipgrid giúp người học tự chủ và có trách nhiệm về việc học tiếng Anh của mình.					
3. Sử dụng Flipgrid giúp người học bớt sợ hãi khi mắc lỗi trong quá trình học nói tiếng Anh.					
4. Sử dụng Flipgrid giúp người học nhận ra những lỗi hay mắc của mình khi nói tiếng Anh.					
5. Flipgrid giúp người học giảm bớt sự căng thẳng, e dè khi học nói tiếng Anh					
6. Sử dụng Flipgrid đã giúp người học trở nên tự tin và cảm thấy thoải mái hơn khi thể hiện bài nói tiếng Anh.					
7. Flipgrid giúp người học nói Tiếng Anh trôi chảy hơn.					
8. Flipgrid giúp người học cải thiện khả năng phát âm.					

*Xin chân thành cảm ơn quý thầy/cô!*

## PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho sinh viên cả 2 nhóm)

Phiếu khảo sát này được thiết kế để phục vụ đề tài “Ứng dụng công cụ Flipgrid để tăng cường khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư”. Câu trả lời của các em sẽ là đóng góp lớn đối với nghiên cứu này. Các số liệu và thông tin các em đưa ra được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra không vì bất cứ mục đích nào khác. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

### Phần A: Thông tin cá nhân

1. Giới tính:            Nam                             Nữ
2. Tuổi: .....
3. Lớp: .....
4. Số năm học tiếng Anh: ..... năm

### Phần B. Nội dung khảo sát

1. Lớp học tiếng Anh của bạn thường có sĩ số là bao nhiêu?  
.....
2. Khi học tiếng Anh, kỹ năng nào là khó nhất đối với bạn?  
A. nghe                            B. Nói                            C. Đọc                            D. Viết
3. Khả năng nói tiếng Anh của bạn hiện tại đang ở mức nào?  
A. không nói được    B. yếu                            C. Trung bình                            D. khá                            E. Tốt
4. Thời gian phân bố trên lớp học

(Em hãy tích (✓) vào ô mà em lựa chọn)

	Rất thường xuyên	thường xuyên	thỉnh thoảng	Không bao giờ
giải thích ngữ pháp và làm bài tập				
dịch và học từ				
kỹ năng nghe				
Kỹ năng nói				
Kỹ năng viết				

5. Giáo viên có thường tổ chức các hoạt động nói trong giờ không?  
(Em hãy tích (✓) vào ô mà em lựa chọn)

	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Hoạt động nhóm				
Hoạt động cặp				
Thuyết trình				
Trò chơi				
Hoạt động cá nhân				

6. Bạn có thường xuyên tham gia các hoạt động nói trên lớp không
- |                     |                  |
|---------------------|------------------|
| A. Rất thường xuyên | C. Thỉnh thoảng  |
| B. Thường xuyên     | D. Không bao giờ |

**KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT**  
(Dành cho sinh viên cả 2 nhóm)

**Phần B. Nội dung khảo sát**

1. Lớp học tiếng Anh của bạn thường có sĩ số là bao nhiêu?

Câu hỏi	Ý kiến	Lựa chọn và tỉ lệ
2. Khi học tiếng Anh, kỹ năng nào là khó nhất đối với bạn?	A. Nghe	25 (31.6%)
	B. Nói	32 (40.5 %)
	C. Đọc	6 (7.6%)
	D. Viết	16 (20.3%)
3. Khả năng nói tiếng Anh của bạn hiện tại đang ở mức nào?	A. Không nói được	0 (0%)
	B. Yếu	23 (29.1%)
	C. Trung bình	43 (54.4%)
	D. Khá	11 (14%)
	E. Tốt	2 (2.5%)
4. Thời gian phân bố trên lớp học		
4.1. Giải thích ngữ pháp	Rất thường xuyên	18 (22.8%)
	Thường xuyên	55 (69.6%)
	Thỉnh thoảng	6 (7.6%)
	Không bao giờ	0 (0%)
4.2 Dịch và đọc từ	Rất thường xuyên	13 (16.5%)
	Thường xuyên	59 (74.6%)
	Thỉnh thoảng	7 (8.9%)
	Không bao giờ	0 (0%)
4.3. Kỹ năng nghe	Rất thường xuyên	7 (8.9%)
	Thường xuyên	10 (12.7%)
	Thỉnh thoảng	50 (63.3%)
	Không bao giờ	12 (15.1%)
4.4. Kỹ năng nói	Rất thường xuyên	7 (8.9%)

	Thường xuyên	13 (16.5%)
	Thỉnh thoảng	45 (56.9%)
	Không bao giờ	14 (17.7%)
4.5. Kỹ năng đọc	Rất thường xuyên	12 (15.2%)
	Thường xuyên	56 (70.9%)
	Thỉnh thoảng	11 (13.9%)
	Không bao giờ	0 (0%)
4.6. Kỹ năng viết	Rất thường xuyên	5 (6.3%)
	Thường xuyên	53 (67.1%)
	Thỉnh thoảng	21 (26.6%)
	Không bao giờ	0 (0%)
4. Giáo viên có thường tổ chức các hoạt động nói trong giờ không?		
5.1. Hoạt động nhóm	Rất thường xuyên	4 (5.1%)
	Thường xuyên	42 (53.2%)
	Thỉnh thoảng	22 (27.8%)
	Không bao giờ	11 (13.9%)
5.2. Hoạt động cặp	Rất thường xuyên	11 (13.9%)
	Thường xuyên	51 (64.6%)
	Thỉnh thoảng	14 (17.7%)
	Không bao giờ	3 (3.8%)
5.3. Hoạt động thuyết trình	Rất thường xuyên	2 (2.5%)
	Thường xuyên	5 (6.3%)
	Thỉnh thoảng	63 (79.8%)
	Không bao giờ	9 (11.8%)
5.4. Trò chơi	Rất thường xuyên	4 (5.1%)
	Thường xuyên	5 (6.3%)



	Thỉnh thoảng	54 (68.4%)
	Không bao giờ	16 (20.2%)
5.5 Hoạt động cá nhân	Rất thường xuyên	29 (36.7%)
	Thường xuyên	44 (55.7%)
	Thỉnh thoảng	6 (7.6%)
	Không bao giờ	0 (0%)
6. Bạn có thường xuyên tham gia các hoạt động nói trên lớp không	Rất thường xuyên	5 (6.3%)
	Thường xuyên	9 (11.4%)
	Thỉnh thoảng	47 (59.5%)
	Không bao giờ	18 (22.8%)

# PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho sinh viên nhóm thực nghiệm)

Phiếu khảo sát này được thiết kế để phục vụ đề tài “Ứng dụng công cụ Flipgrid để tăng cường khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư”. Câu trả lời của các em sẽ là đóng góp lớn đối với nghiên cứu này. Các số liệu và thông tin các em đưa ra được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra không vì bất cứ mục đích nào khác. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

## Phần A. Thông tin cá nhân

1. Giới tính:                      Nam     Nữ
2. Tuổi: .....
3. Lớp: .....
4. Số năm học tiếng Anh: ..... năm

## Phần B. Nội dung khảo sát

### Ảnh hưởng của Flipgrid đối với việc học nói tiếng Anh

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1. Flipgrid dễ sử dụng					
2. Flipgrid đã giúp tôi học tập tốt hơn trong học phần này					
3. Tôi thích sử dụng flipgrid trong việc học học phần Tiếng Anh 1.					
4. Flipgrid đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ trong học phần này.					
5. Tôi thích xem các video của bạn cùng lớp					

### Đối với kỹ năng nói Tiếng Anh

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn hoàn không đồng ý
6. Flipgrid giúp tôi phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.					
7. Ghi âm giọng nói đã giúp tôi phát triển kỹ năng nói Tiếng Anh của mình					
8. Flipgrid đã giúp tôi phát triển cách phát âm tiếng Tiếng Anh.					
9. Việc lắng nghe Flipgrid s của các sinh viên khác đã giúp tôi học Tiếng Anh.					
10. Nghe lại bản ghi âm của chính mình đã giúp tôi học nói tiếng Anh tốt hơn.					
11. Phần hướng dẫn của giảng viên đối với các Grid cũng giúp ích cho tôi khi học nói Tiếng Anh.					
12. Sử dụng fligrid cũng giúp tôi phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh.					

### Tham gia học tập

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn hoàn không đồng ý
13. Tôi thực hành bài tập nói của mình nhiều lần trước khi ghi âm trên Flipgrid.					
14. Tôi đã thực hành Flipgrid của mình trước khi ghi lại					
15. Các bản ghi âm của tôi trên Flipgrid được cân nhắc kỹ lưỡng hơn là khi tôi nói trực tiếp					

### Tương tác xã hội

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn hoàn không đồng ý
16. Flipgrid đã giúp tôi liên hệ tốt hơn với các sinh viên khác trong lớp.					
17. Flipgrid đã giúp tôi phát triển sự tự tin trong kỹ năng nói tiếng Anh trước đám đông của mình.					
18. Flipgrid đã giúp tôi tham gia các hoạt động nói tiếng Anh.					

### Về việc sử dụng Flipgrid trong việc học nói tiếng Anh trong tương lai

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không có ý kiến	Không đồng ý	Hoàn hoàn không đồng ý
19. Tôi hy vọng Flipgrid được sử dụng thường xuyên hơn để việc học nói Tiếng Anh vui hơn.					
20. Tôi hy vọng Flipgrid sẽ cho phép tôi học tiếng Anh nói hiệu quả hơn.					

**KẾT QUẢ PHIẾU KHẢO SÁT**  
(Dành cho sinh viên nhóm thực nghiệm)

STT	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16	Câu 17	Câu 18	Câu 19	Câu 20
TN1	4	3	2	4	5	2	2	3	3	3	5	2	2	3	2	4	2	4	4	4
TN2	5	4	4	3	5	4	4	2	4	3	3	5	3	4	3	3	3	3	3	3
TN3	4	4	5	4	4	3	5	3	5	5	5	4	5	5	5	5	3	5	4	5
TN4	4	2	2	3	2	3	4	3	4	2	3	3	4	4	4	3	4	4	4	4
TN5	5	5	2	3	5	3	4	2	4	3	3	2	5	4	3	2	3	2	4	2
TN6	5	2	5	5	4	5	4	5	4	4	5	4	4	4	4	4	3	4	4	5
TN7	4	3	4	4	3	4	4	4	3	3	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3
TN8	4	3	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	4
TN9	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
TN10	4	5	1	4	4	4	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	5	4	3
TN11	5	4	4	2	2	4	5	4	4	3	5	3	5	4	3	2	4	5	4	5
TN12	5	3	4	3	2	3	5	3	3	2	4	4	5	4	4	3	3	4	5	5
TN13	4	4	5	3	4	4	3	5	3	4	4	4	3	3	3	4	3	3	3	4
TN14	4	5	4	4	4	2	4	2	2	2	5	2	3	3	3	2	3	4	5	5
TN15	4	3	5	4	4	3	4	3	3	5	4	3	4	4	5	5	4	5	4	4
TN16	5	3	4	5	4	5	5	5	5	5	4	5	5	5	4	5	3	5	5	5
TN17	4	4	4	3	4	4	5	4	4	4	3	4	5	5	4	5	3	4	4	4
TN18	4	3	3	3	3	3	3	5	3	3	4	4	3	5	5	3	3	4	3	4
TN19	4	2	2	3	2	3	3	3	2	3	3	3	5	4	4	4	4	3	4	4

TN20	5	3	4	4	3	4	4	4	3	3	5	4	4	4	3	4	4	4	4	4
TN21	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5
TN22	4	4	2	2	3	3	1	2	3	3	2	2	2	4	4	3	3	3	3	3
TN23	5	4	5	5	4	4	3	5	3	4	4	5	3	3	3	4	4	4	4	4
TN24	4	4	2	2	3	3	1	2	3	3	2	2	2	4	4	3	3	3	3	3
TN25	5	4	5	5	3	4	5	4	5	4	5	4	5	5	4	5	4	5	5	5
TN26	4	4	5	5	4	3	3	4	2	5	5	3	4	4	3	5	3	5	4	5
TN27	4	3	3	4	4	3	3	4	3	2	4	3	4	5	4	3	2	3	3	3
TN28	5	5	4	4	4	5	4	5	5	5	4	5	4	5	4	4	4	5	5	4
TN29	5	3	5	5	4	4	5	5	3	4	5	5	5	3	4	4	4	5	4	5
TN30	5	5	5	3	5	5	3	4	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	4	4
TN31	4	4	4	4	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	3	3	3	3	3	3
TN32	5	5	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3
TN33	5	3	5	5	4	4	5	5	3	4	5	5	5	4	3	2	3	5	5	5
TN34	4	3	2	4	4	3	4	4	3	3	4	4	4	4	3	3	3	5	3	4
TN35	4	3	1	4	4	5	4	4	4	3	4	5	2	2	2	4	3	4	4	4
TN36	4	3	4	4	4	4	5	3	4	3	5	4	5	5	5	4	3	4	5	5
TN37	5	4	4	5	3	3	5	3	4	3	5	4	5	4	3	3	3	4	4	4
TN38	5	3	4	4	3	4	3	4	3	3	4	3	4	4	4	3	3	3	3	4
TN39	5	4	3	3	4	4	4	4	4	4	3	5	3	5	3	5	5	4	4	3
TN40	4	3	2	4	3	4	4	4	3	3	4	4	3	4	3	2	3	4	5	4
TN41	4	4	4	4	4	2	3	4	3	4	4	4	3	3	3	3	2	4	4	4

# BÀI KIỂM TRA NÓI TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khoa Ngoại Ngữ - Tin học

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## SPEAKING TEST 1

**Part 1: Introduction.** Introduce yourself

**Part 2: Conversation.** Read aloud the conversation

**Brian:** So, where do you live?

**Stacy:** Well, I'm from New York, but I live in Chicago.

**Brian:** Interesting. And what do you do?

**Stacy:** I'm an English teacher. What about you?

**Brian:** I'm a doctor. I work in a hospital in Seattle.

**Stacy:** Really? My sister lives in Seattle.

**Brian:** What does she do?

**Stacy:** She's a singer.

**Brian:** What's her name?

**Stacy:** Suzy Davis.

**Brian:** Suzy? I know her!

**Stacy:** Really? Small world!

**Part 3: Topic**

Talk about a member in your family or your friend.

**Suggestions:**

- Who is she/he?
- What does he/she do?
- How long have you known her/him?
- What does he/she look like?
- What is he/she like?
- Do you love him/her?
- Why/why not?

**Part 4: Discussion.** Discuss with the examiners

## SPEAKING TEST 2

**Part 1: Introduction.** Introduce yourself

**Part 2: Conversation.** Read aloud the conversation

**Brad:** Clare, you're in great shape. What do you do to keep fit?

**Clare:** I go swimming, or I do yoga.

**Brad:** How often do you do that?

**Clare:** Every morning. I love it.

**Brad:** Wow! How often do you go to the gym?

**Clare:** Ugh! I never go to the gym. I hate it. It's too crowded.

**Brad:** I see.

**Clare:** And what about you? What do you do to keep fit?

**Brad:** I usually go to the gym after work, and I play tennis about twice a week.

**Part 3: Topic**

Talk about your last holiday.

**Suggestions:**

- Where and how did you go?
- When did you go?
- Who did you go with?
- What did you do? (drink, eat, buy, go sightseeing ...)
- How was the weather like?
- Did you enjoy it? Why (not)?

**Part 4: Discussion.** Discuss with the examiners



## SPEAKING TEST 3

**Part 1: Introduction.** Introduce yourself

**Part 2: Conversation.** Read aloud the conversation

**Kelly:** Hello?

**Emily:** Hey, Kelly! It's Emily. What are you doing?

**Kelly:** I'm studying. What are you doing?

**Emily:** I'm studying, too. What are you studying?

**Kelly:** English. How about you?

**Emily:** I'm reading a book about China.

**Kelly:** That's nice. Actually, I'm not studying.

**Emily:** Yeah, me either. I'm watching a movie.

**Kelly:** Me, too! What are you watching?

**Emily:** I'm watching Harry Potter.

**Kelly:** No way! Me too!

**Part 3: Topic**

Talk about your hometown.

**Suggestions:**

- + Where is it?
- + What are there?
- + How are the people?
- + How about the weather?
- + Why do you love your hometown?

**Part 4: Discussion.** Discuss with the examiners

## SPEAKING TEST 4

**Part 1: Introduction.** Introduce yourself

**Part 2: Conversation.** Read aloud the conversation

**Teacher:** Good morning, Marco.

**Marco:** Good morning. Sorry I'm late. My watch was broken.

**Teacher:** Was it broken yesterday, too?

**Marco:** Yesterday?

**Teacher:** Remember, you were also late yesterday!

**Marco:** Oh, no. I was late yesterday because the bus was crowded.

**Teacher:** Interesting. And you weren't here last week. How come?

**Marco:** I was sick.

**Teacher:** I see. And you have your homework?

**Marco:** Homework?

**Part 3: Topic**

Talk about your free time activities.

**Suggestions:**

- ✚ What are your free time activities?
- ✚ Who do you do with?
- ✚ Where / When do you do?
- ✚ How often do you do?
- ✚ Why do you do these?

**Part 4: Discussion.** Discuss with the examiner

## SPEAKING TEST 5

**Part 1: Introduction.** Introduce yourself

**Part 2: Conversation.** Read aloud the conversation

**Kelly:** What are you looking for?

**Emily:** I need a pair of shoes, but first I need a new shirt.

**Kelly:** OK. What about these two? Which one do you prefer?

**Emily:** Which one is more expensive?

**Kelly:** The black one.

**Emily:** How much is it?

**Kelly:** Wow! It's \$150.

**Emily:** Hmm. What about the red one?

**Kelly:** It's \$39.00.

**Emily:** I think the black one is cooler than the red one.

**Kelly:** Yeah. But the red one is cheaper.

**Emily:** I'm not surprised!

**Part 3: Topic**

Talk about your way to keep fit.

**Suggestions:**

- What do you do to keep fit?
- How often do you do that?
- Where do you do that?
- Who do you do that with?
- How do you feel about that?

**Part 4: Discussion.** Discuss with the examiners

## HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA KỸ NĂNG NÓI

### 1. Quy trình thi nói:

- Sinh viên vào phòng làm thủ tục kiểm tra
- Sinh viên bốc thăm đề kiểm tra.
- Sinh viên về chỗ ngồi, chuẩn bị phần kiểm tra. Thời gian chuẩn bị: 3 phút
- Sinh viên trình bày phần kiểm nói: Thời gian: 5 phút (3 phút trình bày chủ đề, 2 phút trả lời câu hỏi thêm của giảng viên)

### 2. Nội dung trình bày: gồm 4 phần

- Phần 1: Sinh viên giới thiệu về bản thân.
- Phần 2: Đọc đoạn hội thoại
- Phần 3: Sinh viên trình bày chủ đề trong đề thi.
- Phần 4: Sinh viên trả lời một số câu hỏi thêm của giám khảo.

### 3. Thang điểm: Tổng điểm: 10 điểm

- Phần 1: 3 điểm
- Phần 2: 2 điểm.
- Phần 3: 3 điểm.
- Phần 4: 2 điểm

Sau khi chấm cá nhân xong, hai giảng viên thống nhất cho điểm thống nhất toàn bài của thí sinh. Nếu điểm của hai giảng viên chênh lệch dưới 2 điểm thì tổng điểm của bài là trung bình cộng điểm của hai giám khảo đã cho, nếu chênh lệch quá 2 điểm thì phải thảo luận cả nhóm để cả nhóm chấm để quyết định.

**ORAL PROFICIENCY SCORING CATEGORIES PROPOSED BY H. DOUGLAS BROWN (2004)**

Score	Aspects					
	Grammar	Vocabulary	Comprehension	Fluency	Pronunciation	Task
1	Errors in grammar are frequent, but speaker can be understood by a native speaker used to dealing with foreigner	Speaking vocabulary inadequate to express anything but the most elementary needs.	Within the scope of his very limited language experience, can understand simple questions and statements if delivered with slowed speech, repetition or paraphrase.	(no specific fluency description. Refer to other four language areas for implied level of fluency.)	Errors in pronunciation are frequent but can be understood by a native speaker used to dealing with foreigners attempting to speak his language.	Can ask and answer questions on topics very familiar to him. Able to satisfy routine travel needs and minimum courtesy requirements, (should be able to order a simple meal, ask and give simple directions, make purchases and tell time)
2	Can usually handle elementary constructions quite accurately but does not have thorough or confident control of the grammar.	Has speaking vocabulary sufficient to express himself simply with some circumlocutions.	Can get the gist of most conversation of non-technical subjects, (i.e., topics that require no specialized knowledge)	Can handle with confidence but not with facility most social situations, including introductions and casual conversations about current events, as well as work, family and autobiographical information.	Accent is intelligible though often quite faulty.	Able to satisfy routine social demands and work requirements; needs help in handling any complication or difficulties.
3	Control of grammar is good. Able to speak the language with sufficient structural accuracy to	Able to speak the language with sufficient vocabulary to participate	Comprehension is quite complete at a normal rate of speech.	Can discuss particular interests of competence with reasonable ease.	Errors never Interfere with understanding and rarely disturb the	Can participate effectively in most formal and informal conversations on

	participate effectively in most formal and informal conversations on practical, social and professional topics.	effectively in most formal and informal conversations on practical, social and professional topics. Vocabulary is broad enough that he rarely has to grope for a word.		Rarely has to grope for words.	Native speaker. Accent may be obviously foreign.	practical, social and professional topics.
4	Able to use the language accurately on all levels normally pertinent to professional needs. Errors in grammar are quite rare.	Can understand and participate in any conversation within the range of his experience with a high degree of precision of vocabulary.	Can understand any conversation within the range of his experience.	Able to use the language fluently on all levels normally pertinent to professional needs. Can participate in any conversation within the range of this experience with high degree of fluency.	Errors in pronunciation are quite rare.	Would rarely be taken for a native speaker but can respond appropriately even in unfamiliar situations. Can handle informal interpreting form and into language.
5	Equivalent to that of an educated native speaker.	Speech on all levels is fully accepted by educated native speakers in all its features including breadth of vocabulary and idioms, colloquialism and pertinent cultural references.	Equivalent to that of an educated native speaker.	Has complete fluency in the language such that his speech is fully accepted by educated native speakers.	Equivalent to and fully accepted by educated native speakers.	Speaking proficiency equivalent to that of an educated native speaker.

## HƯỚNG DẪN CHẤM NÓI DÀNH CHO GIẢNG VIÊN

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC 1 Điểm < 4.0	MỨC 2 Từ 4.0 đến 5.4	MỨC 3 Từ 5.5 đến 6.9	MỨC 4 Từ 7.0 đến 8.4	MỨC 5 Từ 8.5 đến 10
<b>Nội dung</b>	<b>30%</b>	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, các ý chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, có minh họa, lập luận nhưng đôi chỗ chưa phù hợp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Có minh họa, lập luận phù hợp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Có minh họa, lập luận phong phú, logic.
<b>Độ chính xác (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp)</b>	<b>30%</b>	Sử dụng từ ngữ nghèo nàn, phát âm và ngữ pháp không chuẩn, thường xuyên mắc lỗi, gây khó hiểu	Vốn từ sử dụng còn đơn giản. Sử dụng ngữ pháp còn chưa chính xác, phát âm còn sai nhiều từ.	Sử dụng từ vựng chưa phong phú, ngữ pháp và ngữ âm còn vài lỗi nhỏ nhưng vẫn có thể hiểu được.	Sử dụng từ ngữ phù hợp nhưng chưa đa dạng, Còn một số từ phát âm không rõ ràng.	Sử dụng từ ngữ phong phú, đa dạng, ngữ pháp và ngữ âm rõ ràng, chính xác.
<b>Độ trôi chảy</b>	<b>20%</b>	Không thể diễn đạt được ý: Ngắt quãng, rời rạc.	Nói những từ đơn lẻ, rất chậm và ngắn.	Nói ngập ngừng vì phải nhớ lại và tìm kiếm từ.	Nói chưa thực sự trôi chảy, còn có lúc ngập ngừng.	Nói trôi chảy, ít ngập ngừng nhưng không gây cản trở giao tiếp.
<b>Phong cách</b>	<b>20%</b>	Trình bày không tự tin: rụt rè, lúng túng.	Trình bày thiếu tự tin, gây khó nghe, khó hiểu.	Trình bày còn chưa thực sự tự tin nhưng rõ ràng, dễ nghe, dễ hiểu	Trình bày tự tin, có sử dụng ngôn ngữ cơ thể.	Trình bày lôi cuốn, tự tin, sử dụng tốt ngôn ngữ cơ thể.

## CLASSROOM OBSERVATION

No	Indicators	Observed aspects	Score			
			1	2	3	4
1	Diligently facing the task	Students focus on answering questions given.				
2	Resilient in facing difficulties	Students ask or discuss when encountering difficulties.				
3	Show interest in learning speaking	Students prepare learning tools or stationery.				
4	Prefer to work independently	Students work on assignments independently				
5	Do not get bored with learning routines	Students are enthusiastic about learning speaking				
6	Happy to answer the questions	Students work on assignments given.				
7	Other					



## ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA NÓI TRƯỚC THỰC NGHIỆM

PRE - TEST												
STT	CONTROL GROUP						STT	EXPERIMENTAL GROUP				
	I	II	III	IV	TỔNG			I	II	III	IV	TỔNG
CG1	2.1	1.2	2.4	0.6	6.3		EG1	2.4	1.2	1.2	0.8	5.6
CG2	2.4	1.4	2.7	0.6	7.1		EG2	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0
CG3	2.1	1.2	2.1	0.4	5.8		EG3	2.1	1.8	1.5	0.6	6.0
CG4	2.4	1.6	1.5	0.6	6.1		EG4	1.8	1.4	1.9	0.6	5.7
CG5	2.1	1.2	1.2	0.2	4.7		EG5	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG6	2.1	1.0	1.5	0.6	5.2		EG6	2.1	1.2	1.8	0.6	5.7
CG7	2.3	1.2	1.5	0.8	5.8		EG7	1.5	1.0	1.5	0.6	4.6
CG8	1.8	1.8	1.8	0.6	6.0		EG8	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0
CG9	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0		EG9	2.1	1.4	1.5	0.6	5.6
CG10	2.1	1.2	1.8	0.4	5.5		EG10	1.8	1.2	1.5	0.6	5.1
CG11	2.7	1.6	1.5	0.6	6.4		EG11	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG12	2.1	1.2	0.9	0.6	4.8		EG12	1.5	0.8	2.1	0.6	5.0
CG13	2.3	1.6	1.5	0.4	5.8		EG13	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG14	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG14	2.4	1.6	1.5	0.2	5.7
CG15	2.1	1.6	1.8	0.4	5.9		EG15	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG16	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG16	1.8	1.2	1.5	0.6	5.1
CG17	2.1	1.8	1.2	0.6	5.0		EG17	2.1	1.2	2.4	0.6	6.3
CG18	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0		EG18	2.4	1.4	2.7	0.6	7.1
CG19	2.1	1.8	1.5	0.6	6.0		EG19	2.1	1.2	2.1	0.4	5.8
CG20	2.1	1.2	2.1	0.6	6.0		EG20	2.4	1.6	1.5	0.6	6.1
CG21	2.1	1.4	1.5	0.4	5.4		EG21	2.1	1.2	1.2	0.2	4.7

CG22	2.1	1.2	1.8	0.6	5.7		EG22	2.1	1.0	1.5	0.6	5.2
CG23	1.5	1.0	1.5	0.6	4.6		EG23	2.1	1.2	2.1	0.4	5.8
CG24	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0		EG24	1.8	1.8	1.8	0.6	6.0
CG25	2.1	1.4	1.5	0.6	5.6		EG25	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0
CG26	1.8	1.2	1.5	0.6	5.1		EG26	2.1	1.2	1.8	0.4	5.5
CG27	2.1	1.6	1.2	0.6	5.5		EG27	2.7	1.6	1.5	0.6	6.4
CG28	2.1	1.6	1.5	0.6	5.8		EG28	2.1	1.2	0.9	0.6	4.8
CG29	1.5	1.2	1.8	0.8	5.3		EG29	2.4	0.8	1.5	0.3	5.0
CG30	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG30	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG31	1.2	1.8	1.5	0.6	5.1		EG31	2.1	1.6	1.8	0.4	5.9
CG32	2.1	1.2	1.2	0.4	4.9		EG32	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG33	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG33	2.1	1.6	1.2	0.6	5.5
CG34	1.5	1.2	2.1	0.6	5.4		EG34	2.1	1.6	1.5	0.6	5.8
CG35	2.1	1.2	1.5	0.8	5.6		EG35	1.5	1.2	1.8	0.8	5.3
CG36	2.4	1.6	1.5	0.2	5.7		EG36	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4
CG37	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG37	1.2	1.2	1.5	0.6	4.5
CG38	1.8	1.2	1.5	0.6	5.1		EG38	2.1	1.2	1.2	0.4	4.9
							EG39	2.1	1.4	1.2	0.6	5.3
							EG40	2.1	1.2	1.5	0.2	5.0
							EG41	2.1	1.4	1.5	0.6	5.6

## ĐIỂM CÁC BÀI KIỂM TRA NÓI SAU THỰC NGHIỆM

POST - TEST												
STT	CONTROL GROUP						STT	EXPERIMENTAL GROUP				
	I	II	III	IV	TỔNG			I	I	III	IV	TỔNG
CG1	2.1	1.0	1.8	0.6	5.5		EG1	2.1	1.6	1.2	1.0	5.9
CG2	2.1	1.8	2.1	1.2	7.2		EG2	2.1	1.2	2.1	1.0	6.4
CG3	2.1	1.4	1.5	1.0	6.0		EG3	2.1	1.4	1.5	1.0	6.0
CG4	2.1	1.2	1.5	1.0	5.8		EG4	1.8	1.6	1.8	1.0	6.2
CG5	1.5	1.6	1.8	0.8	5.7		EG5	1.8	1.2	2.1	0.8	5.9
CG6	2.1	1.2	1.2	1.0	5.5		EG6	1.8	1.2	1.5	0.8	5.3
CG7	1.5	1.0	1.5	1.0	5.0		EG7	1.5	1.0	1.5	1.0	5.0
CG8	1.8	1.2	1.5	1.2	5.7		EG8	1.8	1.2	1.5	1.2	5.7
CG9	2.1	1.8	1.5	0.6	6.0		EG9	1.8	1.2	1.5	1.0	5.5
CG10	1.8	1.4	2.1	0.6	5.9		EG10	2.1	1.2	1.8	1.0	6.1
CG11	1.8	1.0	1.5	1.0	5.3		EG11	1.8	1.2	1.2	0.8	5.0
CG12	1.8	1.0	1.5	0.6	4.9		EG12	1.5	1.0	1.2	1.0	4.7
CG13	1.5	1.0	1.5	1.0	5.0		EG13	1.8	1.2	1.5	0.8	5.3
CG14	1.5	1.2	1.8	0.8	5.3		EG14	1.2	1.4	2.1	1.0	5.7
CG15	1.8	1.0	1.5	1.0	5.3		EG15	2.1	1.8	1.5	1.4	6.8
CG16	1.8	1.0	1.8	0.6	5.2		EG16	1.8	1.2	2.1	1.0	6.1
CG17	2.1	1.6	1.2	1.0	5.9		EG17	2.4	1.4	1.5	1.2	6.5
CG18	2.1	1.6	1.5	0.6	5.8		EG18	1.8	1.8	1.5	1.4	6.5
CG19	1.8	1.6	1.8	0.8	6.0		EG19	2.1	1.2	1.8	1.0	6.1
CG20	2.1	1.2	1.5	1.2	6.0		EG20	2.1	1.2	1.5	1.2	6.0
CG21	1.5	1.2	1.5	1.0	5.2		EG21	1.2	1.2	1.5	1.4	5.3

CG22	1.2	1.2	1.8	0.8	5.0		EG22	1.8	1.2	1.5	1.2	5.7
CG23	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG23	2.1	1.4	1.5	0.8	5.8
CG24	1.5	1.2	2.1	1.0	5.8		EG24	1.5	1.4	2.1	1.2	6.2
CG25	1.5	1.2	1.5	0.8	5.0		EG25	1.5	1.2	2.1	1.0	5.8
CG26	1.8	1.2	1.5	0.8	5.3		EG26	1.5	1.8	1.5	1.0	5.8
CG27	2.1	1.0	1.5	1.0	5.6		EG27	2.4	1.6	1.5	0.8	6.3
CG28	1.8	1.2	1.5	0.6	5.1		EG28	1.5	1.0	1.5	1.0	5.0
CG29	2.1	1.0	1.8	1.0	5.9		EG29	1.8	1.6	1.5	0.6	5.5
CG30	2.1	1.8	1.2	0.8	5.9		EG30	2.1	1.2	1.5	1.0	5.8
CG31	2.1	1.2	1.5	0.6	5.4		EG31	2.1	1.2	1.5	1.4	6.2
CG32	1.8	1.2	1.2	0.8	5.0		EG32	2.1	1.0	1.5	1.0	5.6
CG33	2.1	0.6	1.5	0.6	4.8		EG33	1.2	1.0	1.2	1.2	4.6
CG34	1.5	0.8	2.1	1.2	5.6		EG34	2.1	1.4	1.5	1.4	6.4
CG35	2.1	1.2	1.5	0.8	5.6		EG35	1.8	1.2	1.5	1.0	5.5
CG36	2.1	1.4	1.5	1.0	6.0		EG36	2.1	1.4	1.5	1.2	6.2
CG37	1.8	1.2	1.2	0.8	5.0		EG37	1.8	1.0	1.5	1.2	5.5
CG38	1.8	1.2	1.5	0.8	5.3		EG38	1.5	1.2	1.5	0.8	5.0
							EG39	1.5	1.0	1.5	1.0	5.0
							EG40	1.5	1.2	1.5	1.2	5.4
							EG41	1.5	1.4	1.2	1.0	5.1